



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THỊ (đồng Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – PHAN MẠNH HÙNG – TĂNG THỊ TUYẾT MAI
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – PHAN THU VÂN

NGŨ VĂN

7

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – PHAN MẠNH HÙNG – TẶNG THỊ TUYẾT MAI
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – PHAN THU VÂN

NGŨ VĂN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Việc viết hoa trong sách **Ngữ văn 7** được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa
để dành tặng các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Trên tay các em là cuốn sách giáo khoa **Ngữ văn 7**, bộ Chân trời sáng tạo của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tiếp nối sách **Ngữ văn 6**, **Ngữ văn 7** khơi gợi ở các em niềm say mê khám phá cuộc sống, con người; khuyến khích các em hình thành những ý tưởng mới; đồng thời giúp các em tiếp tục nâng cao các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Qua việc thực hiện các hoạt động học tập trong từng bài học, các em sẽ được bồi dưỡng các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; phát triển các năng lực chung như: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Sách **Ngữ văn 7** gồm mười bài học tương ứng với mười chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi trong cuộc sống của các em. Ở tập một, các em sẽ được lắng nghe, chiêm ngưỡng những âm thanh, hình ảnh của thế giới tự nhiên qua các bài thơ bốn chữ, năm chữ (*Tiếng nói của vạn vật*); tìm hiểu vốn kinh nghiệm, tri thức của nhân loại được đúc kết trong các truyện ngụ ngôn (*Bài học cuộc sống*); khám phá những vẻ đẹp khác nhau của tác phẩm văn chương trong những bài văn nghị luận văn học (*Những góc nhìn văn chương*); đón nhận món quà quý giá từ thiên nhiên, để hiểu ý nghĩa của thiên nhiên đối với cuộc sống của chúng ta qua các tản văn, tùy bút (*Quà tặng của thiên nhiên*); học cách đọc, cách ghi chép để hoàn thiện bản thân qua các văn bản thông tin (*Từng bước hoàn thiện bản thân*).

Ở tập hai, các em sẽ được mở rộng vốn sống để trưởng thành qua các văn bản nghị luận xã hội (*Hành trình tri thức*); thu nhận trí tuệ và kinh nghiệm sống của cha ông được kết tinh qua các câu tục ngữ (*Trí tuệ dân gian*); học cách hướng dẫn và thực hiện trò chơi, cách cắm một bình hoa đẹp qua các văn bản thông tin (*Nét đẹp văn hoá Việt*); du hành vào thế giới tưởng tượng phong phú của các truyện khoa học viễn tưởng (*Trong thế giới viễn tưởng*); học cách hiểu cảm xúc của bản thân với việc đọc một số bài thơ trữ tình (*Lắng nghe trái tim mình*).

Đến với mỗi bài học, các em sẽ được tìm hiểu về xã hội, thiên nhiên và về chính mình để từng bước hoàn thiện bản thân.

Để học tốt **Ngữ văn 7**, các em hãy đọc kỹ hướng dẫn và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong từng bài học.

NHÓM TÁC GIẢ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của phó từ.
- Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- Tóm tắt ý chính do người khác trình bày.
- Cảm nhận và yêu vẻ đẹp của thiên nhiên.

Yêu cầu cần đạt là căn cứ để em:

- Định hướng cách học.
- Tự kiểm soát mức độ đạt được yêu cầu của bài học.

Đọc phần **giới thiệu bài học** em sẽ biết chủ đề của bài học và thể loại chính của văn bản.

Hằng ngày, em được đón nhận bao âm thanh, hình ảnh phong phú của thiên nhiên: tiếng xào xạc của lá cây, sắc thơm của hoa mai; ánh mắt biết nói của những chú cún con,... Phải chăng vạn vật đều có tiếng nói riêng của nó?

Những âm thanh, hình ảnh của thế giới quanh ta đã đi vào bao vần thơ, và được các nhà thơ cảm nhận bằng cả tâm hồn. Bài học này sẽ giúp em trải nghiệm được điều đó qua việc đọc hiểu những bài thơ bốn chữ, năm chữ.

? Việc cảm nhận thế giới tự nhiên có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của chúng ta?

Suy ngẫm và tìm câu trả lời cho **câu hỏi** này để hiểu ý nghĩa của bài học.



ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Thơ bốn chữ, năm chữ

Thơ bốn chữ là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ, thường có nhịp 2/2.

Thơ năm chữ là thể thơ mỗi dòng có năm chữ, thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3.

Thơ bốn chữ, năm chữ không hạn chế về số lượng dòng thơ trong một khổ thơ, số khổ thơ trong một bài thơ và thường sử dụng đan xen vần chân với vần lưng.

Phó từ

Phó từ là những từ chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ. Có thể chia phó từ thành hai nhóm sau:

- Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ, bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ, chẳng hạn: *những, các, mọi, mỗi, từng, ...*

Ví dụ: Vào **những** ngày ấy, nhà ông tung bím và chạt nịch người.

(Vũ Hùng, Ông Mợ)

Những khái niệm trong **Tri thức Ngữ văn** là công cụ giúp em đọc, viết, nói và nghe.

VĂN BẢN 1

LỜI CỦA CÂY

Trần Hữu Thung

Chuẩn bị đọc

Em đã bao giờ quan sát quá trình lớn lên của một cái cây, một bông hoa hay một con vật chưa? Điều đó gọi cho em suy nghĩ hoặc cảm xúc gì?

Trải nghiệm cùng văn bản

1. Khi đang là hạt
Cầm trong tay mình
Chưa gieo xuống đất
Hạt nằm lặng thinh.
2. Khi hạt này mầm
Nhú lên giọt sữa ¹
Mầm đã thi thắm
Ghé tai nghe rõ.

Tưởng tượng

- ¹ Em hình dung thế nào về hiện tượng này mầm qua hình ảnh "nhú lên giọt sữa"?

Sử dụng Tri thức Ngữ văn trả lời câu hỏi trong mục **Chuẩn bị đọc** giúp em hiểu văn bản tốt hơn.

Khi **Trải nghiệm cùng văn bản**, gặp những câu hỏi trong khung, hãy tạm dừng để suy ngẫm. Điều này giúp em hiểu rõ các chi tiết quan trọng của văn bản và tự kiểm soát cách hiểu văn bản của bản thân.

Các câu hỏi trong mục **Suy ngẫm và phân hồi** hướng dẫn em hình thành và phát triển kĩ năng đọc hiểu văn bản.

Suy ngẫm và phân hồi

1. Năm khổ thơ đầu là lời của ai? Khổ thơ cuối là lời của ai? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?
2. Tìm một số hình ảnh, từ ngữ đặc sắc mà tác giả đã sử dụng trong bài thơ để miêu tả quá trình từ hạt thành cây và thể hiện quá trình đó bằng sơ đồ.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ÔNG MỘT'

Vũ Hùng

Đọc văn bản ở mục **Kết nối chủ điểm** để thấy một vấn đề có nhiều cách thể hiện khác nhau.

Thực hành tiếng Việt để đọc hiểu văn bản tốt hơn.

1. Tìm phó từ trong những trường hợp sau, cho biết các phó từ ấy bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ nào:

- a. Chưa gieo xuống đất
Hạt nằm lặng thinh.

(Trần Hữu Thung, *Lời của cây*)

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CON CHIM CHIẾN CHIỆN

Huy Cận

Đọc mở rộng theo thể loại giúp em biết cách đọc các văn bản cùng thể loại.



VIẾT

LÀM MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ

Trong các văn bản 1, 2 và 4, em đã được đọc các bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ miêu tả thiên nhiên sống động, với những tình cảm, hành động như con người, đồng thời thể hiện cách nhìn, cách cảm độc đáo của các tác giả. Vậy, làm thế nào để viết được một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ? Phần hướng dẫn dưới đây sẽ giúp em biết cách làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

Một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ:

- Thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận,... của người viết về cuộc sống.
- Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.
- Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị.
- Gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.
- Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.
- Đảm bảo đủ số chữ (bốn chữ hoặc năm chữ) ở các dòng thơ theo yêu cầu của thể loại.

Đọc kĩ những thông tin trong mục này để có những tri thức cơ bản về **kiểu bài** mà em sẽ thực hành.

Đọc, quan sát những thông tin trong mục này giúp em hiểu **đặc điểm kiểu văn bản**, từ đó học cách tạo lập kiểu văn bản tương tự.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Mở đoạn

Tôi rất thích⁽¹⁾ bài thơ *Nắng hồng* của Bảo Ngọc vì cách dẫn dắt bất ngờ, thú vị của tác giả từ hình ảnh mùa đông đến hình ảnh người mẹ⁽⁹⁾. Thủ pháp nhân hoá trong bốn khổ thơ đầu giúp tôi không chỉ hình dung hình ảnh sống động của mùa đông⁽³⁾ mà còn cảm nhận được rõ nét cái rét buốt của tiết trời lạnh giá: “áo trời xám ngắt”, “se se giấu tiếng hát”, “mưa phún giăng đầy ngõ”⁽²⁾,.... Cảnh vật xám ngắt và buốt công ấy⁽³⁾

Thân đoạn

bông sáng bùng vì hình ảnh mẹ. Hình ảnh mẹ⁽³⁾ trong hai khổ thơ cuối được gọi là từ xa đến gần trong sự trông ngóng của một đứa trẻ. Dường như người con ấy⁽³⁾ đang ngồi trên bậc cửa, nhìn ra màn sương ngóng mẹ. Rồi đứa trẻ⁽³⁾ bất chợt nhận ra: chiếc áo choàng đỏ của mẹ xuất hiện như “đốm nắng”⁽²⁾ đang trôi trong sương, tiếp theo là nụ cười như “giọt nắng hồng”⁽²⁾ làm tan cái công buốt của mùa đông, đem đến mùa xuân tươi sáng. Bài thơ⁽³⁾ dẫn dắt người đọc đi từ những hình ảnh mùa đông⁽³⁾ lạnh giá đến hình ảnh ấm áp của mẹ⁽³⁾, giúp tôi cảm nhận⁽¹⁾ rõ hơn về tình mẹ và cả những yêu thương của một đứa trẻ dành cho mẹ.^(**)

Kết đoạn

(*) Câu chủ đề của đoạn văn: giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.

(1) Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ.

(2) Những chi tiết, hình ảnh được trích ra từ bài thơ.

(3) Những từ ngữ dùng để liên kết câu.

(**) Câu kết đoạn.

(Nhóm biên soạn)

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Chủ đề bản tin học tập Ngữ văn tháng này của trường em là: “Vẻ đẹp của những bài thơ”. Em vừa đọc được một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ rất hay và muốn viết đoạn văn khoảng 200 chữ để chia sẻ cảm xúc về bài thơ đó với các bạn. Hãy thực hiện dự định của mình và gửi đoạn văn đến ban biên tập bản tin.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Hãy đọc kĩ đề bài và xác định:

Thực hiện những yêu cầu trong **Hướng dẫn quy trình viết** giúp em từng bước học cách viết, cách lập kế hoạch cho quá trình viết, tự định hướng và tự kiểm soát bài viết.

Thực hành những hướng dẫn trong **Nói và nghe** để học cách nói, nghe, cách phản biện; cách tự định hướng và tự điều chỉnh kĩ năng giao tiếp.



NÓI VÀ NGHE

TÓM TẮT Ý CHÍNH DO NGƯỜI KHÁC TRÌNH BÀY

Khi tham dự các buổi thảo luận, các cuộc họp... việc tóm tắt được ý chính về nội dung trình bày của người khác giúp em nắm bắt được nội dung cốt lõi của bài nói, chủ động ghi chép ý chính cũng như trao đổi, đặt câu hỏi hoặc phản biện ý kiến của người nói.

Để nghe và tóm tắt ý chính do người khác trình bày, em hãy làm theo hướng dẫn dưới đây:

Bước 1: Nghe ý chính và ghi tóm tắt

Tập trung lắng nghe nội dung và chú ý vào ý chính của bài nói (vấn đề trọng tâm mà người nói sẽ trình bày).

• Chú ý phần mở đầu và phần kết thúc. Thông thường, người trình bày sẽ giới thiệu ý chính của bài nói trong phần mở đầu bằng một số mẫu câu như “*Hôm nay, tôi sẽ trình bày về...*”, “*Trong bài này, tôi muốn nhấn mạnh về vấn đề...*”. Những ý chính của bài cũng sẽ được nhấn mạnh ở phần kết thúc.

ÔN TẬP

1. Chỉ ra một số điểm giống và khác nhau giữa hai văn bản sau bằng cách điền vào bảng dưới đây (làm vào vở):

	Văn bản	Lời của cây	Sang thu
Phương diện so sánh			
Điểm giống nhau (nội dung, nghệ thuật,...)			
Điểm khác nhau (nội dung, nghệ thuật,...)			

Các bài tập trong mục **Ôn tập** giúp em củng cố kiến thức về tiếng Việt và các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu.....	3
Hướng dẫn sử dụng sách.....	4
BÀI 1: TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT (THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ).....	10
ĐỌC	10
<i>Lời của cây</i> (Trần Hữu Thung)	13
<i>Sang thu</i> (Hữu Thỉnh)	15
<i>Ông Một</i> (Vũ Hùng)	16
Thực hành tiếng Việt	18
<i>Con chim chiến chiến</i> (Huy Cận)	21
VIẾT.....	22
Làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.....	22
Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	25
NÓI VÀ NGHE	29
Tóm tắt ý chính do người khác trình bày.....	29
ÔN TẬP	30
BÀI 2: BÀI HỌC CUỘC SỐNG (TRUYỆN NGỤ NGÔN)	31
ĐỌC	32
<i>Những cái nhìn hạn hẹp</i>	33
<i>Những tình huống hiểm nghèo</i>	36
<i>Biết người, biết ta</i>	40
Thực hành tiếng Việt	41
<i>Chân, tay, tai, mắt, miệng</i>	43
VIẾT.....	45
Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.....	45
NÓI VÀ NGHE	50
Kể lại một truyện ngụ ngôn	50
Sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, hài hước trong khi nói và nghe	52
ÔN TẬP	53
BÀI 3: NHỮNG GÓC NHÌN VĂN CHƯƠNG (NGHỊ LUẬN VĂN HỌC)	54
ĐỌC	55
<i>Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian</i> (Theo Trần Thị An)	56
<i>Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen"</i> (Theo Hoàng Tiến Tựu)	59
<i>Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm</i> (Li-xơ bốt Đao-mon-tơ)	62

Thực hành tiếng Việt	64
Sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng" (Theo Minh Khuê)	65
VIẾT	67
Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.....	67
NÓI VÀ NGHE	72
Thảo luận nhóm về vấn đề gây tranh cãi	72
ÔN TẬP	75
BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN (TẢN VĂN, TÙY BÚT)	76
ĐỌC	76
Cổm Vòng (Vũ Bằng)	78
Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát (Y Phương)	82
Thu sang (Đỗ Trọng Khơi).....	86
Thực hành tiếng Việt	87
Mùa phơi sắn trước (Nguyễn Ngọc Tư).....	87
VIẾT	89
Viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc	89
NÓI VÀ NGHE	94
Tóm tắt ý chính do người khác trình bày	94
ÔN TẬP	95
BÀI 5: TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN BẢN THÂN (VĂN BẢN THÔNG TIN)	96
ĐỌC	97
Chúng ta có thể đọc nhanh hơn? (A-đam Khu)	98
Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học (Du Gia Huy).....	102
Bài học từ cây cau (Nguyễn Văn Học)	105
Thực hành tiếng Việt	107
Phòng tránh đuối nước (Theo Nguyễn Trọng An)	109
VIẾT	112
Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động	112
NÓI VÀ NGHE	117
Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động	118
ÔN TẬP	120
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I	121
BẢNG HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG VIẾT	125
BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI	126
BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ	127

TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT (Thơ bốn chữ, năm chữ)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của phó từ.
- Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- Tóm tắt ý chính do người khác trình bày.
- Cảm nhận và yêu vẻ đẹp của thiên nhiên.

Hằng ngày, em được đón nhận bao âm thanh, hình ảnh phong phú của thiên nhiên: tiếng xào xạc của lá cây, sắc thắm của hoa mai; ánh mắt biết nói của những chú cún con,... Phải chăng vạn vật đều có tiếng nói riêng của nó?

? Việc cảm nhận thế giới tự nhiên có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của chúng ta?

Những âm thanh, hình ảnh của thế giới quanh ta đã đi vào bao vần thơ, và được các nhà thơ cảm nhận bằng cả tâm hồn. Bài học này sẽ giúp em trải nghiệm được điều đó qua việc đọc hiểu những bài thơ bốn chữ, năm chữ.



ĐỌC

TRI THỨC NGŨ VĂN

Thơ bốn chữ, năm chữ

Thơ bốn chữ là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ, thường có nhịp 2/2.

Thơ năm chữ là thể thơ mỗi dòng có năm chữ, thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3.

Thơ bốn chữ, năm chữ không hạn chế về số lượng dòng thơ trong một khổ thơ, số khổ thơ trong một bài thơ và thường sử dụng đan xen vần chân với vần lưng.

Hình ảnh trong thơ

Hình ảnh trong thơ là những chi tiết, cảnh tượng từ thực tế đời sống, được tái hiện bằng ngôn ngữ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người. Chẳng hạn hình ảnh “buồm trắng” trong câu thơ “Cha mượn cho con buồm trắng nhé/ Để con đi...” thể hiện niềm khao khát được đi đến những bờ bến mới của nhân vật “con” trong bài thơ *Những cánh buồm* (Hoàng Trung Thông).

Vần, nhịp và vai trò của vần, nhịp trong thơ

Vần trong thơ Việt Nam gồm vần chân và vần lưng. *Vần chân* (hay *cước vận*) là vần được gieo vào cuối dòng thơ, nghĩa là các tiếng ở cuối dòng vần với nhau. *Vần chân* là hình thức gieo vần phổ biến nhất trong thơ.

Ví dụ: *Tiếng đàn bầu của ta*
Lời dằm thắm thiết tha
Cung thanh là tiếng mẹ
Cung trầm như giọng cha.
(Lữ Giang, *Đàn bầu*)

Vần lưng (hay *yêu vận*): là vần được gieo ở giữa dòng thơ, nghĩa là tiếng cuối của dòng trên vần với một tiếng nằm ở giữa dòng dưới hoặc các tiếng trong cùng một dòng thơ hiệp vần với nhau.

Ví dụ: *Chúng em trong bản nhỏ*
Phơi thật nhiều cộ thơm
Để mùa đông đem tặng
Ngựa biên phòng yêu thương.
(Phan Thị Thanh Nhàn, *Ngựa biên phòng*)

Cánh diều nọ gió
Tiếng nó chơi vơi
Diều là hạt cau
Phơi trên nong trời
(Trần Đăng Khoa, *Thả diều*)

Vai trò của vần trong thơ: vần có vai trò liên kết các dòng và câu thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hoà, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.

Nhịp thơ và vai trò của nhịp trong thơ: nhịp thơ được biểu hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng (ngắt dòng) đều đặn cuối mỗi dòng thơ. Nhịp có tác dụng tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung thơ.

Ví dụ: *Chú bé/ loắt choắt*
Cái xác/ xinh xinh
Cái chân/ thoăn thoắt
Cái đầu/ nghênh nghênh.

(Tố Hữu, *Lượm*)

Cách ngắt nhịp ngắn 2/2 của từng dòng thơ và ngắt ở cuối mỗi dòng thơ trong ví dụ trên góp phần tạo nên tiết tấu rộn ràng, vui tươi cho đoạn thơ, gợi lên hình ảnh hồn nhiên, hoạt bát của chú bé Lượm.

Thông điệp

Thông điệp (của văn bản) là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà văn bản muốn truyền đến người đọc.

Ví dụ: Thông điệp mà nhiều truyện cổ tích muốn truyền đến người đọc là gieo nhân nào gặt quả ấy, ở hiền gặp lành, cái thiện thắng cái ác.

Phó từ

Phó từ là những từ chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ. Có thể chia phó từ thành hai nhóm sau:

– Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ, bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ, chẳng hạn: *những, các, mọi, mỗi, từng,...*

Ví dụ: *Vào **những** ngày ấy, nhà ông tung búng và chạt nich người.*

(Vũ Hùng, *Ông Một*)

– Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước hoặc sau động từ, tính từ, chẳng hạn: *đã, đang, sẽ, vẫn, còn, cứ, không, chưa, chẳng, rất, quá, lắm,...*

Khi đứng trước động từ, tính từ, phó từ thường bổ sung cho hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất được nêu ở động từ, tính từ một số ý nghĩa như: quan hệ thời gian, mức độ, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến,...

Ví dụ: *Chưa nghe hết câu, tôi **đã** héch răng lên, xì một hơi rõ dài.*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

Trong câu văn trên, phó từ *đã* đứng trước động từ *héch* để bổ sung ý nghĩa thời gian cho hành động.

Khi đứng sau động từ, tính từ, phó từ thường bổ sung cho động từ, tính từ đó một số ý nghĩa như: mức độ, khả năng, kết quả và phương hướng,...

Ví dụ: *Tôi **tợn** lắm.*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

Phó từ *lắm* trong câu văn trên đứng sau tính từ *tợn* để bổ sung ý nghĩa về mức độ cho tính từ.

LỜI CỦA CÂY

Trần Hữu Thung



Chuẩn bị đọc

Em đã bao giờ quan sát quá trình lớn lên của một cái cây, một bông hoa hay một con vật chưa? Điều đó gợi cho em suy nghĩ hoặc cảm xúc gì?

Trải nghiệm cùng văn bản

1. Khi đang là hạt
Cầm trong tay mình
Chưa gieo xuống đất
Hạt nằm lặng thinh.
2. Khi hạt nảy mầm
Nhú lên giọt sữa **1**
Mầm đã thì thào
Ghé tai nghe rõ.
3. Mầm tròn nằm giữa
Vỏ hạt làm nôi
Nghe bàn tay vỗ
Nghe tiếng ru hời.

Tưởng tượng

- 1** Em hình dung thế nào về hiện tượng nảy mầm qua hình ảnh "nhú lên giọt sữa"?

4. Mầm kiêng gió bắc¹
Kiêng nhất mưa giông²
Nghe mầm mở mắt
Đón tia nắng hồng. ²

5. Khi cây đã thành
Nở vài lá bé
Là nghe màu xanh
Bắt đầu bập bẹ.

6. Rằng các bạn ơi
Cây chính là tôi
Nay mai sẽ lớn
Góp xanh đất trời.

(In trong *Những bài thơ em yêu*, Phạm Hồ, Nguyễn Nghiệp tuyển chọn, NXB Giáo dục Việt Nam, 2004)

Theo dõi

² Chú ý những động từ miêu tả quá trình lớn lên của hạt mầm ở các khổ thơ 2, 3 và 4.

Suy ngẫm và phân hồi

1. Năm khổ thơ đầu là lời của ai? Khổ thơ cuối là lời của ai? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?
2. Tìm một số hình ảnh, từ ngữ đặc sắc mà tác giả đã sử dụng trong bài thơ để miêu tả quá trình từ hạt thành cây và thể hiện quá trình đó bằng sơ đồ.
3. Theo em, những dòng thơ như “Ghé tai nghe rở”, “Nghe mầm mở mắt” thể hiện mối quan hệ như thế nào giữa hạt mầm và nhân vật đang “ghé tai nghe rở”?
4. Tìm những hình ảnh, từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc mà tác giả dành cho những mầm cây. Hãy cho biết đó là tình cảm gì?
5. Xác định các biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong văn bản. Phân tích tác dụng của chúng.
6. Nhận xét về cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ trên và cho biết vần và nhịp đã có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện “lời của cây”.
7. Xác định chủ đề và thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.
8. Hãy tưởng tượng mình là một cái cây, một bông hoa hoặc một con vật cưng trong nhà và viết khoảng năm câu thể hiện cảm xúc khi mình hoá thân.

¹ *Gió bắc*: gió từ phương Bắc thổi về, lạnh, gây rét nên có hại cho cây cối, mùa màng.

² *Mưa giông*: hiện tượng thời tiết thường xảy ra vào mùa hè, có gió to, sấm sét, mưa rào.



Trần Hữu Thung (1923 –1999) quê ở Diễn Minh, Diễn Châu, Nghệ An, xuất thân trong một gia đình nông dân. Ông tham gia Cách mạng từ năm 1944 và bắt đầu làm thơ từ thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Thơ ông thể hiện sự mộc mạc, dân dã, chân chất, hồn nhiên của người dân quê.

Ông có những tập thơ tiêu biểu như: *Dặn con* (1955), *Gió Nam* (1962), *Đất quê mình* (1971), *Tiếng chim đồng* (1975), *Anh vẫn hành quân* (1983),...

VĂN BẢN 2

SANG THU

Hữu Thỉnh

Chuẩn bị đọc

Em hãy chia sẻ cảm nhận của mình về thiên nhiên vào thời khắc giao mùa.

Trải nghiệm cùng văn bản

1. Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.
2. Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu. ❶
3. Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi. ❷

Tưởng tượng

- ❶ Em hình dung thế nào về hình ảnh "Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu"?

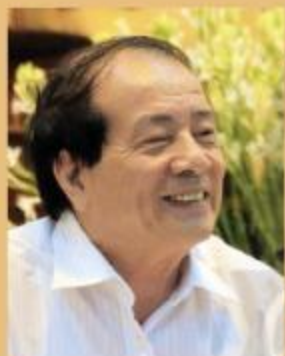
Theo dõi

- ❷ Điểm chung của những từ ngữ như *chùng chình*, *dềnh dàng*, *vắt nửa mình*, *vơi dần* là gì?

(In trong *Từ chiến hào đến thành phố*, NXB Văn học, 1991)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Bài thơ tả cảnh thiên nhiên vào thời điểm nào? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?
2. Tìm các từ ngữ, hình ảnh miêu tả những chuyển động của thiên nhiên trong bài thơ. Qua cách miêu tả đó, em cảm nhận như thế nào về tâm hồn nhà thơ?
3. Cách ngắt nhịp và gieo vần trong bài thơ *Sang thu* có tác dụng như thế nào đối với việc thể hiện nội dung văn bản?
4. Theo em, chủ đề của bài thơ *Sang thu* là gì? Qua bài thơ này, tác giả muốn gửi thông điệp gì đến người đọc?
5. Nếu nhan đề *Sang thu* được sửa thành *Thu* hay *Mùa thu* thì có phù hợp với nội dung của bài thơ hay không? Vì sao?
6. Đọc bài thơ *Sang thu*, em học được gì về cách quan sát, cảm nhận thiên nhiên của tác giả?
7. Chọn một từ ngữ trong bài thơ mà em cho là hay nhất. Viết ít nhất một câu để giải thích cho sự lựa chọn của em.



Hữu Thịnh (1942) tên thật là Nguyễn Hữu Thịnh, quê ở huyện Tam Dương, Vĩnh Phúc. Năm 1963, Hữu Thịnh tham gia quân đội và bắt đầu sáng tác thơ. Thơ Hữu Thịnh thường có những liên tưởng độc đáo thể hiện những suy tư giàu chất nhân văn và cái nhìn mang màu sắc triết lý về cuộc sống.

Một số tác phẩm tiêu biểu của ông là *Đường tới thành phố* (1979), *Từ chiến hào tới thành phố* (1991), *Thư mùa đông* (1994), *Trường ca biển* (1994),...

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ÔNG MỘT¹

Vũ Hùng

Văn bản *Ông Một* được trích từ *Phía Tây Trường Sơn*, in trong tập truyện *Những truyện hay viết cho thiếu nhi – Vũ Hùng* (NXB Kim Đồng, 2020). Tập truyện gồm bốn truyện: *Sao Sao*, *Các bạn của Đam Đam*, *Phía Tây Trường Sơn*, *Ngày hè*.

Phía Tây Trường Sơn kể về chuyến đi của ba chiến sĩ trẻ ở Trung đoàn quân tình nguyện Việt Nam đến vùng Nam Lào vào năm 1947. Thời điểm đó, bộ đội Lào tặng cho bộ đội Việt Nam ba con voi để vận chuyển hàng hoá, vũ khí trên dãy Trường Sơn.

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Ba chiến sĩ trẻ là Hưng, Sơn, Đức được giao nhiệm vụ vượt dãy Trường Sơn, đến bản Bun Mi, làng Vông Xay để học làm quản tượng¹ rồi dong voi về. Trong chuyến đi kéo dài hơn một năm, họ được khám phá thế giới tự nhiên, học hỏi được nhiều điều mới lạ và thú vị về loài voi, những con vật thông minh, dũng cảm, trung thành và rất tinh nghĩa với con người. Đồng thời, họ được trải nghiệm những phong tục tập quán, văn hoá của "đất nước triệu voi" như tục phóng sinh, ăn Tết, té nước, lễ chào đón một em bé ra đời, cách săn voi,... Chuyến đi đã để lại cho họ nhiều bài học về cách sống hài hoà với thiên nhiên, về thái độ trân trọng sự sống của muôn loài.

Đoạn văn bản dưới đây nằm trong phần đầu của *Phía Tây Trường Sơn*. Ba chiến sĩ cùng với ông Cao – người dẫn đường cho họ vượt Trường Sơn – tình cờ gặp con voi (mà ông trân trọng gọi là ông Một) của Đệ đốc² Lê Trực, một lãnh tụ của nghĩa quân trong thời kì kháng chiến chống Pháp vào cuối thế kỉ XIX. Sau khi bị giặc vây hãm, nghĩa quân dần tan tác, Đệ đốc Lê Trực buộc phải về quê, ông đã tặng con voi cho người quản tượng thân tín của mình chăm sóc. Ông Cao đã kể cho ba chiến sĩ nghe câu chuyện về con voi và người quản tượng.

Trải nghiệm cùng văn bản

Từ ngày rời căn cứ, con voi trở nên ủ rũ. Nó nhớ ông đệ đốc, nhớ đời chiến trận, nhớ rừng và gậy rạc đi vì cuộc sống tù túng dưới làng. Nó vẫn giúp người quản tượng phá rẫy, kéo gỗ, nhưng chỉ khuây khoả những lúc làm việc rồi sau đó lại đứng buồn thiu. Có bận nó bỏ ăn, không đụng vòi đến một ngọn mía, một sợi cỏ.

Người quản tượng hiểu lòng con voi. Nó là nguồn an ủi của ông lúc sa cơ. Ông chưa từng sống với ai lâu như sống với nó. Ông quen nó quá, khó xa rời nó được. Vậy mà, ông vẫn quyết định thả nó về rừng, nơi nó ra đời.

– Một mình ta chịu tù túng cũng đủ rồi – Người quản tượng thường tự bảo – Còn nó, nó phải được tự do.

Người quản tượng định ninh lúc gặp thời vận, Đệ đốc Lê Trực sẽ lại dấy quân, lúc đó ông sẽ đón con voi về. Ông để con vật nghỉ hết vụ hè, vỗ cho nó ăn. Ngày nào ông cũng cho nó ăn thêm hai vác mía to, hai thùng cháo. Ông coi con voi như con em trong nhà, giục giã nó:

– Ăn cỏ đi, ăn cho khoẻ, lấy sức mà về. Rừng già xa lắm, phải có sức mới đi tới nơi. Bao giờ chủ tướng dấy quân, lúc đó ta sẽ đón em trở lại.

Con voi đã cỏ ăn suốt mùa hè nhưng sang đến mùa thu thì không chịu ăn nữa. Trời thu yên tĩnh, gió rì rào đưa về làng hương vị của rừng xa. Con vật cứ vươn vòi đón gió và buồn bã rống gọi. Nó héo hơn đi như chiếc lá già.

Người quản tượng biết gió thu nổi lên làm con voi nhớ rừng. Ông quyết định thả ngay cho nó đi. [...]

¹ *Quản tượng*: người trông nom và điều khiển voi.

² *Đệ đốc*: một chức võ quan nắm giữ binh quyền một tỉnh thời nhà Nguyễn. Vào cuối thế kỉ XIX, sau khi triều đình nhà Nguyễn kí các hiệp ước với Pháp đã phát triển mạnh mẽ khắp cả nước, Đệ đốc Lê Trực tập hợp khoảng 2 000 nghĩa quân lập căn cứ chống Pháp ở vùng núi Thanh Thủy, thuộc tỉnh Quảng Bình.

Con voi đi đâu không ai biết, chỉ thấy hàng năm khi sang thu, nó lại xuống làng. Nó rống gọi rộn ràng từ xa, trước khi lội qua bên sông. Nghe tiếng rống, người làng bảo nhau: Ông Một về. Họ nô nức cùng người quản tượng ra đón nó ở tận đầu làng.

Con voi theo người quản tượng về mái nhà cũ, quý ở giữa sân. Thấy con vật luyên chủ trở về, người quản tượng như trẻ lại. Ông dẫn nó đi tắm rồi hơn hờ đưa nó lên nươg – ông vẫn trông sẵn cho nó một nươg mía – thắt đai nó những bữa no nê.

Vào những ngày ấy, nhà ông tung bùng và chạt ních người. Lũ trẻ kéo đến xúm xít dưới chân voi, còn các bô lão thì lại như xưa, đem đến cho nó đủ thứ quà.

Con voi thường lưu lại ở nhà người quản tượng vài hôm. Nó giúp ông đủ việc: Cuốn các ống bắng¹ ra sông lấy nước và không cần người đưa đất, lên nươg lấy vôi quắp những cây gỗ mang về. [...]

Được mười năm như thế, người quản tượng qua đời. Ông mất giữa lúc đất nước còn tối tăm, thời vận dấy quân chưa tới để ông đi đón con voi trở lại.

Lần ấy, khi con voi xuống làng thì người quản tượng không còn nữa. Không thấy ông ra đón ở đầu làng, con voi rào bước về nhà. Nó quý xuống giữa sân, rống gọi, rền rĩ mãi mà vẫn không thấy người quản tượng đi ra. Khi biết mọi tiếng rống gọi đều vô ích, con voi lồng chạy vào nhà. Cái thân hình to lớn của nó làm sập khung cửa và đổ gãy các đồ đạc. Nó hít hơi cái giường cũ của người quản tượng rồi buồn bã đi ra, chạy khắp làng tìm chủ. Các bô lão mang mía đến cho nó nhưng con voi không ăn mà cứ lồng chạy như voi hoang.

Từ đó, mấy năm con voi mới lại xuống làng một lần. Nó trở nên lặng lẽ, đảo qua nhà cũ của người quản tượng, tha thân đi trong sân, vừa tung vôi hit người khắp chỗ vừa khe khẽ rền rĩ rồi âm thầm bỏ đi...

(In trong *Những truyện hay viết cho thiếu nhi* – Vũ Hùng, NXB Kim Đồng, 2020)

Suy ngẫm và phân hồi

trời sáng tạo

1. Tìm một số chi tiết thể hiện tình cảm của con voi đối với Đê đốc Lê Trực và người quản tượng. Đó là tình cảm như thế nào?
2. Người quản tượng và dân làng đã cư xử ra sao với con voi?
3. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm phó từ trong những trường hợp sau, cho biết các phó từ ấy bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ nào:
 - a. Chưa gieo xuống đất
Hạt nằm lặng thinh.

(Trần Hữu Thung, *Lời của cây*)

¹ Ống bắng: loại ống thường làm bằng cây tre, cây vầu, dùng để lấy nước đem từ sông, suối về nhà.

b. *Mầm đã thì thắm*

Ghé tai nghe rõ.

(Trần Hữu Thung, *Lời của cây*)

c. *Vẫn còn bao nhiêu nắng*

Đã vơi dần cơn mưa

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi.

(Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

d. *Những buổi chiều tôi hay nhắm mắt sờ những bông hoa rồi tập đoán. Tôi đoán được hai loại hoa: hoa mồng gà và hoa hướng dương. Bỏ cười khà khà khen tiến bộ lắm! Một hôm khác, tôi đoán được ba loại hoa.*

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)

đ. *Nó vẫn giúp người quân tượng phá rẫy, kéo gỗ, nhưng chỉ khuây khoả những lúc làm việc rồi sau đó lại đờng buồn thiu.*

(Vũ Hùng, *Ông Một*)

e. *Khi biết mọi tiếng rống gọi đều vô ích, con voi lồng chạy vào nhà.*

(Vũ Hùng, *Ông Một*)

2. Trong những trường hợp sau, phó từ được in đậm bổ sung ý nghĩa cho động từ hoặc tính từ nào? Xác định ý nghĩa bổ sung trong từng trường hợp.

a. *Rằng các bạn ơi*

Cây chính là tôi

Nay mai sẽ lớn

Góp xanh đất trời.

(Trần Hữu Thung, *Lời của cây*)

b. *Sương chùng chình qua ngõ*

Hình như thu đã về.

(Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

c. *Ngày nào ông cũng cho nó ăn thêm hai vác mía to, hai thùng cháo.*

(Vũ Hùng, *Ông Một*)

d. *Ông quen nó quá, khó xa rời nó được.*

(Vũ Hùng, *Ông Một*)

3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.

Khi hạt nảy mầm

Nhí lên giọt sữa

Mầm đã thì thắm

Ghé tai nghe rõ.

(Trần Hữu Thung, *Lời của cây*)

4. Trong đoạn thơ sau, nếu thay từ “phả” bằng từ “toả” hay “quyện” thì nội dung câu thơ thay đổi như thế nào? Vì sao?

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.*

(Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

5. Trong *Từ điển tiếng Việt*¹, từ *dềnh dàng* có 2 nghĩa sau: (1) chậm chạp, không khẩn trương, để mất nhiều thì giờ vào những việc phụ hoặc không cần thiết; (2) to lớn và gây cảm giác công kênh. Theo em, từ *dềnh dàng* trong đoạn thơ sau nên được hiểu theo nghĩa nào? Dựa vào đâu em có thể xác định được như vậy?

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.*

(Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

6. se_1 và se_2 , $gieo_1$ và $gieo_2$ trong các trường hợp sau là từ đa nghĩa hay từ đồng âm? Hãy lí giải.

- a₁. *Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se₁*

(Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

- a₂. *Nhìn những đũa tre co ro vì lạnh bên mái hiên, lòng tôi se₂ lại.*

- b₁. *Chưa gieo₁ xuống đất
Hạt nằm lặng thinh.*

(Trần Hữu Thung, *Lời của cây*)

- b₂. *Câu chuyện Ông Một đã gieo₂ cho chúng ta niềm tin về sự tồn tại của tình yêu và sự trung thành mà loài vật dành cho con người.*

¹ Hoàng Phê (Chủ biên) (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm từ điển học.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CON CHIM CHIẾN CHIỆN¹

Huy Cận

Con chim chiến chiến
Bay vút, vút cao
Lòng đầy yêu mến
Khúc hát ngọt ngào.
Cánh đập trời xanh
Cao hoài, cao vợi
Tiếng hót long lanh
Như cảnh sương chói.

Chim ơi, chim nói
Chuyện chi, chuyện chi?
Lòng vui bồi rồi
Đời lên đến thì...

Tiếng ngọc trong veo
Chim gieo từng chuỗi
Lòng chim vui nhiều
Hát không biết mỏi.

Chim bay, chim sả
Lúa tròn bụng sũa
Đồng quê chan chứa
Những lời chim ca.
Bay cao, cao vút.
Chim biến mất rồi
Chỉ còn tiếng hót
Làm xanh da trời...

Khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, em nên:

- Tìm và nhận xét hiệu quả của những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ và vần, nhịp được sử dụng.
- Xác định tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua bài thơ.
- Xác định chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc.



¹ *Chiến chiến (sơn ca)*: loài chim nhỏ thuộc bộ sẻ, thường sống ở ruộng, bãi quang đăng, giọng hót hay, khi hót bay bổng lên cao.

Con chim chiền chiện
Hồn xanh quê nhà
Sáng nay lại hót
Tung búng lòng ta.

(In trong *Những bài thơ em yêu*, Phạm Hồ, Nguyễn Nghiệp tuyển chọn, NXB Giáo dục, 2004)

Hướng dẫn đọc

1. Xác định vần và nhịp của bài thơ và cho biết hiệu quả nghệ thuật của nó.
2. Phân tích một hình ảnh trong bài thơ mà em cho là độc đáo nhất.
3. Trong khổ thơ thứ hai và thứ tư, tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ nào? Những biện pháp đó có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung của hai khổ thơ?
4. Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện cảm xúc của tác giả. Đó là cảm xúc gì?
5. Thông qua bài thơ, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?



VIẾT

LÀM MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ

Trong các văn bản 1, 2 và 4, em đã được đọc các bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ miêu tả thiên nhiên sống động, với những tình cảm, hành động như con người, đồng thời thể hiện cách nhìn, cách cảm độc đáo của các tác giả. Vậy, làm thế nào để viết được một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ? Phần hướng dẫn dưới đây sẽ giúp em biết cách làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

Một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ:

- Thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận,... của người viết về cuộc sống.
- Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.
- Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị.
- gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.
- Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.
- Đảm bảo đủ số chữ (bốn chữ hoặc năm chữ) ở các dòng thơ theo yêu cầu của thể loại.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Nắng hồng

Bảo Ngọc

1. Cả mùa đông lạnh giá ⁽¹⁾
Mặt Trời trốn đi đâu
Cây khoác tấm áo nâu ⁽²⁾
Áo trời thì xám ngắt. ⁽²⁾
2. Se se giấu tiếng hát ⁽¹⁾
Núp sâu trong mái nhà
Cả chị ong chăm chỉ ⁽²⁾
Cũng không đến vườn hoa.
3. Mưa phùn giăng đầy ngõ ⁽¹⁾
Bảng lảng như sương mờ ⁽²⁾
Bếp nhà ai nhóm lửa
Khói lên trời dung đưa. ⁽²⁾
4. Ngõ quê in chân nhỏ ⁽¹⁾
Lối quê gió lạnh đầy
Nép mình trong áo ấm
Vẫn cóng buốt bàn tay.
5. Mãn sương ôm dáng mẹ ⁽¹⁾
Chợ xa đang về rồi
Chiếc áo choàng màu đỏ
Như đốm nắng ⁽³⁾ đang trời. ⁽²⁾
6. Mẹ bước chân đến cửa ⁽¹⁾
Mang theo giọt ⁽³⁾ nắng hồng
Trong nụ cười của mẹ
Cả mùa xuân sáng bừng.

(1) Miêu tả từng hiện tượng của thiên nhiên và cuộc sống kết hợp với thể hiện cảm xúc.

(2) Thể hiện sự sống động của thiên nhiên bằng các biện pháp nghệ thuật nhân hoá, so sánh, ẩn dụ.

(3) Sử dụng những hình ảnh thể hiện sự liên tưởng bất ngờ, thú vị.

(In trong *Gõ cửa nhà trời*, NXB Kim Đồng, 2019)

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?
2. Để miêu tả bức tranh sống động của mùa đông, tác giả đã dùng những hình ảnh và các biện pháp nghệ thuật nào?
3. Vì sao khi sáng tác thơ, văn, cần sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh để miêu tả sự vật, hiện tượng?
4. Làm thơ không phải là chỉ miêu tả sự vật, hiện tượng mà còn phải thể hiện cảm xúc và cách nhìn mới lạ, thú vị về cuộc sống. Hai khổ thơ cuối có đáp ứng được yêu cầu trên không? Hãy lí giải.
5. Trong bài thơ này, tác giả đã sử dụng những loại văn nào?
6. Từ cách viết của tác giả trong bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ?

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Hãy làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ thể hiện cảm xúc của em về một sự vật, hiện tượng nào đó của thiên nhiên hoặc cuộc sống.

Bước 1: Trước khi viết

- Đọc lại những bài thơ ở phần *Đọc* để học cách nhìn, cách cảm nhận cuộc sống của các nhà thơ.
- Ngắm nhìn những hình ảnh của cuộc sống quanh em: một chồi non xanh biếc mọc giữa kẽ đá, một chiếc lá đang chuyển từ màu xanh sang màu vàng, nụ cười của cha, sợi tóc bạc của mẹ,...

Trước khi viết, em hãy xác định:

Mục đích viết bài này là gì?

Người đọc bài này có thể là ai?

Với mục đích và người đọc đó, em sẽ lựa chọn **nội dung** và **cách viết** như thế nào?

Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài thơ

- Tập trung vào một sự vật, hiện tượng đã để lại trong em ấn tượng, cảm xúc sâu sắc nhất.
- Liệt kê tất cả những ý tưởng, cảm xúc mà em có khi ngắm nhìn những hình ảnh của cuộc sống. Ví dụ: sức sống mãnh liệt của thiên nhiên; cảm xúc băng khuâng về bước đi của thời gian trên chiếc lá; hoa phượng nở; đốm lửa của niềm vui ngày hè; niềm hạnh phúc trong nụ cười của cha; màu thời gian trên mái tóc của mẹ;...

Bước 3: Làm thơ

- Thể hiện những ấn tượng, cảm xúc đó bằng những từ ngữ thích hợp.
- Chọn những từ ngữ gợi tả âm thanh, mùi vị, màu sắc, hình ảnh của sự vật, hiện tượng để thể hiện rõ nhất, chính xác nhất cảm xúc, ý tưởng của em.
- Dùng các biện pháp tu từ như nhân hoá, so sánh, ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ,... để tăng hiệu quả thể hiện của bài thơ.
- Thay thế những từ ngữ đã viết bằng những từ ngữ khác có vần giống hoặc gần nhau để gieo vần cho bài thơ, ví dụ như: *thanh, xanh, vui, khơi*,...
- Ngắt nhịp ở những vị trí phù hợp, đảm bảo thể hiện hiệu quả ý tưởng của em.
- Đọc diễn cảm các câu thơ đã viết, lắng nghe xem giọng điệu có phù hợp với cảm xúc mà em muốn thể hiện hay không.

Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ

- Đọc lại bài thơ bằng giọng điệu phù hợp. Sau đó, dùng bảng kiểm dưới đây để điều chỉnh hình thức và nội dung bài thơ:

Bảng kiểm hình thức và nội dung bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Hình thức	Bài thơ gồm có các dòng thơ bốn chữ hoặc năm chữ.		
	Các dòng thơ chủ yếu được ngắt theo nhịp 2/2 (nếu là thơ bốn chữ); nhịp 3/2 hoặc 2/3 (nếu là thơ năm chữ).		

	Sử dụng các từ có vần giống nhau hoặc gần nhau.		
	Sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ, điệp ngữ,...		
	Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện được chính xác điều người viết muốn nói.		
	Các hình ảnh trong bài thơ sống động, thú vị.		
	Có độ dài tối thiểu: hai khổ thơ.		
Nội dung	Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một cách nhìn về cuộc sống.		
	Nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.		

• Sau khi kiểm xong, tiếp tục điều chỉnh bài thơ. Hoạt động này có thể được lặp đi lặp lại nhiều lần.

- Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình, với bạn bè và với bất cứ ai mà em muốn.

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ

Một bài thơ hay thường đọng lại trong ta nhiều cảm xúc, gọi cho ta nhiều suy ngẫm và có thể khiến ta muốn ghi lại những cảm xúc của mình về bài thơ ấy. Em sẽ viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ như thế nào? Phần bài học dưới đây sẽ hướng dẫn em thực hiện điều đó.

Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ (bốn chữ hoặc năm chữ) thuộc kiểu văn biểu cảm, thể hiện cảm xúc của người viết về một bài thơ.

Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ:

- Biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn, gồm nhiều câu được liên kết với nhau, bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.
- Trình bày cảm xúc của người viết về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.
- Cấu trúc gồm có ba phần:

Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề).

Thân đoạn: trình bày cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; cảm xúc đó được gợi ra từ những hình ảnh, từ ngữ nào trong bài thơ.

Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với người viết.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Mở đoạn

Tôi rất thích⁽¹⁾ bài thơ *Nắng hồng* của Bảo Ngọc vì cách dẫn dắt bất ngờ, thú vị của tác giả từ hình ảnh mùa đông đến hình ảnh người mẹ^(*). Thủ pháp nhân hoá trong bốn khổ thơ đầu giúp tôi không chỉ hình dung hình ảnh sống động của mùa đông⁽³⁾ mà còn cảm nhận được rõ nét cái rét buốt của tiết trời lạnh giá: “áo trời xám ngắt”, “se se giấu tiếng hát”, “mưa phùn giăng đầy ngõ”⁽²⁾,... Cảnh vật xám ngắt và buốt cóng ấy⁽³⁾

Thân đoạn

bỗng sáng bừng vì hình ảnh mẹ. Hình ảnh mẹ⁽³⁾ trong hai khổ thơ cuối được gọi tả từ xa đến gần trong sự trông ngóng của một đứa trẻ. Dường như người con ấy⁽³⁾ đang ngồi trên bậc cửa, nhìn ra màn sương ngóng mẹ. Rồi đứa trẻ⁽³⁾ bất chợt nhận ra: chiếc áo choàng đỏ của mẹ xuất hiện như “đốm nắng”⁽²⁾ đang trôi trong sương, tiếp theo là nụ cười như “giọt nắng hồng”⁽²⁾ làm tan cái cóng buốt của mùa đông, đem đến mùa xuân tươi sáng. Bài thơ⁽³⁾ dẫn dắt người đọc đi từ những hình ảnh mùa đông⁽³⁾ lạnh giá đến hình ảnh ấm áp của mẹ⁽³⁾, giúp tôi cảm nhận⁽¹⁾ rõ hơn về tình mẹ và cả những yêu thương của một đứa trẻ dành cho mẹ.^(**)

Kết đoạn

(*) Câu chủ đề của đoạn văn: giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.

(1) Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ.

(2) Những chi tiết, hình ảnh được trích ra từ bài thơ.

(3) Những từ ngữ dùng để liên kết câu.

(**) Câu kết đoạn.

(Nhóm biên soạn)

Từ đoạn văn trên, em hãy xác định các đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn hoặc năm chữ bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

- Tác giả có dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc hay không?
- Tác giả đã thể hiện những cảm xúc nào về bài thơ?
- Nội dung câu mở đoạn là gì?
- Phần thân đoạn gồm những câu nào và trình bày những gì?
- Nêu nội dung câu kết đoạn.

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Chủ đề bản tin học tập Ngữ văn tháng này của trường em là: “Về đẹp của những bài thơ”. Em vừa đọc được một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ rất hay và muốn viết đoạn văn khoảng 200 chữ để chia sẻ cảm xúc về bài thơ đó với các bạn. Hãy thực hiện dự định của mình và gửi đoạn văn đến ban biên tập bản tin.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Hãy đọc kĩ đề bài và xác định:

- Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì?
- Kiểu bài nào? Độ dài của đoạn văn là bao nhiêu?

Thu thập tư liệu

Để viết được đoạn văn đáp ứng yêu cầu của đề bài, em hãy tự hỏi:

- Cần tìm những thông tin nào?
- Tìm những thông tin ấy ở đâu?

Em có thể tìm và chọn một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong các tập thơ viết cho thiếu nhi mà em yêu thích hoặc có ấn tượng, cảm xúc đặc biệt về bài thơ đó.

Trước khi viết, em hãy xác định:

Mục đích viết bài này là gì?

Người đọc bài này có thể là ai?

Với mục đích và người đọc đó, em sẽ lựa chọn **nội dung** và **cách viết** như thế nào?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Em hãy:

- Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để cảm nhận âm thanh, vần, nhịp điệu của thơ bốn chữ hoặc năm chữ và hiểu cảm xúc, ý tưởng của tác giả.
- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, giọng điệu và các biện pháp tu từ mà nhà thơ đã sử dụng để thể hiện cảm xúc và ý tưởng.
- Xác định chủ đề bài thơ.
- Xác định những cảm xúc mà bài thơ đã gợi cho em và lí giải vì sao em có cảm xúc đó.
- Liệt kê những ý tưởng nảy sinh trong đầu bằng một vài cụm từ.

Lập dàn ý

Hãy sắp xếp các ý đã có thành dàn ý của đoạn văn theo gợi ý sau:

- Mở đoạn: giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và nêu cảm xúc chung về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em đã chọn.
- Thân đoạn: trình bày chi tiết các ý thể hiện cảm xúc của em về bài thơ.
- Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

Bước 3: Viết đoạn

Dựa vào dàn ý đã lập, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn dựa vào bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở đoạn	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.		
	Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm xúc về bài thơ.		
	Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả và cảm xúc khái quát về bài thơ.		
Thân đoạn	Trình bày cảm xúc về bài thơ theo trình tự hợp lí.		
	Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.		
	Dùng các từ ngữ để liên kết các câu.		
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.		
	Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.		

Tiếp tục chỉnh sửa nếu đoạn văn chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp (nếu có).

Rút kinh nghiệm

Hãy xem lại sản phẩm của mình và trả lời hai câu hỏi dưới đây:

- Em rút ra bài học kinh nghiệm gì khi viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ?
- Nếu viết lại, em sẽ điều chỉnh thế nào để đoạn văn hay hơn?



TÓM TẮT Ý CHÍNH DO NGƯỜI KHÁC TRÌNH BÀY

Khi tham dự các buổi thảo luận, các cuộc họp,... việc tóm tắt được ý chính về nội dung trình bày của người khác giúp em nắm bắt được nội dung cốt lõi của bài nói, chủ động ghi chép ý chính cũng như trao đổi, đặt câu hỏi hoặc phản biện ý kiến của người nói.

Để nghe và tóm tắt ý chính do người khác trình bày, em hãy làm theo hướng dẫn dưới đây:

Bước 1: Nghe ý chính và ghi tóm tắt

Tập trung lắng nghe nội dung và chú ý vào ý chính của bài nói (vấn đề trọng tâm mà người nói sẽ trình bày).

- Chú ý phần mở đầu và phần kết thúc. Thông thường, người trình bày sẽ giới thiệu ý chính của bài nói trong phần mở đầu bằng một số mẫu câu như “*Hôm nay, tôi sẽ trình bày về...*”, “*Trong bài này, tôi muốn nhấn mạnh về vấn đề...*”. Những ý chính của bài cũng sẽ được nhấn mạnh ở phần kết thúc.

- Chú ý những phần được lặp đi lặp lại trong thân bài. Để nhấn mạnh ý chính của bài nói, người nói thường lặp lại ý chính trong khi trình bày, lí giải và dùng bằng chứng để làm rõ ý chính.

- Chú ý tốc độ nói. Thường người nói sẽ nói chậm, nhấn mạnh ở những chỗ trình bày ý chính, và nói với tốc độ nhanh hơn ở những ý bổ trợ.

- Chú ý từ khoá của bài nói. Từ khoá là từ ngữ quan trọng, thể hiện nội dung chính của bài nói. Thường khi trình bày ý chính, người nói sẽ nhắc đến từ khoá của bài nói.

- Chú ý các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như: sơ đồ, bảng, hình ảnh,... Các phương tiện này thường được sử dụng để làm rõ ý chính của bài nói.

Kết hợp lắng nghe và ghi chép bằng cách:

- Ghi ngắn gọn bằng ngôn từ của mình, ghi dưới dạng cụm từ, từ khoá.
- Sử dụng các kí hiệu, gạch đầu dòng để làm nổi bật các ý.
- Thể hiện các ý chính dưới dạng sơ đồ.

Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa

- Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉnh sửa các sai sót (nếu có).

- Xác định với người nói về nội dung em vừa tóm tắt. Trao đổi với người nói ý kiến em chưa hiểu rõ hoặc có quan điểm khác.
- Trao đổi phần tóm tắt với những người nghe khác để chỉnh sửa cho chính xác.

ÔN TẬP

1. Chỉ ra một số điểm giống và khác nhau giữa hai văn bản sau bằng cách điền vào bảng dưới đây (làm vào vở):

Phương diện so sánh	Văn bản	Lời của cây	Sang thu
Điểm giống nhau (nội dung, nghệ thuật,...)			
Điểm khác nhau (nội dung, nghệ thuật,...)			

2. Nhận xét về thể thơ, vần, nhịp của khổ thơ sau:

Chình như thu ngập nghé

Trong hương vườn đầu đây

Khỏi lam chiều rất nhẹ

Sông vừa vui vừa đây.

(Tạ Hữu Yên, *Sang mùa*)

3. Trình bày định nghĩa và chức năng của phó từ.
4. Em rút ra được bài học gì khi làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ?
5. Hãy chọn một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em yêu thích và viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc của mình về bài thơ đó.
6. Vì sao khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày ta nên dùng từ khoá, các kí hiệu và sơ đồ?
7. Việc quan sát, lắng nghe, cảm nhận thế giới tự nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

BÀI HỌC CUỘC SỐNG

(Truyện ngụ ngôn)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết được các công dụng của dấu chấm lửng.
- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.
- Biết kể một truyện ngụ ngôn; biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe.
- Yêu thương bạn bè, người thân; biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

Cuộc sống thường đặt chúng ta trước những tình huống đa dạng, phức tạp và lắm lúc đầy thử thách, bất ngờ. Đó là lúc ta cần tìm đến kho tàng tri thức và kinh nghiệm của nhân loại trong tục ngữ và truyện ngụ ngôn – những bài học cuộc sống được đúc kết bằng nghệ thuật thơ ca và truyện kể.

Qua bài học này, các em sẽ đọc hiểu một số truyện ngụ ngôn Việt Nam và thế giới, đồng thời đón nhận những bài học quý từ các truyện ngụ ngôn ấy.

? Có thể học được những gì từ các truyện ngụ ngôn?



TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện ngụ ngôn

Truyện ngụ ngôn là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi hoặc văn vần. Truyện thường đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống.

Đề tài trong truyện ngụ ngôn: thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống.

Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, cừu, cây sậy, thầy bói, bác nông dân, ... Từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật ngụ ngôn, người nghe, người đọc có thể rút ra những bài học sâu sắc.

Sự kiện (hay sự việc) là yếu tố quan trọng góp phần làm nên câu chuyện. Trong truyện ngụ ngôn, một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính. Chẳng hạn, ở truyện *Thỏ và rùa*, sự kiện chính là cuộc chạy thi giữa hai nhân vật thỏ và rùa.

Cốt truyện của truyện ngụ ngôn thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm, ...) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó.

Tinh huống truyện là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình. Qua đó, ý nghĩa của câu chuyện được khơi sâu. Chẳng hạn, tình huống truyện trong *Thỏ và rùa* là cuộc chạy đua giữa hai con vật và kết quả có tính bất ngờ, làm lộ rõ đặc điểm của mỗi nhân vật và bài học từ câu chuyện.

Không gian trong truyện ngụ ngôn là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra sự kiện, câu chuyện (một khu chợ, một giếng nước, một khu rừng, ...)

Thời gian trong truyện ngụ ngôn là một thời điểm, khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể.

Tóm tắt văn bản và yêu cầu của việc tóm tắt văn bản

Văn bản có thể được tóm tắt bằng lời hoặc bằng sơ đồ, bằng đoạn văn hoàn chỉnh hay bằng một dàn ý. Nhưng dù theo cách nào thì văn bản tóm tắt phải ngắn gọn, cô đúc. Khi tóm tắt văn bản, ta phải lược bỏ các yếu tố phụ, ý phụ, giữ lại những yếu tố chính, ý chính của văn bản.

Dấu chấm lửng

Dấu chấm lửng được kí hiệu bởi ba dấu chấm (...), còn gọi là dấu ba chấm, là một trong những loại dấu câu thường gặp trong văn viết.

Dấu chấm lửng có các công dụng:

- Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp với dấu phẩy đứng trước nó.

Ví dụ:

Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên,...

(Minh Nhuông, *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*)

- Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.

Ví dụ:

– Bơi vì... bơi vì... (San cúi mặt và bỏ tiếng Nam, dùng tiếng Pháp) người ta lừa dối anh.

(Nam Cao, *Sống mòn*)

- Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

Ví dụ:

Thấy Li cũng xoè năm ngón tay trái úp lên trên ngón tay mặt nói:

– Tao biết mày phải... nhưng nó lại phải... bằng hai mày.

(Trương Chính – Phong Châu, *Nhưng nó phải bằng hai mày*)

- Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

Ví dụ:

Nước từ núi Tiên giới như thác, trắng xoá, qua suối Cộc xóm Đồng tràn sang suối xóm Tây rồi dồn về suối xóm Trại chúng tôi. [...] Trẻ con chúng tôi la ó, té nhau, reo hò.

(Duy Khán, *Tuổi thơ im lặng*)

- Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.

Ví dụ:

Ồ... ó... ơ...

(Trần Đăng Khoa, *Ồ... ó... ơ*)

VĂN BẢN I

NHỮNG CÁI NHÌN HẠN HẸP

Chuẩn bị đọc

1. Em hãy chia sẻ với bạn về những điều em quan sát được khi nhìn bầu trời từ những vị trí khác nhau.
2. Qua phim ảnh, sách vở, em biết những gì, hoặc hình dung thế nào về các ông thầy bói ngày xưa?

Ếch ngồi đáy giếng

Có một con ếch sống lâu ngày trong một cái giếng nọ. Xung quanh nó chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Hằng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể!¹

Suy luận

- 1 Do đâu mà chú ếch này “cứ tưởng” trời “là cái vung”, còn mình “là chúa tể”?

Một năm nọ, trời mưa to làm nước trong giếng dâng lên, tràn bờ, đưa ếch ta ra ngoài.

Quen thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp. Nó nhâng nháo đưa mắt lên nhìn bầu trời, chẳng thèm để ý xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua dẫm bẹp.

(In trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 10, *Truyện ngụ ngôn*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003).

Thầy bói xem voi



Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói² ngồi chuyện gẫu³ với nhau.

¹ *Chúa tể (chủ tể)*: kẻ có quyền lực cao nhất, chi phối những kẻ khác.

² *Thầy bói*: người làm nghề đoán những việc lành dữ cho người khác (theo mê tín). Nhân vật thầy bói trong những câu chuyện dân gian ngày xưa thường bị mù.

³ *Chuyện gẫu*: nói chuyện linh tinh cho qua thời gian.

Dự đoán

- 2 “Xem voi” mà chỉ dùng tay “sờ” thì kết quả sẽ như thế nào?

Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó ra thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biểu người quản voi¹, xin cho voi dừng lại để cùng xem. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ đuôi. 2

Đoạn, năm thầy ngồi bàn tán với nhau.

Thầy sờ vòi bảo:

– Tưởng con voi nó thế nào, hoá ra nó sun sun² như con đĩa.

Thầy sờ ngà bảo:

– Không phải! Nó chẵn chẵn như cái đòn càn³.

Thầy sờ tai bảo:

– Đâu có! Nó bè bè như cái quạt thóc⁴.

Thầy sờ chân cãi:

– Ai bảo! Nó sừng sững như cái cột đình.

Thầy sờ đuôi lại nói:

– Các thầy nói sai cả. Chính nó tua tủa⁵ như cái chổi sể⁶ cùn.

Năm thầy, thầy nào cũng cho mình nói đúng, không ai chịu ai, thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu.

(In trong *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 10, *Truyện ngụ ngôn*, Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003).

Suy ngẫm và phản hồi

1. Tóm tắt nội dung câu chuyện và xác định đề tài của hai văn bản trên.
2. Để thể hiện những hành động sai lầm của một nhân vật nào đó, tác giả truyện ngụ ngôn thường đặt nhân vật ấy trước một tình huống có nhiều nguy cơ phạm sai lầm. Tình huống đó trong văn bản *Éch ngồi đáy giếng*, *Thầy bói xem voi* là gì?

¹ *Quản voi (quản tượng)*: người trông nom và điều khiển voi.

² *Sun sun*: co lại, chun lại thành các nếp.

³ *Đòn càn*: đòn làm bằng đoạn tre nguyên cả ống, đẽo vát hai đầu cho thon lại để xóc những bó củi, rơm rạ,... mà gánh.

⁴ *Quạt thóc*: loại quạt lớn bằng tre phất vải, dùng để quạt cho thóc lép và bụi bay đi, tách khỏi thóc chắc.

⁵ *Tua tủa*: từ gợi tả dáng chia ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn, gây cảm giác ghê sợ.

⁶ *Chổi sể*: chổi quét sân, thường làm bằng nhánh cây thanh hao.

3. Nêu ấn tượng của em về nhân vật con ếch (*Ếch ngồi đáy giếng*), năm ông thầy bói (*Thầy bói xem voi*). Các nhân vật này thể hiện những đặc điểm gì của nhân vật trong truyện ngụ ngôn?
4. Em rút ra được những bài học gì từ các truyện *Ếch ngồi đáy giếng*, *Thầy bói xem voi*?
5. Theo em, cách đọc hiểu một truyện ngụ ngôn và đọc hiểu một truyện cổ tích có gì khác nhau?
6. Em hãy:
 - Sưu tầm một số văn bản truyện ngụ ngôn và tranh ảnh, phim hoạt hình minh họa các truyện ngụ ngôn ấy (nếu có).
 - Thể hiện cảm nhận của mình về một trong các truyện ngụ ngôn (đã học, đã đọc) bằng cách ghi nhật kí đọc truyện, vẽ tranh minh họa,...

VĂN BẢN 2

NHỮNG TÌNH HUỐNG HIỂM NGHÈO

Chuẩn bị đọc

1. Theo em, một người bạn tốt cần có những đức tính gì?
2. Trong trường hợp nào thì một người được xem là “kẻ mạnh”?

Trải nghiệm cùng văn bản



Hai người bạn đồng hành và con gấu

Ê-dốp (Aesop)

Có hai người bạn đương¹ đi trong rừng thì một chú gấu nhảy ra vô. Tình cờ, người đi trước tìm được một cành cây và ẩn mình trong đám lá. Người kia không biết trông cây vào đâu, đành nằm bẹp xuống đất, mặt vùi trong cát. Gấu đến gần đi mồm vào tai người này ngửi, ngửi mãi,... Nhưng cuối cùng, gấu hú lên một tiếng, lắc đầu rồi lững thững bỏ đi, vì gấu không ăn những con vật chết. Bây giờ, người trên cây trèo xuống gặp bạn, cười và nói rằng: “Ông Gấu thì thâm với cậu điều gì đó?”

“Ông ấy bảo tớ rằng”, người kia nói, “không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn.”¹

(In trong *Truyện ngụ ngôn Ê-dốp*, Phạm Khải Hoàn dịch, Nguyễn Tâm giới thiệu, Đinh Huỳnh vẽ tranh, NXB Văn học, 2013)

Theo dõi

- 1 Sự kiện nào trong truyện làm cho em bất ngờ?

Chó sói² và chiên con³

La Phông-ten (La Fontaine)

Kẻ mạnh, cái lẽ vốn già,
Chuyện này tức khắc giải ra rõ ràng.
Dòng suối trong, chiên đang giải khát,
Dạ trông không, sói chọt đến nơi,
Đói, đi lảng vảng kiếm mồi,
Thấy chiên, động đại bồi bồi thét vang:
– Sao mày dám cả gan vục mồm¹
Làm đục ngầu nước uống của ta?
Tội mày phải trị không tha!
Chiên con sững sốt thừa qua mấy lời:
– Xin bệ hạ hãy nguôi cơn giận,
Xét lại cho tường tận kẻ mà...
Nơi tôi uống nước quả là
Hơn hai chục bước cách xa nơi này.

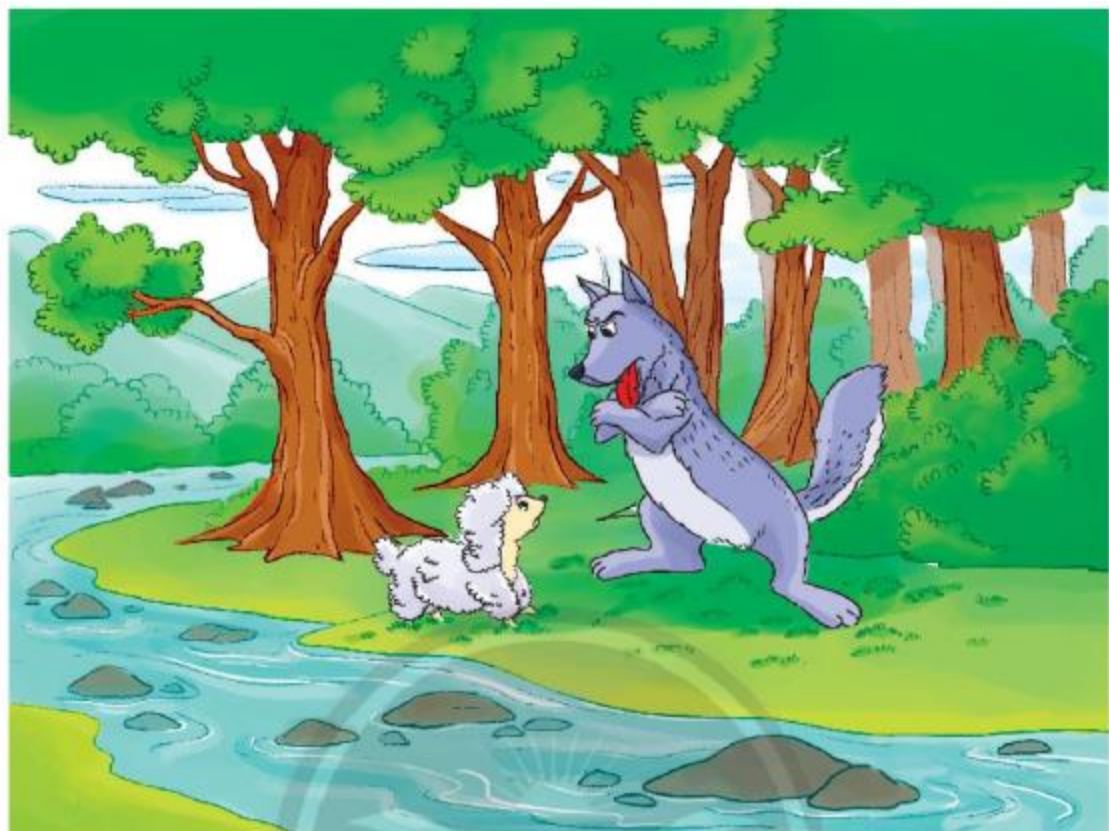
Theo dõi

- 1 Chú ý phân biệt lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.

¹ Đương: đang.

² Chó sói: chó rừng mõm nhọn, đuôi rậm, chuyên bắt thú khác để ăn thịt.

³ Chiên con: cừu non.



Chẳng lẽ kẻ hèn này có thể
Khuấy nước ngài uống phía nguồn trên.
Con quái ác lại găm lên:
– Chính mày khuấy nước, ai quên đâu là.
Mày còn nói xấu ta năm ngoài... 2
– Nói xấu ngài? Tôi nói xấu ai?
Khi tôi còn chưa ra đời?
Hiện tôi đang bú mẹ tôi rành rành.
– Không phải mày thì anh mày đó!
– Quả thật tôi chẳng có anh em.
– Thế thì một mông nhà chiên
Quân bay có đưa nào kiêng sói đâu!
Chiên, chó, người, cùng nhau một thoi.
Họ mách ta, ta phải báo thù!

Theo dõi

- 2 Lời lẽ của chó sói trong truyện có thuyết phục không? Vì sao?

Dứt lời, tha tận rừng sâu

Sói nhai chiêm nhỏ, chẳng cầu đòi co.¹ 3

(In trong *Ngụ ngôn chọn lọc La Phong-ten*, truyện *Chó sói và chiêm con*, Tú Mỡ dịch, NXB Văn học, 1985)

Suy luận

- 3 Trong đoạn kết, chó sói cố tình vận vẹo, hạch sách chiêm con nhằm mục đích gì?

Suy ngẫm và phản hồi

1. Liệt kê một số từ ngữ chỉ không gian và thời gian trong văn bản *Hai người bạn đồng hành và con gấu*, *Chó sói và chiêm con* theo mẫu dưới đây (làm vào vở). Nhận xét về không gian trong hai văn bản.

Tên văn bản	Từ ngữ chỉ không gian	Từ ngữ chỉ thời gian
<i>Hai người bạn đồng hành và con gấu</i>		
<i>Chó sói và chiêm con</i>		

2. Xác định tình huống trong truyện *Hai người bạn đồng hành và con gấu*, *Chó sói và chiêm con*. Tình huống ấy có tác dụng thế nào trong việc thể hiện đặc điểm nhân vật?
3. Tóm tắt truyện *Hai người bạn đồng hành và con gấu*.
4. Trong văn bản ngụ ngôn cũng như trong các văn bản truyện, lời thoại của nhân vật thường góp phần thể hiện đặc điểm của nhân vật ấy. Hãy tóm tắt cuộc đối thoại giữa hai nhân vật trong *Chó sói và chiêm con* và cho biết lời thoại đã góp phần thể hiện đặc điểm của mỗi nhân vật như thế nào?
5. Xác định đề tài và nêu bài học mà em rút ra từ mỗi truyện.
6. Trong hai văn bản: *Chó sói và chiêm con*, *Chó sói và cừ non*, em thích văn bản nào hơn? Vì sao? Viết một đoạn văn khoảng 4 đến 5 câu nêu cảm nhận của em về văn bản ấy.

¹ Truyện trên dựa vào *Chó sói và cừ non*, truyện ngụ ngôn của Ê-dốp. Truyện như sau:

Đang lặn hụp ở một con suối, bỗng sói ngẩng đầu lên và thấy một con cừ non cũng đang ra uống nước cách phía dưới một quãng. "A, đó chính là bữa ăn của ta.", sói nghĩ, "Ước sao mình kiếm được cơ gì để túm cổ nó nhỉ!". Và sau đó, nó lên tiếng gọi cừ non: "Sao nhà người dám làm đục vùng nước ta đang uống?" "Đâu dám ạ, đâu dám ạ, thưa ông", cừ non nói. "Giả sử nước trên ấy có đục đi chẳng nữa, thì đâu có phải tại con, bởi lẽ nước từ chỗ ông chảy xuống chỗ con cơ mà?" "Thôi được", sói nói, "Thế thì sao mày dám chửi rủa tao vào giờ này năm ngoái?". "Đâu có chuyện đó ạ", cừ non nói, "Bây giờ con mới có nửa tuổi". "Tao không biết", sói rống lên: "Nếu chẳng phải mày thì là bố mày". Dứt lời, sói vỗ lấy chú cừ non đáng thương và nhai ngấu nghiến. Trước khi chết, cừ non kịp thốt lên: "Lời ngụ ngôn nào cũng chỉ có lợi cho bạo chúa".

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

BIẾT NGƯỜI, BIẾT TA

Trải nghiệm cùng văn bản



Chân trời sáng tạo

1. Nực cười châu chấu¹ đá xe
Tưởng rằng châu ngựa ai dè² xe nghiêng.
2. Con sắt đập ngã ông Đùng³
Đắp mười chiếc chiếu không cùng bàn tay.
3. Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng,
Đèn ra trước gió còn chẳng hỡi đèn?
Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,
Cớ sao trăng lại chịu luồn đám mây?

(In trong *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, Vũ Ngọc Phan, NXB Văn học, 2005)

¹ *Châu chấu*: côn trùng cánh thẳng đầu tròn, thân mập, màu nâu và vàng, nhảy giỏi, ăn hại lúa.

² *Dè*: ngờ rằng (ai dè: ai ngờ rằng).

³ *Ông Đùng*: nhân vật khổng lồ trong truyện thần thoại hoặc truyền thuyết.

1. Xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp ấy trong văn bản 1 và 2.
2. Nêu bài học mà em rút ra được từ văn bản 3.
3. Theo em, mục đích sáng tác ba văn bản trên có gì giống với mục đích sáng tác các truyện ngụ ngôn?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Nêu công dụng của dấu chấm lửng được sử dụng trong mỗi câu văn, đoạn văn dưới đây:

a. *Gấu đến gần đi mồm vào tai người này ngiri, ngiri mãi,...*

(Ê-dốp, Hai người bạn đồng hành và con gấu)

b. *Tối, cái Bàng giãi chiếu manh giữa sân. Cả nhà ngồi ăn cơm trong hương lúa đầu mùa từ đồng Chỗ thoáng vẻ; trong tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve; trong tiếng chó thình thảng sủa giăng;...*

(Duy Khán, Tuổi thơ im lặng)

c. *Bác tai gật đầu lia lịa:*

– *Phải, phải... Bác sẽ đi với các cháu!*

(Chân, tay, tai, mắt, miệng)

d. *Những con chim mẹ bay chao chát theo anh Thà về tận nhà, gào thét mãi...*

(Duy Khán, Tuổi thơ im lặng)

đ. *Ồ...ồ...ồ...*

Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về.

(Sợ Dừa)

e. *Tôi quắc mắt:*

– *Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa?*

– *Thưa anh, thế thì... hừ hừ... em xin sợ. Mời anh cứ đưa một mình thôi.*

(Tô Hoài, Để Mèn phiêu lưu kí)

2. Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong hai đoạn thơ sau:

a. – *Xin bệ hạ hãy nguôi cơn giận,*

Xét lại cho tường tận kẻo mà...

(La Phong-ten, Chó sói và chiên con)

b. – *Chính mày khuấy nước, ai quên đâu là*

Mày còn nói xấu ta năm ngoái...

(La Phong-ten, Chó sói và chiên con)

3. Hãy chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt giữa hai cách diễn đạt cùng một ý trong các ví dụ a_1 và a_2 ; b_1 và b_2 dưới đây. Em thích cách diễn đạt a_1 , b_1 hay a_2 và b_2 ? Vì sao?

a_1 *Éch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.*

a_2 *Éch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như... một vị chúa tể.*

b_1 *Nhưng bầu trời vẫn là bầu trời.*

b_2 *Nhưng bầu trời vẫn là... bầu trời.*

(Éch ngối đáy giếng)

4. Chỉ ra công dụng của việc sử dụng dấu chấm lửng trong các đoạn văn sau:

a. *Cùng họ với điều hâu là quạ: quạ đen, quạ khoang. Lia lia lầu lầu như quạ dòm chuồng lợn. Không bắt được gà con, không ăn trộm được trứng, nó vào chuồng lợn [...]. Quạ vừa bay lên, chèo bèo vây từ phía, đánh. Có con quạ chết đến rũ xương...*

(Duy Khán, Tuổi thơ im lặng)

b. *Mùa đông, tôi không ra đường chơi được thì ở nhà đọc truyện Tàu cho cả nhà trong [...], nhà ngoài [...] nghe; hết một cuốn thì cầm hai xu chạy vì lại hiệu Cát Thành đầu phố hàng Gai đổi cuốn khác.*

(Nguyễn Hiến Lê, Hồi kí Nguyễn Hiến Lê)

5. Cách sử dụng dấu chấm lửng trong các đoạn trích dưới đây, có gì giống và khác với cách sử dụng loại dấu câu này ở trường hợp a và b, bài tập 4?

a. *Thế là tôi lại lặp trò chơi cho đến khi chú phải thốt lên:*

– Thật không thể tin nổi, cháu có con mắt thần!

[...]

Thằng Tý hay đem cho bố tôi những trái ổi. Nó trèo cây giỏi lắm, nhà nó có một vườn ổi. Những trái ổi to được nó lựa để dành cho bố đều có bịch ni-lông bọc lại đàng hoàng. Những trái ổi như thế bao giờ cũng vừa to vừa mềm, cắn vào rất đã. Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.

(Nguyễn Ngọc Thuần, Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ)

b. *Con gà mái cứ vào tầm này là nó đẻ xong. Nó bay khỏi ổ, chạy xuống đất tác ầm lên, cả xóm nghe tiếng: “Vừa đau vừa rát”. Con gà sống¹ đứng ngơ ngác một lúc, rồi mổ mỗi đố gà mái². Nó vừa mổ mỗi nó vừa “cực... cực” ra vẻ thương gà mái. Hai con vịt bầu thì phớt lờ, vừa đứng đĩnh mang cái thân nặng nề, vừa toáng lên: “mặc, mặc...”, rồi chúng nhảy xuống vũng bìm bên vại nước, vẫy đực ngấu lên, không thấy mỗi, chúng lúc tung cả bãi hũng dũ.*

¹ Gà sống: gà trống.

² Mổ mỗi đố gà mái: mổ mỗi nhưng để lấy lòng gà mái (đố: nhường nhịn để lấy lòng).

[...]

Anh em chúng tôi rủ nhau đi tắm ở suối sau nhà. Qua mấy vườn sắn xanh biếc là đến gần suối. Tiếng nước chảy ào ào.

(Duy Khán, Tuổi thơ im lặng)

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG

1. Cô mắt, cậu chân, cậu tay, bác tai, lão miệng từ xưa vẫn sống với nhau rất thân thiết. Bỗng một hôm, cô mắt đến than thở với cậu chân, cậu tay rằng:

– Bác tai, hai anh và tôi làm việc mệt nhọc quanh năm, còn lão miệng chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không. Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão miệng có sống được hay không.

Cậu chân, cậu tay cũng nói:

– Phải đây, chúng ta phải đi nói cho lão miệng biết để lão tự lo lấy. Chúng ta vất vả nhiều rồi. Nay đã đến lúc lão phải tự mình tìm lấy thức ăn, xem lão có làm nổi không.

Cô mắt, cậu chân, cậu tay cùng kéo nhau đến lão miệng. Đi qua nhà bác tai, họ thấy bác ta đang ngồi im lặng như nghe ngóng điều gì. Cả ba cùng chạy vào, cùng nói:

– Bác tai ơi, bác có đi với chúng cháu đến nhà lão miệng không? Chúng cháu đến nói cho lão biết, từ nay chúng cháu không làm cho lão ăn nữa. Chúng cháu cũng như bác, lâu nay vất vả nhiều rồi, nay phải nghỉ ngơi mới được.

Bác tai gật đầu lia lịa:

– Phải, phải... Bác sẽ đi với các cháu!

Bốn người hăm hở¹ đến nhà lão miệng. Đến nơi, họ không chào hỏi gì cả. Cậu chân, cậu tay nói thẳng luôn với lão:

– Chúng tôi hôm nay đến không phải để thăm hỏi, trò chuyện gì với ông, mà để nói cho ông biết: từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa. Lâu nay, chúng tôi đã cực khổ, vất vả vì ông nhiều rồi.

Lão miệng nghe nói, rất lấy làm ngạc nhiên. Lão nói:

– Có chuyện gì muốn bàn với nhau thì hãy vào nhà đi. Làm gì mà nóng nảy thế?

Bác tai, cô mắt, cậu chân, cậu tay đều lắc đầu mà rằng:

Khi đọc truyện ngụ ngôn, em nên:

– Nhận biết các yếu tố thể hiện đặc điểm của truyện như đề tài, nhân vật, sự kiện, cốt truyện, tình huống, không gian, thời gian.

– Nhận biết được sự kết hợp giữa lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong truyện.

– Rút ra được bài học của truyện và nêu được ý nghĩa của bài học ấy.

¹ Hăm hở: dáng bộ hăng hái, muốn thực hiện nhanh ý định.

– Không, không phải bàn bạc gì nữa. Từ nay trở đi, ông phải lo lấy mà sống. Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ không làm gì cả. Xưa nay, chúng tôi có biết cái gì ngọt bùi, ngon lành mà làm cho cực!

Nói rồi cả bọn kéo nhau về.

2. Từ hôm đó, bác tai, cô mắt, cậu chân, cậu tay không làm gì nữa. Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày, cả bọn thấy mệt mỏi, rã rời. Cậu chân, cậu tay không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy vui đùa như trước nữa; cô mắt thì ngày cũng như đêm lúc nào cũng lơ đãng¹, thấy hai mi nặng trĩu như buồn ngủ mà ngủ không được. Bác tai trước kia hay đi nghe hò nghe hát, nghe tiếng gì cũng rõ, nay bỗng thấy lúc nào cũng ù ù như xay lúa ở trong. Cả bọn lờ đờ² mệt mỏi như thế, cho đến ngày thứ bảy thì không chịu được nữa, đành họp nhau lại để bàn.

3. Bác tai nói với cô mắt, cậu chân, cậu tay:

– Chúng ta lờ mờ các cháu ạ. Chúng ta nếu không làm cho lão miệng có cái ăn thì chúng ta sẽ bị tê liệt tất cả. Lão miệng không đi làm, nhưng lão có công việc là nhai. Như vậy cũng là làm việc chứ không phải ăn không ngồi rồi³. Trước kia sống với nhau thân thiết như thế, nay tự dưng chúng ta gây nên chuyện. Lão miệng có ăn thì chúng ta mới khoẻ khoẻ được. Chúng ta nên đến nói lại với lão, các cháu có đi không?

Cô mắt, cậu chân, cậu tay cố gương dấy đi theo bác tai đến nhà lão miệng. Đến nơi, họ thấy lão miệng cũng nhợt nhạt cả hai môi, hàm răng thì khô như rang, không buồn nhếch mép. Bác tai, cô mắt vực lão miệng dậy. Còn cậu chân, cậu tay thì đi tìm thức ăn. Lão miệng ăn xong dần dần tỉnh lại. Bác tai, cô mắt, cậu chân, cậu tay tự nhiên thấy đỡ mệt nhọc, rồi thấy trong mình khoan khoái⁴ như trước. Từ đó lão miệng, bác tai, cô mắt, cậu chân, cậu tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị⁵ ai cả.

(In trong *Tuyển tập Văn học Dân gian Việt Nam, tập III, Truyện cười – Truyện trạng cười – Truyện ngụ ngôn*, Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ (biên soạn, tuyển chọn), NXB Giáo dục, 2007)

Hướng dẫn đọc

1. Tóm tắt ngắn gọn văn bản *Chân, tay, tai, mắt, miệng*.
2. Liệt kê những dấu hiệu giúp em nhận biết văn bản *Chân, tay, tai, mắt, miệng* là truyện ngụ ngôn (sử dụng bảng sau và làm vào vở):

¹ Lờ đãng: chậm chạp, thiếu tinh nhanh.

² Lờ đờ: chậm chạp, mệt mỏi.

³ Ăn không ngồi rồi: chỉ ăn, không làm, sống hưởng thụ mà không lao động.

⁴ Khoan khoái: có cảm giác dễ chịu, thoải mái.

⁵ Tị: so bì thiệt hơn.

Các yếu tố cần xem xét	Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong <i>Chân, tay, tai, mắt, miệng</i>
Đề tài	
Sự kiện, tình huống	
Cốt truyện	
Nhân vật	
Không gian, thời gian	

3. Sai lầm trong cách đối xử của các nhân vật chân, tay, tai, mắt đối với lão miệng giúp em rút ra bài học gì?



VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ

Trên quê hương, đất nước ta có biết bao di tích lịch sử gắn với các nhân vật, sự kiện vẻ vang. Mỗi nhân vật, sự kiện ấy đều có thể là đề tài cho những câu chuyện thú vị và giàu ý nghĩa để em viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.

Bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử là kiểu văn bản thuật lại một sự việc có thật nhằm giúp người đọc hiểu về sự việc, qua đó hiểu về nhân vật/ sự kiện lịch sử có liên quan.

Yêu cầu đối với kiểu bài

- Sự kiện được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.
- Sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng "tôi") thuật lại sự việc theo một trình tự hợp lí.
- Sử dụng chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc, nhân vật/ sự kiện.
- Sử dụng yếu tố miêu tả trong bài viết.
- Kết hợp kể chuyện với miêu tả một cách hợp lí, tự nhiên.
- Bố cục bài viết cần đảm bảo:

Mở bài: giới thiệu sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.

Thân bài: thuật lại quá trình diễn biến của sự việc, chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật/ sự kiện lịch sử; kết hợp kể chuyện với miêu tả.

Kết bài: khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Mở bài

Thăm đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Kiên Giang

Tháng 9 năm ngoái, trong chuyến đi “Về nguồn”, lớp chúng tôi có dịp đến thành phố Rạch Giá (Kiên Giang) dự lễ hội tưởng nhớ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực. Đây là lễ hội diễn ra hằng năm, từ ngày 26 đến 28 tháng 8 âm lịch. Vào dịp này, hàng nghìn người dân ở khắp nơi đến viếng đền, tưởng nhớ ông, đồng thời tham gia các hoạt động văn hoá trong lễ hội. ⁽¹⁾

(1) Giới thiệu sự việc, không gian, thời gian diễn ra sự việc.

Tôi được biết những chiến công chống giặc, cứu nước của người anh hùng Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân qua lời kể của cô giáo dạy Lịch sử. Câu nói nổi tiếng của ông khi bị giặc bắt và hành quyết: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây” khiến tôi rất háo hức chờ đợi chuyến đi này.

Khi đứng trước đền thờ của ông, trong lòng tôi dâng trào một nỗi xúc động, tự hào. Ngôi đền nằm bên dòng sông êm đềm ngay sát cửa biển và rợp mát dưới bóng cây bồ đề cổ thụ. Nơi đây là một trong số chín ngôi đền có bề dày lịch sử và có quy mô lớn nhất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Tượng Nguyễn Trung Trực được đúc bằng đồng và đặt trong sân đền. Bức tượng mang phong thái bất khuất của người anh hùng. Từ sáng sớm, dòng người đổ về thắp hương, dâng lễ trong niềm tưởng nhớ bậc tiền nhân. Trên bàn thờ, lễ vật được bày biện khá đẹp. Những đĩa trái cây, sản vật của miệt vườn sống nước được kết thành hình rồng phượng, các linh vật mang đến điều tốt lành. Mùi hương trầm toả trong không gian. Các vị cao niên mặc áo dài khăn đóng, đứng hai bên tả hữu, điều hành buổi lễ theo nhịp trống. ^(2a)

(2a) Kết hợp kể sự việc với quan sát, miêu tả không khí, cảnh quan nơi thờ phụng nhân vật lịch sử.

Sử dụng các tư liệu:

- Kiến thức lịch sử
- Quan sát thực tế khung cảnh, hiện vật,...

Thân bài

Trong không khí trang nghiêm, bài diễn văn tưởng niệm của ban tổ chức đã gợi lên hình ảnh người anh hùng Nguyễn Trung Trực thật gần gũi mà oai hùng. Tên thật của ông là Nguyễn Văn Lịch, lúc nhỏ còn được gọi là Chơn. Ông là con thứ năm trong một gia đình chài lưới ở Xóm Nghé thôn Bình Nhật, phủ Tân An, tỉnh Gia Định (nay thuộc ấp 1, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An). Ông vốn tính nghiêm nghị, thẳng thắn, giàu bản lĩnh và lòng tự trọng nên người dân thương quý gọi ông là Nguyễn Trung Trực. Là con nhà chài lưới bơi rất giỏi, lại chăm chỉ tập luyện võ nghệ từ nhỏ nên ông có sức khoẻ, ý chí kiên cường. Khi Pháp tấn công Gia Định, ông tham gia lực lượng nghĩa quân và trở thành thủ lĩnh trong công cuộc chống giặc, cứu nước. ^(2b)

(2b),(2c) Kể lại sự việc (theo diễn văn trong phần lễ) nhằm gợi nhớ hình ảnh, công trạng của nhân vật lịch sử.

Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân đã lập nhiều chiến công như đốt cháy tàu Ét-xơ-pe-răng-xơ (L'Espérance) của thực dân Pháp tại vàm sông Nhựt Tảo vào ngày 10/12/1861; đánh úp

thành công đồn Kiên Giang ngày 16/6/1868;... Các trận đánh do ông chỉ huy đều gây bất ngờ với kẻ thù. Chẳng hạn, trận đánh năm 1861, ông đã cho nghĩa quân hoá trang làm giả một đám cưới để phục kích, bất ngờ tấn công và đốt cháy chiến hạm của giặc. ^(2c)

Sau phần lễ trọng thể, trang nghiêm là phần hội tung bưng. Dự hội là dịp để nhân dân địa phương và du khách vừa tưởng niệm người anh hùng, vừa gặp gỡ, giao lưu và thực hành các sinh hoạt văn hoá hay hoạt động thiện nguyện. ^(2d)

Nguyễn Trung Trực hi sinh khi mới 30 tuổi. Cuộc đời ông tuy ngắn ngủi, nhưng lòng yêu nước, khí phách anh hùng, tinh thần cương trực, hào sảng của ông là bất diệt. Có lẽ vì vậy mà lễ hội tưởng nhớ ông hằng năm ở Rạch Giá (Kiên Giang) trở thành một trong những lễ hội truyền thống lớn ở địa phương, luôn thu hút nhiều lứa tuổi, nhiều tầng lớp nhân dân và du khách tham dự. ⁽³⁾

Kết bài

(2d) Kể về sự việc (các hoạt động trong phần hội), thể hiện tác động của sự việc liên quan đến nhân vật lịch sử đối với người dân.

(3) Khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết.

(Nhóm biên soạn)

Từ bài viết trên, em hãy xác định các đặc điểm của kiểu văn bản kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Đoạn mở bài đã nêu được sự việc gì liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử được thuật lại?
2. Phần thân bài, người viết đã thuật lại sự việc, sự kiện gì?
3. Người viết có kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện?
4. Nội dung đoạn kết bài là gì?

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài:

Trước tiên, em hãy trả lời câu hỏi: Yêu cầu của đề bài là gì?

Với đề bài nêu trên, em có thể tìm hiểu và lựa chọn:

– Một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử chống ngoại xâm hoặc mở mang bờ cõi đất nước, được người dân tôn vinh, thờ phụng.

Trước khi viết, em hãy xác định:

Mục đích viết bài này là gì?

Người đọc bài viết này có thể là ai?

Với mục đích và người đọc đó, **nội dung** và **cách viết** sẽ như thế nào?

– Một sự việc có thật liên quan đến nhân vật anh hùng trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước.

– Một sự việc có thật liên quan đến các sự kiện, nhân vật có công đổi mới hoặc có thành tích trong lao động, sản xuất.

Thu thập tư liệu

Em cần thu thập tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Các sự việc loại này khá phong phú, bao gồm các tài liệu từ thực tế (ví dụ: hình ảnh, hiện vật, lời kể của người dân địa phương,...) và tài liệu lưu trữ trong viện bảo tàng, trên mạng in-tơ-nét,...

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Để có ý tưởng cho bài viết, em cần:

– Xác định một số định hướng chung như: mối quan hệ giữa sự việc có thật và nhân vật/ sự kiện lịch sử liên quan qua các tư liệu, bằng chứng; phối hợp sử dụng các loại tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, sử dụng tranh ảnh về nhân vật hoặc hiện vật liên quan đến sự kiện/ nhân vật;...

– Ghi lại bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong quá trình thu thập tài liệu và tìm ý cho bài viết.

Lập dàn ý

Em có thể dựa vào sơ đồ dưới đây để lập dàn ý chi tiết cho bài viết của mình:

Mở bài

– Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại.

– Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.

Thân bài

1. Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện.

– Câu chuyện, huyền thoại liên quan.

– Dấu tích liên quan.

2. Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.

– Bắt đầu – diễn biến – kết thúc.

– Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn,...); kết hợp kể chuyện với miêu tả.

3. Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/ sự kiện lịch sử.

Kết bài

Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc.

Bước 3: Viết bài

Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài. Riêng thân bài, em cần lưu ý:

– Khi thuật lại nội dung diễn biến, cần chỉ ra mối liên hệ giữa sự việc với nhân vật/ sự kiện lịch sử qua các bằng chứng, nhân chứng, vật chứng hoặc tư liệu đáng tin cậy.

– Sử dụng yếu tố miêu tả một cách hợp lí, chọn lọc (tả chân dung nhân vật, tả cảnh quan, tả vật chứng, nhân chứng,... khi cần); kết hợp kể chuyện với miêu tả một cách hài hoà, tự nhiên.

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa

Tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh những chi tiết liên quan đến nội dung và cấu trúc của bài viết dựa vào những gợi ý trong bảng sau:

Bảng kiểm bài viết kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

Các phần	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.		
	Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc.		
Thân bài	Sự việc có thật, liên quan đến nhân vật/ sự kiện, dấu tích lịch sử.		
	Sử dụng ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất số ít hoặc số nhiều).		
	Thuật lại diễn biến của sự việc theo trình tự hợp lí.		
	Cho thấy mối liên hệ giữa sự việc có thật với nhân vật/ sự kiện lịch sử.		
	Sử dụng các câu, đoạn miêu tả phù hợp (tả cảnh quan, nhân vật, vật chứng,...).		
	Sử dụng tư liệu đáng tin cậy (hiện vật, lời nói).		
Kết bài	Khẳng định ý nghĩa của sự việc.		
	Nêu cảm nhận của người viết về sự việc.		

Tiếp theo, em hãy đọc bài viết của mình một lần nữa, bổ sung những nội dung còn thiếu và sửa các lỗi chính tả, diễn đạt.

Rút kinh nghiệm

Em sử dụng những câu hỏi sau để tự đánh giá lại những gì mình đã học được sau khi thực hiện bài viết này:

– Việc viết bài văn này giúp em có thêm kinh nghiệm gì trong khi viết một văn bản kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử?

– Nếu được thực hiện lại bài viết này, em sẽ điều chỉnh thế nào để bài viết tốt hơn?



NÓI VÀ NGHE

Em đã đọc và sưu tầm thêm được nhiều truyện ngụ ngôn. Phần tiếp theo của bài học sẽ giúp em biết cách kể lại một truyện ngụ ngôn; biết vận dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, hài hước trong nói và nghe.

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Truyện ngụ ngôn của Việt Nam và của các dân tộc khác trên thế giới rất phong phú, em hãy chọn một truyện mà mình cho là đáng nhớ nhất để kể. Chẳng hạn, có thể chọn kể:

- Một trong bốn truyện vừa học.
- Một trong số các truyện ngụ ngôn Việt Nam như: *Treo biển, Thả mồi bắt bóng, ...*
- Một trong các truyện ngụ ngôn của Ê-dốp như: *Cây sồi và cây sậy, Thỏ và rùa, Cáo và mè-o.*
- Một trong các truyện ngụ ngôn của La Fonten như: *Ve và kiến, Con cáo và chùm nho, ...*

Trước khi nói, em hãy xác định:

Mục đích nói là gì?

Người nghe có thể là ai?

Với mục đích và người nghe đó, **nội dung** và **cách nói** sẽ như thế nào?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Để tìm ý cho bài kể chuyện, em hãy trả lời một số câu hỏi:

– Nhân vật, sự kiện chính và diễn biến của sự kiện ấy trong truyện? Bài học cuộc sống có thể rút ra từ câu chuyện là gì? Tính chất hài hước, phê phán toát ra từ tình huống, nhân vật, hành động, lời của nhân vật hay lời của người kể chuyện? Có thể vận dụng yếu tố hài hước trong khi kể chuyện thế nào để mang lại sự thú vị cho người nghe?

– Truyện nên được kể theo trình tự nào? Trong khi kể, có thể sử dụng tranh ảnh minh họa như thế nào, giọng điệu và sự biểu cảm thế nào thì sinh động, tự nhiên?

Lập dàn ý

Dàn ý có thể phác thảo một số ý chính như sau:

Mở đầu: giới thiệu câu chuyện, nhân vật và nêu câu hỏi để người nghe có thể dự đoán về bài học sau khi nghe kể.

Phần chính: kể theo diễn biến câu chuyện (từ sự kiện thứ nhất đến sự kiện cuối cùng); giọng điệu thay đổi phù hợp, thể hiện tính hài hước ở những thời điểm cần thiết, có thể xen vào lời kể một số từ ngữ, câu văn miêu tả đáng vẽ, điệu bộ của nhân vật;...

Kết thúc: nêu nhận xét, đánh giá chung của bản thân về câu chuyện.

Bước 3: Trình bày

Khi thực hiện bài kể chuyện, cần lưu ý:

– Tìm cách mở đầu và kết thúc bài kể sao cho hấp dẫn (xem lại ảnh, một bức tranh, một câu tục ngữ,... liên quan đến truyện ngụ ngôn sắp kể để mở đầu bài nói).

– Lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn nói.

– Nói to, rõ, hào hứng, tự nhiên.

– Phân bổ thời gian nói hợp lí.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

– Trong vai trò người nói: cần tập trung ghi nhận những câu hỏi, nhận xét của người nghe và có những phản hồi thoả đáng, thể hiện sự tôn trọng ý kiến của người nghe.

– Trong vai trò người nghe: có thể nêu một số nhận xét hoặc câu hỏi gợi nhắc để người trình bày bổ sung những chi tiết còn thiếu hoặc chưa rõ.

Sau đó, em dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài nói của mình. Có thể dùng mẫu dưới đây để đánh giá bài kể chuyện của em hoặc của bạn:

Bảng kiểm bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn

Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Trình bày đủ các phần mở đầu, phần chính và kết thúc.		
Có những lưu ý chung, gợi mở dự đoán về bài học sẽ được rút ra.		
Trình bày gọn, rõ về diễn biến của các sự việc trong câu chuyện.		
Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp, có những thay đổi cần thiết.		
Thể hiện được tính hài hước, triết lí của truyện ngụ ngôn.		
Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói.		
Bảo đảm thời gian quy định.		

SỬ DỤNG VÀ THƯỜNG THỨC NHỮNG CÁCH NÓI THÚ VỊ, HÀI HƯỚC TRONG KHI NÓI VÀ NGHE

Trong khi thực hiện hoạt động đọc, viết, nói và nghe, chúng ta đều có thể học cách thường thức và sử dụng những cách nói thú vị. Điều này sẽ giúp cho những câu chuyện được kể hay những lời nói, câu văn của chúng ta trở nên đậm đà, có sức lôi cuốn hơn. Cũng nhờ đó, sự đồng cảm, sự chia sẻ vui vẻ, cởi mở giữa người viết và người đọc, người nói và người nghe sẽ trở nên dễ dàng hơn. Sau đây là một số gợi ý về cách thức luyện tập và sử dụng những cách nói thú vị, hài hước.

1. Nhấn mạnh tính hài hước trong câu chuyện

Để câu chuyện thêm thú vị, thu hút người nghe, em nên sử dụng cách nói hài hước trong khi kể. Ví dụ: dùng cách nói nhấn mạnh cách “xem voi” ngược đời của năm ông thầy bói; cử chỉ nhâng nháo, huênh hoang ngỡ mình là chúa tể của con ếch,...

2. Sử dụng hình thức chế, nhại

“Chế” ở đây là chế tác, phỏng lại một bản gốc nhằm mục đích cười vui, “nhại” là bắt chước, mô phỏng với ý hài hước, châm biếm.

Ví dụ: Khi kể chuyện *Thầy bói xem voi*, em có thể dùng cách phát âm, giọng nói điệu bộ theo lối chế, nhại mỗi ông thầy bói khi nhắc lại câu nói của mỗi ông. Khi kể chuyện *Ếch ngồi đáy giếng*, em có thể dùng lời kể chế, nhại sự “nhâng nháo” của ếch ta khi đi trên mặt đất giữa bầu trời cao rộng để rồi bị đâm bẹp.

3. Sử dụng cách chơi chữ, nói quá, so sánh

Để tạo ra sắc thái hài hước, tăng thêm ý vị trong khi kể chuyện, nói năng, em có thể dùng nhiều biện pháp tu từ đã học được như chơi chữ, nói quá, so sánh. Em cũng có thể sử dụng lại đúng lúc, đúng chỗ những câu nói hài hước ngắn mà em học được từ người khác. Xem một số ví dụ dưới đây:

Biện pháp	Tình huống, cách thức sử dụng	Ví dụ
Chơi chữ	Sử dụng từ đồng âm khác nghĩa trong khi kể, miêu tả, nhận xét nhằm tạo hiệu quả hài hước	Ông thứ năm “sờ đuôi” con voi, nhưng không nói vuốt đuôi cho qua chuyện, mà gân cổ cãi: “Các thầy nói sai cả. Chính nó tua tua như cái chổi sể cùn.!”
Nói quá	Tăng cấp quy mô của hình ảnh, sự việc tạo hiệu quả hài hước	Gấu đến gần dí mõm vào tai người này ngủi, ngủi mãi,... khiến cho cả người trên cây lẫn người nằm dưới đất lo sợ đến “như rụng rời cả chân tay” hoặc “sợ thót tim”,...

<i>So sánh</i>	Tạo ra những hình ảnh so sánh mà cái được so sánh và cái dùng để so sánh khác xa nhau về loại, đặt cạnh nhau một cách bất ngờ	Năm ông thấy bói, mỗi ông đeo một cặp kính <i>đen như mực tàu/ đen kịt như đất chảo/ đen thui như đêm ba mươi,...</i>
<i>Câu nói hài hước học được từ người khác</i>	Dùng lại đúng lúc một câu tục ngữ, thành ngữ có sắc thái hài hước, hoặc những câu nói hài hước học được từ những người có khiếu hài hước	Ví dụ: <i>Ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung! Thầy bói nói mò,...</i>

Ngoài ra, em cần lưu ý phối hợp giọng điệu và cử chỉ một cách tự nhiên như khi trình bày các nội dung khác.

Tuy nhiên, trong khi nói, cần chú ý quan sát thái độ của người nghe để sử dụng những cách nói thú vị, hài hước đúng lúc, đúng chỗ.

ÔN TẬP

- Dựa vào đâu để em khẳng định rằng *Ếch ngồi đáy giếng*, *Thầy bói xem voi*, *Hai người bạn đồng hành và con gấu*, *Chó sói và chiên con* là truyện ngụ ngôn?
- Cái nhìn hạn hẹp của nhân vật con ếch và các ông thầy bói đã mang lại hậu quả thế nào? Bài học chung có thể rút ra từ hai truyện *Ếch ngồi đáy giếng* và *Thầy bói xem voi* là gì?
- Trong hai truyện *Hai người bạn đồng hành và con gấu*, *Chó sói và chiên con*, em thích truyện nào hơn? Vì sao?
- a. Khi viết một bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử, em cần lưu ý đến những điều gì?
b. Tìm trong bài văn em mới viết một vài đoạn văn, câu văn mà theo em là nên dùng dấu chấm lửng, chỉnh sửa và đặt dấu chấm lửng sao cho phù hợp.
- Cho biết:
 - Nên chuẩn bị và trình bày bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn thế nào cho hấp dẫn?
 - Có thể rèn luyện khả năng sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm trong khi nói và nghe bằng cách nào?
- Nêu một số điểm cần lưu ý khi sử dụng dấu chấm lửng.
- Theo em, có thể học được những gì từ các tình huống, câu chuyện, nhân vật trong truyện ngụ ngôn?

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; mục đích và nội dung chính của văn bản; chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.
- Xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.
- Bước đầu biết viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.
- Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi. Xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.
- Có lòng nhân ái qua việc trân trọng, thấu hiểu góc nhìn của mọi người.

Khi đọc một tác phẩm văn học, em sẽ bước vào một thế giới được dệt nên bằng trí tưởng tượng, với bao cảnh thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp; những nhân vật thú vị; những cuộc phiêu lưu hấp dẫn đến những

vùng đất mới lạ,... Cùng một tác phẩm nhưng mỗi người lại có cách đọc, cách cảm nhận, suy nghĩ khác nhau. Những góc nhìn văn chương khác biệt ấy làm phong phú thêm ý nghĩa của tác phẩm.

Trong bài học này, thông qua việc đọc các văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, em sẽ hiểu thêm về những góc nhìn khác biệt về cùng một tác phẩm.

? Việc hiểu những góc nhìn khác về tác phẩm văn học có ý nghĩa gì với chúng ta?



TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học thuộc thể nghị luận văn học, được viết ra để bàn về một tác phẩm văn học, có đặc điểm như sau:

– Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là về nhân vật, chi tiết, ngôn từ, đề tài, chủ đề,...

– Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Các lí lẽ, bằng chứng cần căn cứ vào tác phẩm đang bàn luận. Lí lẽ là những lí giải, phân tích về tác phẩm. Bằng chứng là những sự việc, chi tiết, từ ngữ, trích dẫn,... từ tác phẩm để làm sáng tỏ lí lẽ.

– Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

Mục đích và nội dung chính của văn bản nghị luận

Mỗi văn bản viết ra đều nhằm mục đích nhất định. *Mục đích của văn bản nghị luận* là để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết trước một vấn đề đời sống hoặc văn học.

Mục đích viết được thể hiện qua nội dung chính của văn bản. *Nội dung chính của văn bản nghị luận* là ý kiến, quan điểm mà người viết muốn thuyết phục người đọc. Để xác định nội dung chính của văn bản nghị luận, ta có thể căn cứ vào nhan đề văn bản; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản.

Ý kiến lớn và ý kiến nhỏ trong văn bản nghị luận

Trong văn bản nghị luận, bên cạnh ý kiến lớn (quan điểm chính mà người viết muốn thuyết phục người đọc), còn có những ý kiến nhỏ nêu ra để hỗ trợ cho ý kiến lớn. Mọi quan hệ giữa ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận được thể hiện qua sơ đồ sau:



Với văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, ý kiến lớn thể hiện quan điểm về tác phẩm cần phân tích, ý kiến nhỏ thể hiện quan điểm về các yếu tố trong tác phẩm, góp phần làm sáng tỏ ý kiến lớn.

Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt

- *Quốc*: nước
- *Gia*₁: nhà; *Gia*₂: tăng thêm
- *Biến*: (1) thay đổi; (2) biến cố, tai hoạ
- *Hội*: họp lại, tụ lại, hợp lại
- *Hĩn*: cò
- *Hoá*: biến đổi

Các yếu tố Hán Việt thông dụng này có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt. Ví dụ:

- *Quốc biến* (quốc: nước; biến: biến cố, tai hoạ): tai hoạ, biến cố xảy ra trong nước.
- *Gia biến* (gia: nhà; biến: biến cố, tai hoạ): tai hoạ, biến cố xảy ra trong gia đình.
- *Biến hoá* (biến: thay đổi; hoá: biến đổi): biến đổi thành thứ khác.
- *Quốc gia* (quốc: nước; gia: nhà): nước, nước nhà.
- *Quốc hội* (quốc: nước; hội: họp lại): cơ quan lập pháp tối cao của một nước, do nhân dân trong nước bầu ra.

Bên cạnh các từ Hán Việt có một nghĩa duy nhất như *quốc gia*, *quốc biến*, *gia biến*, còn có các từ Hán Việt có hai hay nhiều nghĩa khác nhau. Chẳng hạn từ *biến sắc* (biến: thay đổi; sắc: màu) có hai nghĩa là: (1) thay đổi màu sắc (ví dụ: *Con tắc kè hoa có khả năng biến sắc theo cảnh vật*), (2) đổi sắc mặt đột ngột (ví dụ: *Mặt nó biến sắc*).

VĂN BẢN 1

EM BÉ THÔNG MINH – NHÂN VẬT KẾT TINH TRÍ TUỆ DÂN GIAN¹

Theo Trần Thị An

Chuẩn bị đọc

Em có suy nghĩ gì về các thử thách với nhân vật em bé trong truyện *Em bé thông minh*?

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Kiểu truyện về người thông minh là một kiểu truyện khá phổ biến trong truyện cổ tích trên phạm vi toàn thế giới. Qua việc giải quyết những thử thách bất ngờ, những câu đố trí tuệ, nhân vật người thông minh thể hiện trí tuệ dân gian, qua đó phản ánh ước mơ của họ về một cuộc sống xứng đáng, hạnh phúc hơn. Trong truyện *Em bé thông minh*, thông qua bốn lần thử thách, nhân vật em bé đã đề cao trí tuệ của nhân dân. **1**

Theo dõi

- 1** Câu văn nào thể hiện ý kiến của tác giả về truyện *Em bé thông minh*?

Thông qua thử thách đầu tiên (gắn với câu hỏi thứ nhất), tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử, mà chủ yếu là một phản xạ ngôn ngữ lạnh lẽo và sắc sảo. Thử thách này là một tình huống thử thách tư duy và việc sử dụng ngôn ngữ. Trước câu hỏi khó, em bé đã đáp trả lại bằng việc ra lại câu hỏi cho người đố, để chỉ ra rằng, đây là một câu hỏi không thể có câu trả lời.

Ở thử thách thứ hai và thứ ba (gắn với câu hỏi thứ hai, thứ ba), tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiệp của trí tuệ dân gian, qua đó bày tỏ ước mơ về một xã hội mà mọi ràng buộc chặt chẽ của quan niệm phong kiến về các tầng lớp người trong xã hội đều được nới lỏng và cởi bỏ. Hai câu hỏi thử thách ở đây đều do nhà vua đưa ra, là những câu hỏi tình huống mà ở đó, người trả lời phải đưa ra những giải pháp hợp lý. Nhờ nhanh trí, em bé “đọc” ngay ra sự vô lý của câu hỏi và hiểu ngay ra cần phải ứng xử với sự vô lý ấy như thế nào. Câu trả lời của em bé ở hai tình huống này vẫn theo cách đáp trả sở trường. Đó là trong khi dân làng lo lắng, bao nhiêu lần họp bàn cố gắng đi tìm câu trả lời thì em bé hướng trí thông minh của mình vào việc vạch ra sự vô lý của câu hỏi và bắt người ra câu hỏi thừa nhận sự vô lý đó. Nhờ việc phát hiện ra sự vô lý và đoán trước tình hình, nên em bé đã bảo dân làng giết trâu cho làng ăn, khiến nhà vua phải bái phục. Sau đó, em lại tiếp tục phát hiện sự vô lý của tình huống tiếp theo nên đã nhờ sử giả mang cây kim về tâu vua rèn dao để làm thịt chim sẻ. Sự đáp trả mang tình tình huống này của em bé đẩy nhà vua vào tình thế hoặc là công nhận sự vô lý của câu hỏi hoặc là phải thực hiện một sự vô lý còn lớn hơn.

Ở thử thách thứ tư (gắn với câu hỏi cuối cùng), người kể chuyện đã nâng nhân vật em bé lên một tầm cao mới, vượt lên cả triều đình hai nước, nhấn mạnh vị thế áp đảo của trí tuệ dân gian so với trí tuệ cung đình, đây là một cách nói phóng đại thường bắt gặp trong truyện dân gian. Để tôn vinh trí tuệ dân gian, người kể chuyện đã xếp đặt tình huống để cho người ra đố ở vị trí sử giả nước ngoài, thậm chí là một nước lớn hơn đang “lăm le muốn chiếm bờ cõi nước ta”, mà nếu không trả lời được thì nước ta sẽ phải “thừa nhận sự thua kém và sự thần phục của mình đối với nước láng giềng”. Cách dẫn dắt vấn đề đã đẩy tầm quan trọng của việc trả lời câu đố lên một mức cao: đây là vấn đề danh dự và vận mệnh của quốc gia. Người kể còn nhấn mạnh thêm tính trầm trọng của tình huống

bằng cách kể về những cách xử lý tình huống sai – “hút, bôi sáp vào chỉ để luồn qua bụng ốc”, về độ căng thẳng của việc tìm câu trả lời – “các nhà thông thái lắc đầu bó tay, các quan đại thần vô đầu suy nghĩ, vua tìm kế hoãn binh bằng việc mời sứ thần ra ở công quán để có thời gian suy nghĩ”. Tất cả những chi tiết đó tạo độ căng, tạo sức cuốn hút cho câu chuyện, và cũng là cách để nhấn mạnh độ xuất sắc của câu trả lời em bé đưa ra. Với câu trả lời xuất sắc của mình, em bé đã gỡ bí cho cả triều đình, “vua nghe nói như mở cờ trong bụng” và chinh phục được cả sứ thần ngoại bang – vượt qua thử thách “trước con mắt thần phục của sứ giả láng giềng”. **2**

Theo dõi

- 2** Theo tác giả, tại sao thử thách thứ tư là quan trọng nhất?

Như vậy, qua nhân vật em bé, truyện cổ tích *Em bé thông minh* đã tập trung ca ngợi trí thông minh của nhân dân. Để vượt qua những thử thách của các câu đố, người trả lời cần có sự nhanh trí, khả năng quan sát tinh tường, khả năng ứng phó nhanh nhạy, sự bình tĩnh, bản lĩnh trong ứng xử. Ca ngợi trí thông minh của người bình dân, tác giả dân gian muốn đề cao tầng lớp lao động, thể hiện sự tự hào về trí tuệ bình dân [...]. Ca ngợi trí tuệ người bình dân, truyện cổ tích còn thể hiện một ước muốn có được cuộc sống xứng đáng với trí tuệ mà họ có, một ước mơ đầu chưa thành hiện thực thì cũng là niềm an ủi và niềm hi vọng cho những bất công và cực nhọc mà người nông dân phải chịu đựng trong cuộc sống hằng ngày.

(Trích *Giảng văn văn học Việt Nam Trung học Cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Em hãy xác định ý kiến lớn, ý kiến nhỏ của văn bản dựa vào sơ đồ sau:



2. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì? Xác định nội dung chính của văn bản.
3. Chỉ ra các câu văn thể hiện ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng trong đoạn văn sau:

Thông qua thử thách đầu tiên (gắn với câu hỏi thứ nhất), tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử, mà chủ yếu là một phản xạ ngôn ngữ lanh lẹ và sắc sảo. Thử thách đầu tiên là một tình huống thử thách tư duy và việc sử dụng ngôn ngữ. Trước câu

hỏi khó, em bé đã đáp trả lại bằng việc ra lại câu hỏi cho người đó, để chỉ ra rằng, đây là một câu hỏi không thể có câu trả lời.

- Nhận xét về cách triển khai lí lẽ, bằng chứng trong đoạn ba. Cách triển khai lí lẽ và bằng chứng ấy có tác dụng gì trong việc thực hiện mục đích của văn bản?
- Em hãy chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong văn bản *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian* dựa vào bảng sau (làm vào vở):

Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	Biểu hiện trong văn bản <i>Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian</i>
Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận.	...
Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm.	...
Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ.	...
Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.	...

- Văn bản trên giúp em biết thêm điều gì về truyện cổ tích *Em bé thông minh*?

VĂN BẢN 2

HÌNH ẢNH HOA SEN TRONG BÀI CA DAO TRONG ĐÁM GÌ ĐẸP BẰNG SEN¹

Theo Hoàng Tiến Tựu

Chuẩn bị đọc

- Em hãy sưu tầm và giới thiệu với các bạn một số bài ca dao viết về hình ảnh hoa sen.
- Em hãy thực hiện một sản phẩm sáng tạo (bức tranh, đoạn văn, ...) để chia sẻ cảm nhận của em về bài ca dao:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Bài ca dao *Trong đầm gì đẹp bằng sen* đạt đến độ hoàn mỹ hiếm có trong loại ca dao vịnh¹ tả cảnh vật mang tính triết lí. [...] Cảnh vật ở đây là cây sen ở trong đầm. Hình ảnh cây sen trong đầm được giới thiệu, miêu tả cụ thể, chính xác, vừa chân thực, sống động, vừa thể hiện triết lí sống cao đẹp của nhân dân Việt Nam.

Trước hết, vẻ đẹp của sen đã được miêu tả một cách khéo léo, tài tình. [...] Câu thứ nhất, tác giả dân gian khẳng định và tuyệt đối về đẹp không gì sánh nổi của cây sen ở trong đầm:

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Khẳng định và đề cao vẻ đẹp của sen như vậy, nhưng tại sao người nghe, người đọc lại không có cảm giác khó chịu? Vì tác giả bài ca dao đã khéo léo trình bày sự khẳng định dưới hình thức nghi vấn² để cho người nghe được suy nghĩ tự do. Trạng ngữ “trong đầm” đã hạn chế sự tuyệt đối hoá³ trong câu ca dao, làm cho nó trở thành tương đối⁴ và có tính thuyết phục.

Câu thứ hai, tác giả dân gian miêu tả vẻ đẹp của từng bộ phận cụ thể trong cây sen để chứng minh cho câu thứ nhất:

Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng

Từ “lá xanh” qua “bông trắng” đến “nhị vàng”, tức là quan sát từ ngoài vào trong, rất tự nhiên, hợp lí. Từ “lại” được dùng rất đắt, có tác dụng nhấn mạnh sự đa dạng nhiều thành phần và màu sắc đáng chú ý của cây sen. Từ “chen” nói lên sự kết chặt giữa hoa và nhị, chứng tỏ đây là một bông hoa sen vừa mới nở.¹

Theo dõi

- 1 Em hãy chỉ ra những từ ngữ, câu văn thể hiện ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong đoạn bản luận về câu ca dao thứ hai.

Câu thứ ba có vị trí đặc biệt trong toàn bài, đó là câu chuyển (chuyển vần, chuyển nhịp, chuyển ý) để chuẩn bị cho câu kết:

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

[...] Bài ca dao tuy đã có sự chuyển vần và thay đổi trật tự các từ ngữ, hình ảnh (giữa câu hai và câu ba) nhưng tất cả sự chuyển đổi ấy đã được thực hiện một cách khéo léo, tự nhiên, khiến cho bài ca dao cứ phát triển liên tục và ngày càng mạnh mẽ về cả nội dung lẫn hình thức; không có chỗ nào bế tắc, ngưng trệ; tựa như một dòng sông, tuy có chỗ chuyển dòng, đổi hướng uốn lượn quanh co nhưng vẫn chảy thông, chảy mạnh.

¹ *Vịnh*: làm thơ ngay khi có cảm hứng để miêu tả con người hoặc cảnh vật (một lối làm thơ thời xưa).
² *Hình thức nghi vấn*: hình thức đặt câu hỏi.
³ *Sự tuyệt đối hoá*: ở đây ý nói việc tác giả khẳng định vẻ đẹp tuyệt đối, không gì sánh bằng của hoa sen.
⁴ *Tương đối*: trái nghĩa với tuyệt đối, ở một mức nào đó (trong so sánh với những cái khác cùng loại), có ngoại lệ.

[...] Bên cạnh đó, qua hình ảnh hoa sen, tác giả dân gian đã gửi gắm những triết lý sống sâu sắc, thể hiện rõ nhất ở câu thứ tư:

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

[...] Đọc đến câu này, hầu như không mấy ai dừng lâu để suy nghĩ nhiều về nghĩa đen, nghĩa trực tiếp của nó. Phần nhiều đều chuyển ngay sang nghĩa bóng, sang hình ảnh con người và ý nghĩa triết lý nhân sinh trong đó. Và thế là “sen” hoá thành người, bùn trong thiên nhiên hoá thành “bùn” trong xã hội, rồi cả cái “đám” và mùi “hôi tanh” cũng được coi là hình ảnh tượng trưng, ẩn dụ và được hiểu theo nghĩa bóng. Hình ảnh bông sen tượng trưng cho cách sống cao thượng, đứng ở giữa hoàn cảnh ô trọc¹ nhưng vẫn giữ vững nhân cách thanh cao, trong sạch.

Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất. Họ đã đưa sen vào ca dao biết bao nhiêu lần, mỗi lần một cách, mà lần nào cũng hay, cũng đẹp. Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng, ẩn dụ thì hình tượng sen trong nhiều bài ca dao nói chung, cũng như câu “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” nói riêng, nhằm phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam từ ngàn đời nay.²

Liên hệ

- 2 Em biết gì về hình ảnh hoa sen trong những bài ca dao khác?

(Trích trong *Bình giảng ca dao*, NXB Giáo dục, 1996)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Em hãy xác định mối quan hệ giữa các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ của văn bản dựa vào sơ đồ sau:



¹ Ô trọc: xấu xa, dơ bẩn.

- Chỉ ra các li lẽ, bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ cho các ý kiến.
- Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì? Xác định nội dung chính của văn bản.
- Theo em, có thể thay đổi trật tự các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ được không? Cách sắp xếp trật tự các ý kiến như vậy có tác dụng gì trong việc thực hiện mục đích của văn bản?
- Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra văn bản trên là văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?
- Văn bản trên đã giúp em hiểu thêm điều gì về bài ca dao *Trong đầm gì đẹp bằng sen*? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

BỨC THƯ GỬI CHỦ LINH CHI DỪNG CẢM¹

Li-xơ-bớt Đao-mon-tơ (Lysbeth Daumont)

Trải nghiệm cùng văn bản

Gửi chủ linh chi bé nhỏ yêu quý của tôi!

Kỉ ức cuộc đời tôi bỗng bồng bênh trôi trên dòng sông thời gian rồi lướt nhanh và sau đó tuôn trào như dòng thác xiết. Tuổi trưởng thành đang chào đón tôi, song tôi tin chắc rằng, tuổi thơ trong sáng, ngây thơ cùng tri tưởng tượng ngọt ngào vẫn mãi in đậm trong trái tim tôi và dường như còn thấm sâu vào từng huyết mạch.

Chủ linh chi ơi, đối với tôi, một cô bé mười bốn tuổi vẫn mê đọc truyện cổ tích thì câu chuyện về chú luôn chân thực và có ý nghĩa biết nhường nào. Chính vì thế tôi viết thư này cho chú để bày tỏ những cảm xúc của mình về một nhân vật mà tôi yêu thích nhất trong truyện cổ tích của Han-xơ Cri-xti-an An-đéc-xen (Hans Christian Andersen). [...]

Câu chuyện về chú linh chi đã gợi lên trong tôi những suy ngẫm sâu sắc và tôi sẽ bày tỏ với chú trong bức thư này:

Là chú linh chi cuối cùng của bộ đồ chơi linh chi tí hon, chú chỉ có một chân bởi vì người làm ra chú bị thiếu vật liệu, ấy vậy mà chú không hề lùi bước trước bất kì mối đe dọa nào. Chú cùng người anh em của mình sống trong một ngôi nhà, nơi chú được cậu chủ yêu mến và cô vũ nữ ba lê bằng giấy gửi gắm yêu thương. Trái tim của chú đã chiến thắng nỗi sợ hãi tên phù thủy góm ghiếc trong chiếc hộp lò xo, đã vượt qua mọi hiểm nguy mà chú phải đối mặt trong lòng công tối om với chiếc thuyền giấy mỏng manh trên suốt chặng hành trình đầy cam go và thử thách, trong đó thử thách lớn nhất mà chú phải

¹ *Chủ linh chi dừng cảm*: nhân vật chính trong truyện cùng tên của nhà văn An-đéc-xen (Andersen). Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

vượt qua là lũ chuột công hôi hám và con cá đã nuốt chửng chủ vào bụng. Thế rồi số phận run rủi lại đưa chính con cá ấy về ngôi nhà của cậu chủ. Chị bếp đã phát hiện ra chủ trong bụng cá đúng lúc đem cá ra làm bữa. Chủ linh chi đã có những phút giây hạnh phúc và chủ lưu giữ mãi những phút giây ấy trong trái tim mình, rồi cuối cùng tất cả đều bị ngọn lửa thiêu trụi và chỉ còn dấu ấn của một câu chuyện tình yêu lãng mạn.

Chủ linh chi bé nhỏ yêu quý của tôi ơi, chủ đã khiến tôi nhớ tới chàng Rô-mê-ô (Romeo)¹ trẻ trung và ông lão đánh cá trong truyện của Ô-ni-xơ-tơ Hê-minh-uây (Ernest Hemingway)². Nhà văn Hê-minh-uây đã đúng khi cho rằng: “Con người có thể bị huỷ diệt nhưng không thể bị đánh bại”. Còn tôi lại được nghe người ta nói rằng: “Đường đời thường lắm chông gai”. Một ngày mới luôn đem đến cho chúng ta thách thức mới. Có người né tránh thử thách, song có người lại sẵn sàng đối mặt với số phận mà không hề chùn bước trước mọi khó khăn, kể cả về vật chất lẫn tinh thần. Đó là trường hợp của chủ linh chi bé nhỏ, của Tơ-ri Phoóc (Terry Fox) – chàng trai trẻ người Ca-na-đa (Canada) – đã chạy bộ tới muôn nẻo đường chỉ với một chân duy nhất. [...]

Tôi muốn nói lời cảm ơn nhà văn An-đéc-xen vì ông đã “đập tắt hi vọng” về “một kết thúc có hậu” như ta thường gặp trong các câu chuyện cổ tích. Trẻ em chúng ta đang sống trong một thế giới thực, nơi mà hằng ngày vẫn diễn ra chiến tranh, đau thương, tệ nạn ma túy, cảnh đói nghèo,... Chính vì thế, phải nhìn nhận một cách nghiêm túc những mặt trái của cuộc sống thực tại để tìm cách giải quyết có hiệu quả, và từ đó, chúng ta sẽ xây dựng một thế giới tươi đẹp hơn.

Chào tạm biệt chủ linh chi bé nhỏ.

Gửi tặng chủ hoa và nụ hôn của tình yêu.

(Trích *Những bức thư đoạt giải cuộc thi UPU lần thứ 34*, NXB Bưu điện, Hà Nội, 2005)

Suy ngẫm và phân hồi

1. Tác giả bức thư đã bày tỏ tình cảm gì với nhân vật chủ linh chi dũng cảm?
2. Nhân vật chủ linh chi dũng cảm đã gọi ra cho tác giả bức thư bài học gì?
3. Tác giả bức thư suy nghĩ như thế nào về kết thúc không có hậu của truyện *Chủ linh chi dũng cảm*? Em có đồng ý với điều đó không?
4. Hãy giới thiệu với các bạn một nhân vật văn học đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

¹ Rô-mê-ô (Romeo): nhân vật chính trong vở bi kịch *Rô-mê-ô và Ju-li-ét* (Romeo và Juliet) của Sếch-xơ-pia (Shakespeare).

² Ô-ni-xơ-tơ Hê-minh-uây (Ernest Hemingway): nhà văn người Mỹ đạt giải thưởng Nô-ben (Nobel) Văn học năm 1950.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:

a. Thông qua tình huống này, tác giả dân gian muốn khẳng định sự **mãn tiệp** của **trí tuệ** dân gian, qua đó bày tỏ ước mơ về một xã hội mà mọi ràng buộc chặt chẽ của **quan niệm** phong kiến về các tầng lớp người trong xã hội đều được **nới lỏng** và **cởi bỏ**.

(Theo Trần Thị An, Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ nhân gian)

b. Và ở đây, bằng kinh nghiệm về việc **quan sát thiên nhiên** và kinh nghiệm của việc **thực hành** các trò chơi dân gian ở làng quê, em bé nhanh chóng tìm ra **đáp án**.

(Theo Trần Thị An, Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ nhân gian)

c. Bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen” đạt đến độ **hoàn mỹ** hiếm có trong loại ca dao vịnh tả cảnh vật mang tính **triết lý**.

(Theo Hoàng Tiến Tựu, Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”)

2. Tìm những từ ghép có yếu tố Hán Việt trong bảng sau (cột hai) và giải thích ý nghĩa của những từ đó (làm vào vở):

STT	Yếu tố Hán Việt	Từ ghép Hán Việt
1	quốc (nước)	quốc gia,...
2	gia (nhà)	gia đình,...
3	gia (tăng thêm)	gia vị,...
4	biến (tai hoạ)	tai biến,...
5	biến (thay đổi)	biến hình,...
6	hội (hợp lại)	hội thao,...
7	hữu (có)	hữu hình,...
8	hoá (thay đổi, biến thành)	tha hoá,...

3. Đặt câu với 3 từ Hán Việt tìm được ở bài tập trên.

4. Trong câu sau, nếu thay từ “tôn vinh” bằng từ “khen ngợi” thì ý nghĩa của câu có thay đổi không? Theo em, cách dùng từ nào hay hơn? Vì sao?

Để **tôn vinh** trí tuệ dân gian, người kể chuyện đã xếp đặt tình huống để cho người ra **đỗ** ở vị trí sứ giả nước ngoài, thậm chí là một nước lớn hơn đang “lăm le muốn chiếm bờ cõi nước ta”, mà nếu không trả lời được thì quốc gia sẽ phải “tò ra thua kém và thừa nhận sự **thần phục** của mình đối với nước láng giềng”.

(Theo Trần Thị An, Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian)

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN NGẮN CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

Theo Minh Khuê

Chiếc lá cuối cùng là truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Ô Hen-ri (O' Henry). Đây là một truyện ngắn đặc sắc và hấp dẫn, để lại nhiều ấn tượng cho bạn đọc.

Trước hết, sức hấp dẫn của truyện đến từ chi tiết chiếc lá cuối cùng. Chi tiết chiếc lá cuối cùng là một chi tiết mang những thông điệp sâu sắc. Như đầu truyện đã viết: Lúc ấy là vào mùa đông. Giôn-xi (Johnsy) bị sưng phổi. Bệnh thì nặng, lại đang trong cảnh nghèo túng khiến cô tuyệt vọng, không muốn sống nữa. Cô đếm từng chiếc lá còn lại trên cây thường xuân bám vào bức tường gạch đối diện với cửa sổ – nơi cô nằm, chờ khi nào chiếc lá cuối cùng trên cây rụng xuống, là cô sẽ buông xuôi, lìa đời. Trên thực tế, những chiếc lá kia làm sao cưỡng lại được mùa đông lạnh lẽo, với mưa gió bão bùng. Thế nhưng, Ô Hen-ri, trong phần cuối truyện, đã để cho chiếc lá cuối cùng đó còn trên cây vào buổi sáng có tính quyết định – khi Giôn-xi “lệnh” cho người bạn gái là Xu (Sue) phải kéo tấm màn màu xanh lên. Nhà văn đã thổi vào chiếc lá cuối cùng một sự sống. Như có một phép màu nhiệm nào đó đã bắt từ hoá nó. Quả nhiên là, sự tồn tại của chiếc lá làm cho tâm trạng nhân vật bất hạnh và có phần đáng trách là Giôn-xi được hồi sinh. Sự hồi sinh ấy thật diệu kì: Cô đã cố gượng ngồi dậy, tự đánh giá sự tội tệ của bản thân, đòi ăn cháo, uống sữa pha rượu vang đỏ, muốn soi gương và hi vọng một ngày nào đó đến nước I-ta-li-a (Italia) để vẽ vịnh Na-pô-li (Naples),... Đó là một dụng công của nghệ thuật, tạo cho người đọc sự ngạc nhiên, xúc động thực sự.

Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ. Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, Ô Hen-ri mới để cho Xu kể lại cho Giôn-xi (lúc đó là vào buổi chiều, Giôn-xi đang vui vẻ và đan chiếc khăn choàng len màu xanh sẫm) về cái chết của cụ Bơ-mơn (Behrman), về kiệt tác chiếc lá cuối cùng. Người kể chuyện không nói hộ ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-mơn, lại cố ý bỏ qua không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào. Nhưng đó cũng chính là ý đồ nghệ thuật của người sáng tạo mà người đọc cảm nhận được qua sự mô tả cách nhìn, thái độ, trạng thái tinh thần cụ Bơ-mơn. Sự phát triển song hành, với kết quả đảo ngược của hai nhân vật chính (Giôn-xi và Bơ-mơn) thực sự tạo nên sức hấp dẫn của câu chuyện. Cụ Bơ-mơn đang khoẻ mạnh, khao khát sáng tạo, chỉ sau một đêm hoàn thành bức vẽ chiếc lá cuối cùng trong mưa tuyết cũng bị sưng phổi nặng. Bệnh nguy kịch ở cái tuổi ngoài sáu mươi

Khi đọc văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, em nên:

- Xác định ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản.
- Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Chỉ ra mục đích viết của văn bản và mối quan hệ giữa mục đích viết với đặc điểm văn bản.

nên sau hai ngày, cụ đã qua đời. Hành động cao cả của cụ đã chứng minh rằng: tình yêu thương bao giờ cũng đòi hỏi một sự hi sinh – một sự hi sinh thầm lặng. Bởi vậy, có thể nói, nhân vật người họa sĩ già, tác giả của bức vẽ – kiệt tác “chiếc lá cuối cùng” – có vai trò như là một nhân vật trung tâm trong việc thể hiện đề tài, chủ đề của truyện ngắn này.



Từ bức tranh vẽ chiếc lá cuối cùng trên tường do người họa sĩ già sáng tạo vào cái đêm định mệnh đó, với sự kết thúc câu chuyện đầy yếu tố bất ngờ như vậy, Ô Hen-ri như muốn gửi đến người đọc một thông điệp: Chiếc lá bình dị không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật (chiếc lá có màu sắc hình dáng như nó vốn có – đến nỗi, hai cô họa sĩ cũng tin nó là có thật) mà còn xứng danh là một kiệt tác bởi nó được kết tinh cao độ từ tình yêu thương con người và niềm say mê sáng tạo đến quên mình của cụ họa sĩ Bơ-mơn. Quả thực, đó là tác phẩm nghệ thuật chân chính, giàu giá trị nhân văn được khơi nguồn từ nhu cầu cuộc sống và tự nó đã mang chức năng sinh thành và tái tạo. Bức tranh đã thức dậy trong Giôn-xi niềm tin vào cuộc sống, mở đường cho khát vọng và đam mê. Sự sống đã trở về với Giôn-xi: sự sống đã đẩy lùi cái chết, ý chí vươn lên đã chiến thắng ý nghĩ yếu đuối. Rõ ràng, sự lạc quan yêu đời là yếu tố quyết định một phần quan trọng sự sống của con người. Và bởi vậy, truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* vẫn còn sống mãi trong lòng người đọc – vượt ra khỏi giới hạn không gian và thời gian.

(Trích *Tác phẩm văn học trong nhà trường – Những vấn đề trao đổi, tập 3*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012)

Hướng dẫn đọc

1. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.

2. Chỉ ra những đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong *Sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng"* và nêu tác dụng của các đặc điểm ấy trong việc thực hiện mục đích văn bản bằng cách hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	Biểu hiện trong văn bản <i>Sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng"</i>	Tác dụng trong việc thực hiện mục đích văn bản
Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận.		
Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm.		
Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ.		
Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.		



VIẾT

VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Khi đọc một tác phẩm truyện, chắc hẳn có những nhân vật để lại cho em ấn tượng sâu sắc và muốn viết bài văn chia sẻ ý kiến của mình về đặc điểm của nhân vật ấy. Làm thế nào để phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học? Làm sao để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của mình? Phần bài học này sẽ giúp em trả lời những câu hỏi ấy.

Bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học thuộc thể nghị luận văn học. Trong đó, người viết đưa ra ý kiến bàn về đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Giới thiệu được nhân vật cần phân tích.
- Trình bày được ý kiến của người viết về các đặc điểm khái quát từ nét tính cách, phẩm chất nhân vật.

- Đưa ra lí lẽ rõ ràng, thuyết phục để làm sáng tỏ ý kiến.
- Đưa ra bằng chứng là các chi tiết, sự việc, lời nói, trích dẫn từ văn bản để làm sáng tỏ lí lẽ.
- Bố cục bài viết cần đảm bảo:

Mở bài: giới thiệu nhân vật cần bàn luận và thể hiện ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật.

Thân bài: giới thiệu về tác giả, tác phẩm để giúp người đọc hiểu thêm về nhân vật cần phân tích. Khẳng định ý kiến về các đặc điểm của nhân vật, đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến; các lí lẽ và bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

Kết bài: khẳng định lại ý kiến của người viết về đặc điểm nhân vật, nêu cảm nghĩ của người viết về nhân vật.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Phân tích đặc điểm nhân vật Bơ-mơn trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng*

Mở bài

Có những tác phẩm như một chiếc chìa khoá kì diệu, nó mở tung cánh cửa tâm hồn ta, để biết bao xúc cảm sống dậy miên man. Truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của nhà văn Ô Hen-ri đã để lại trong tôi bao xúc cảm như thế. Trong đó, tôi ấn tượng nhất với nhân vật Bơ-mơn – bác hoạ sĩ già giàu lòng nhân ái, có khát vọng nghệ thuật cao đẹp.⁽¹⁾

(1) Giới thiệu nhân vật và nêu ý kiến về đặc điểm nhân vật

Thân bài

Ô Hen-ri là nhà văn người Mỹ nổi tiếng với những truyện ngắn súc tích, đầy bất ngờ, gợi ra nhiều ý nghĩa sâu sắc. *Chiếc lá cuối cùng* là truyện ngắn tiêu biểu cho tài năng của Ô Hen-ri với một cốt truyện ngắn gọn nhưng cảm động. Quả thật, nhà văn đã dành nhiều tâm huyết để xây dựng nên nhân vật bác Bơ-mơn, nhân vật mà ông gửi gắm những thông điệp nhân văn, sâu sắc về tình người và sức mạnh của nghệ thuật.⁽²⁾

(2) Giới thiệu những thông tin về tác giả, tác phẩm giúp người đọc hiểu hơn về nhân vật cần phân tích.

Trước hết, tôi yêu quý bác Bơ-mơn bởi sự nhân hậu của bác^(3a) Tình thương và tấm lòng cao cả của bác Bơ-mơn được kết tinh trong hình ảnh chiếc lá cuối cùng – một chi tiết giàu ý nghĩa trong truyện ngắn. *Chiếc lá cuối cùng* đã thắp lên ánh sáng của sự sống, đã cứu sống một người trẻ với tương lai rộng mở phía trước. Đó là khoảnh khắc Giôn-xi, một tâm hồn cô đơn “đã chuẩn bị cho chuyến đi xa xôi, bí ẩn của mình” trông thấy chiếc lá cuối cùng, cũng đơn độc nhưng bằng mọi giá bám víu lấy sự sống.⁽⁴⁾ Có lẽ Giôn-xi đã nhận ra chính mình trong chiếc lá bé nhỏ ấy, chiếc lá đã thức tỉnh và tiếp thêm cho Giôn-xi khát vọng sống. Trái tim nhân hậu của người hoạ sĩ già đã tiếp cho Giôn-xi hi vọng để vượt qua bệnh tật.^(5a)

(3a), (3b) Nêu ý kiến của người viết về đặc điểm thứ nhất và thứ hai của nhân vật.

(4) Nêu những trích dẫn từ truyện để tăng sức thuyết phục.

Bên cạnh đó, nhân vật bác Bơ-mơn còn là một hoạ sĩ với khao khát nghệ thuật đáng trân trọng.^(3b) Khao khát nghệ thuật của bác đã tạo nên kiệt tác “chiếc lá cuối cùng”. Đường như bác Bơ-mơn đã trút tất cả tài hoa, sự sống và tình yêu thương để vẽ nên “chiếc lá cuối cùng”, và rồi trao lại kiệt tác ấy cho thế hệ hoạ sĩ trẻ như một sự tiếp nối sứ mệnh nghệ thuật. Ngay khi Giôn-xi khoẻ lại, ước ao nghệ thuật năm xưa trong cô cũng sống dậy. Cô bày tỏ: “Em hi vọng một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na-pô-li”. Phải chăng trong ước ao của người hoạ sĩ trẻ cũng đã rực cháy ngọn lửa yêu thương và khát khao nghệ thuật của bác Bơ-mơn? Và phải chăng, đến cuối cuộc đời mình, người hoạ sĩ già ấy cũng đã tìm được nguồn cảm hứng để làm nên tác phẩm để đời – nguồn cảm hứng xuất phát từ lòng nhân hậu và tình thương?^(5b)

(5a),(5b)

Phân tích, bàn luận dẫn chứng để làm rõ đặc điểm nhân vật.

Kết bài

Khép lại trang sách cuối cùng, tôi vẫn không thôi nghĩ về nhân vật bác hoạ sĩ già Bơ-mơn – người hoạ sĩ giàu lòng nhân ái, có khát vọng nghệ thuật chân chính. Niềm yêu thương và nỗi xót xa cứ thế miên man không dứt. Rồi đây Giôn-xi và Xu có lẽ sẽ tiếp tục cuộc đời của họ với nhiệt huyết mà cụ Bơ-mơn đã trao tặng. Khi nghĩ về điều ấy, tôi lại cảm thấy nỗi buồn được xoa dịu, chỉ còn lại niềm tin dịu dàng ấm áp. Bởi bác Bơ-mơn đã dạy tôi một bài học: dẫu cuộc đời đầy xót xa, mất mát, vẻ đẹp của sự sống và tình người vẫn luôn ngời sáng.⁽⁶⁾

(6) Khẳng định lại ý kiến về đặc điểm nhân vật, nêu cảm nghĩ về nhân vật.

(Nhóm biên soạn)

Sau khi đọc xong văn bản trên, em hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Bài văn viết về nhân vật nào? Người viết đã trình bày ý kiến về những đặc điểm nào của nhân vật?
2. Khi trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm rõ đặc điểm nhân vật, cần chú ý điều gì?
3. Ở phần kết bài, tác giả bài viết đã trình bày những nội dung gì?

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Em hãy viết bài văn (khoảng 400 đến 500 chữ) phân tích đặc điểm một nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Đề tài là nhân vật mà em phân tích. Để bài phân tích được sâu sắc, em có thể chọn nhân vật có tính cách đa dạng, thú vị; nhân vật có tính cách biến đổi, phát triển trong truyện; nhân vật có vai trò quan trọng trong cốt truyện; nhân vật mang thông điệp sâu sắc.

Thu thập tư liệu

Khi chọn được nhân vật cần phân tích đặc điểm, em đọc truyện lại một lần nữa và chú ý những chi tiết liên quan đến nhân vật, có thể ghi lại những chi tiết quan trọng dựa vào bảng sau (lâm vào vở):

Nhân vật cần phân tích:	
Truyện:	
Tác giả:	
Phương diện	Biểu hiện trong truyện
Ngoại hình	
Lời nói	
Hành động	
Suy nghĩ	
Mối quan hệ với các nhân vật khác	

Trước khi viết, em hãy xác định:

Mục đích viết bài này là gì?

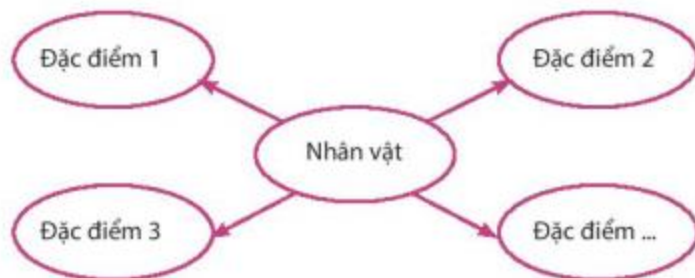
Người đọc bài viết này có thể là ai?

Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn **nội dung** và **cách viết** như thế nào?

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Từ những chi tiết trong bảng trên, em hãy rút ra những đặc điểm nhân vật và điền vào sơ đồ:



Để khái quát đặc điểm nhân vật, em có thể sử dụng những từ ngữ miêu tả tính cách, phẩm chất nhân vật như: thông minh, nhân hậu, vị tha, có khát vọng chân chính,...

Lập dàn ý

Từ các ý đã viết ra, em hãy chọn đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của nhân vật để lập dàn ý bằng cách sắp xếp, triển khai ý sao cho phù hợp với yêu cầu của đề bài.

Em có thể lập dàn ý dựa vào gợi ý sau:

MỞ BÀI	<ul style="list-style-type: none">– Giới thiệu nhân vật cần phân tích.– Nêu ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật.
THÂN BÀI	<p>1. Phân tích đặc điểm thứ nhất của nhân vật</p> <ul style="list-style-type: none">– Ý kiến về đặc điểm thứ nhất của nhân vật– Lí lẽ– Bằng chứng <p>2. Phân tích đặc điểm thứ hai của nhân vật</p> <ul style="list-style-type: none">– Ý kiến về đặc điểm thứ hai của nhân vật– Lí lẽ– Bằng chứng
KẾT BÀI	<ul style="list-style-type: none">– Khẳng định lại ý kiến của người viết.– Nêu cảm nghĩ về nhân vật.

Dàn ý cần đảm bảo các yếu tố của bài văn nghị luận:

- Lí lẽ (là lí giải của người viết cho đặc điểm của nhân vật cần phân tích) cần thuyết phục, xác đáng.

- Bằng chứng (là những chi tiết, sự việc, lời nói, ngôn ngữ, trích dẫn,... từ truyện) cần xác thực, phong phú.

- Các lí lẽ, bằng chứng cần được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

Bước 3: Viết bài

Khi viết bài, em cần chú ý:

- Đề bài mạch lạc, rõ ràng, cần có những câu văn nêu rõ ý kiến của người viết và sử dụng từ có chức năng chuyển ý.

- Có thể trao đổi với những ý kiến khác về nhân vật để tạo sự hấp dẫn cho bài viết.

• Khi triển khai bằng chứng, cần tránh kể lại truyện, chú ý phân tích, nêu ý nghĩa của bằng chứng.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo những gợi ý sau:

Bảng kiểm bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu nhân vật cần phân tích.		
	Nêu được ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật.		
Thân bài	Nêu được ít nhất hai đặc điểm tính cách nhân vật.		
	Nêu được lí lẽ để lí giải cho các đặc điểm nhân vật cần phân tích.		
	Nêu được bằng chứng xác đáng, thuyết phục từ tác phẩm để làm rõ đặc điểm nhân vật.		
	Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí.		
Kết bài	Khẳng định lại ý kiến của người viết về đặc điểm nhân vật.		
	Nêu cảm nghĩ về nhân vật.		

Rút kinh nghiệm

Từ bài viết của mình, em rút ra kinh nghiệm gì về việc viết một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.



NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN NHÓM VỀ VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI

Trong cuộc sống, có những vấn đề gọi ra những ý kiến trái chiều, đối lập, mỗi ý kiến đều có những điểm hợp lí và chưa hợp lí. Vậy, làm thế nào để thảo luận, xác định những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để đưa ra cách giải quyết một vấn đề gây tranh cãi? Bài học này sẽ giúp em trả lời câu hỏi ấy.

Chủ đề thảo luận: Em có thể tham gia thảo luận về vấn đề gây tranh cãi cho một trong các chủ đề sau:

- Có nên cấm học sinh sử dụng điện thoại trong nhà trường?
- Nhà trường có nên ban hành nội quy về việc sử dụng mạng xã hội của học sinh?
- Có nên xếp loại, đánh giá học sinh bằng điểm số?

- Giáo viên có nên thường xuyên cho học sinh thuyết trình về bài học?
- Cha mẹ có quyền quyết định nghề nghiệp tương lai của con cái?
- Con cái có nên tham gia thảo luận, quyết định các vấn đề chung của gia đình?
- Di chuyển bằng xe buýt (bus) – nên hay không?

Để hoạt động thảo luận nhóm có hiệu quả, cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

Thành lập nhóm và phân công công việc

Một nhóm nên gồm khoảng 6 thành viên. Nhóm trưởng chịu trách nhiệm phân công, theo dõi tiến độ, chuẩn bị và dẫn dắt buổi thảo luận. Thư kí ghi chép ý kiến của các thành viên trong buổi thảo luận.

Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận

Sau khi chia nhóm, nhóm trưởng thông báo cho thành viên vấn đề cần thảo luận. Mỗi thành viên về nhà tìm hiểu tư liệu, đưa ra ý kiến về vấn đề cần thảo luận, chuẩn bị lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến.

Thống nhất mục tiêu và thời gian buổi thảo luận

Để thống nhất mục tiêu, thời gian buổi thảo luận, cả nhóm cần trả lời câu hỏi sau:

Mục đích của buổi thảo luận này là gì? Thời gian thảo luận dự kiến là bao lâu? Nhóm sẽ dành bao nhiêu thời gian cho mỗi ý kiến khi thảo luận?

Bước 2: Thảo luận

Trình bày ý kiến

Trong bước này, nhóm trưởng cần dẫn dắt để các thành viên trình bày ý kiến. Thư kí ghi chép, tổng hợp các ý kiến. Với một vấn đề gây tranh cãi, thường sẽ có ít nhất hai luồng ý kiến đối lập với nhau, do đó, phần dẫn dắt của nhóm trưởng và phần ghi chép của thư kí có thể được thực hiện theo sơ đồ sau:

Khi chuẩn bị nội dung thảo luận, em hãy xác định:

Mục đích nói là gì?

Người nghe có thể là ai?

Với mục đích và người nghe đó, em sẽ chọn **nội dung** và **cách nói** như thế nào?



Phản hồi các ý kiến

Sau khi ghi nhận ý kiến của các thành viên, nhóm cần tập trung vào phản hồi các ý kiến trọng tâm, được nhiều thành viên quan tâm. Đây là lúc các thành viên tranh luận, phản hồi với các ý kiến trái chiều cũng như bảo vệ ý kiến của bản thân trước sự phân bác của người khác.

Nhóm trưởng dẫn dắt các thành viên trong nhóm phản hồi các ý kiến, thư kí ghi chép những ý kiến đồng tình, phân bác với các ý kiến được tranh luận (tham khảo mẫu sau):

Ý kiến cần phản hồi	Ý kiến đồng tình của các thành viên trong nhóm	Ý kiến phản bác của các thành viên trong nhóm
Ý kiến 1:
Ý kiến 2:

Thống nhất ý kiến

Trong bước này, thư kí sẽ tóm tắt ngắn gọn những ý kiến đã được trình bày trong buổi thảo luận, các thành viên trong nhóm sẽ đưa ra kết luận thống nhất về vấn đề. Ý kiến thống nhất trong trường hợp này có thể là:

- Ý kiến đưa ra được bằng chứng, lí lẽ thuyết phục, người nói bảo vệ được ý kiến của mình trước sự phân bác của thành viên khác, thuyết phục được sự đồng tình của đa số các thành viên trong nhóm.
- Tổng hợp những điểm tương đồng trong các ý kiến trái chiều, được các thành viên trong nhóm đồng thuận.
- Ý kiến dung hoà các ý kiến trái chiều, dựa trên cơ sở cân nhắc những điểm hợp lí, chưa hợp lí của các ý kiến.

Trong trường hợp sau khi cả nhóm thống nhất ý kiến mà vẫn có những ý kiến khác thì mỗi thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình để tiếp tục tìm tòi, làm rõ thêm hoặc nhóm có thể tổ chức cuộc họp khác để thống nhất những ý kiến còn tranh cãi.

ÔN TẬP

1. Trình bày đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.
2. Tóm tắt ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, mục đích viết và nội dung chính của các văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học đã học trong bài dựa vào bảng sau (làm vào vở):

	<i>Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian</i>	<i>Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen"</i>	<i>Sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng"</i>
Ý kiến			
Lí lẽ và bằng chứng			
Mục đích viết			
Nội dung chính			

3. Khi viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học, em cần lưu ý điều gì?
4. Khi thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi, ta cần tiến hành những bước nào? Em cần lưu ý điều gì về thái độ, cách thức trình bày ý kiến khi thảo luận nhóm?
5. Liệt kê ít nhất 10 từ có các yếu tố Hán Việt đã được học trong bài và giải thích ý nghĩa của chúng.
6. Em hãy ghi lại ý kiến của bản thân và tìm hiểu những ý kiến khác về một tác phẩm văn học mà em yêu thích dựa vào sơ đồ sau (làm vào vở):



Từ đó, em hãy trả lời câu hỏi: Việc hiểu những góc nhìn khác về tác phẩm văn học có ý nghĩa gì với chúng ta?

QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN (Tản văn, tùy bút)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản; nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.
- Viết được bài văn biểu cảm về con người, sự việc.
- Tóm tắt được ý chính do người khác trình bày.
- Biết yêu quý, trân trọng, bảo vệ thiên nhiên.

Quà tặng từ thiên nhiên đang được gửi đến chúng ta mỗi ngày: Mặt Trời tặng ánh nắng, những cơn mưa ban tặng sự mát lành, cây xanh ban tặng hoa trái và khí ô-xi, bốn mùa ban tặng cảnh sắc cùng nhiều thức quà khác nhau,...

Trong bài học này, em sẽ học cách đọc hiểu một số văn bản tản văn, tùy bút, qua đó hiểu thêm ý nghĩa của thiên nhiên đối với cuộc sống của chúng ta.

? *Quà tặng của thiên nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?*



ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Tản văn và tùy bút

Tản văn là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc có cách thể hiện đa dạng (trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả,...), nhưng nhìn chung đều mang tính chất châm phá, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã hội.

Tuỳ bút là một thể trong kí, dùng để ghi chép, miêu tả những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến; đồng thời chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống.

Chất trữ tình trong tản văn, tuỳ bút là yếu tố được tạo từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật để tạo nên rung động thẩm mỹ cho người đọc.

Cái tôi trong tuỳ bút, tản văn là yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản. Thông thường, có thể nhận biết *cái tôi* ấy qua các từ nhân xưng ngôi thứ nhất.

Ngôn ngữ tản văn, tuỳ bút thường tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình.

Mạch lạc trong văn bản: đặc điểm và chức năng

Văn bản cần phải mạch lạc. Một văn bản mạch lạc có các đặc điểm sau:

– Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều cùng nói về một chủ đề.

– Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. Sự tiếp nối này có thể được thực hiện dựa trên mối liên hệ về thời gian, không gian, tâm lí (nhớ lại), ý nghĩa (trương đồng, trương phản).

Sự mạch lạc làm cho chủ đề trong văn bản liên mạch và gọi được hứng thú cho người đọc/ người nghe.

Ngôn ngữ của các vùng miền

Tiếng Việt rất đa dạng với những sắc thái độc đáo ở mỗi vùng miền.

Dựa vào đặc điểm cách phát âm, chúng ta có thể nhận ra giọng miền Bắc, giọng miền Nam, giọng miền Trung. Chẳng hạn, cách phát âm của một số địa phương miền Nam và miền Trung thường không phân biệt hai thanh điệu “hỏi” và “ngã” giống như miền Bắc.

Sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền không chỉ thể hiện ở ngữ âm mà còn thể hiện ở mặt từ vựng. Chẳng hạn, cùng là một vật dụng dùng để ăn cơm nhưng miền Bắc gọi là “bát”, miền Nam gọi là “chén”, miền Trung gọi là “đôi”,...

Sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền góp phần làm cho tiếng Việt thêm giàu đẹp. Trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ cũng chính là trân trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các vùng miền.

CỐM VÒNG

Vũ Bằng

Chuẩn bị đọc

1. Em đã từng ăn cốm chưa? Hãy chia sẻ cảm nhận của em về mùi vị của cốm.
2. Dựa vào nhan đề, em hãy dự đoán nội dung của văn bản.

Trải nghiệm cùng văn bản

[...]

Tôi dò ai tìm được một thứ sản phẩm gì của đất nước thương yêu mà biểu dương được tinh thần của những cuộc nhân duyên giữa trai gái như hồng và cốm!

Màu sắc tương phản mà lại tôn lẫn nhau lên; đến cái vị của hai thức đó, tưởng là xung khắc mà ai ngờ lại cũng thấm đượm với nhau! Một thứ thì giản dị mà thanh khiết, một thứ thì chói lọi mà vương giả; nhưng đến lúc ăn vào thì vị ngọt lừ của hồng nâng mùi thơm của cốm lên, [...] như trai gái xứng đôi, như trai gái vừa đôi... mà những mảnh lá chuối tước toì để đệm hồng chính là những sợi tơ hồng quấn quýt. **1**

Có ai, một buổi sáng mùa thu, ngồi nhìn ra đường phố, thấy những cô gái làng Vòng gánh cốm đi bán mà không nghe thấy lòng rộn rã yêu đương?

Đó là những cô gái mộc mạc ưa nhìn “đầu trùm nón lá” vắt vẻo đi từ tỉnh mơ lên phố để bán cốm cho khách Hà Nội có tiếng là sành ăn. **2**

Nhưng tại sao lại chỉ có con gái, đàn bà làng Vòng đi bán cốm? Mà tại sao trong tất cả đồng quê đất Việt ngút ngàn những ruộng lúa thơm tho lại chỉ riêng có làng Vòng sản ra được cốm?

Đó là một câu hỏi mà đến bây giờ người ta vẫn còn thắc mắc, chưa nhất thiết trả lời phân minh bề nào. Là tại vì đất làng Vòng được tưới bón với một phương pháp riêng nên ruộng của họ sản xuất ra được thứ lúa riêng làm cốm? Hay là tại vì nghệ thuật truyền thống rất tinh vi của người làng Vòng nên cốm của họ đặc biệt thơm ngon?

Theo dõi

- 1** Chú ý những từ tác giả dùng để miêu tả màu sắc, mùi vị của cốm và hồng.

Tương tượng

- 2** Em hình dung thế nào về hình ảnh cô gái làng Vòng gánh cốm đi bán được tác giả miêu tả trong đoạn này?

Dù sao, ta cũng nên biết rằng làng Vòng (ở cách Hà Nội độ sáu, bảy cây số) chia ra làm bốn thôn là Vòng Tiên, Vòng Hậu, Vòng Sở, Vòng Trung; nhưng chỉ có hai thôn Vòng Hậu và Vòng Sở là sản xuất được cốm quý.

Cốm nguyên là cái hạt non của “thóc nếp hoa vàng”¹. Một ngày đầu tháng Tám, đi dạo những vùng trồng lúa đỏ, ta sẽ thấy ngào ngạt mùi lúa chín xen với mùi cỏ, mùi đất của quê hương làm cho ta nhẹ nhõm và đôi khi... phơi phới.

Hỡi anh đi đường cái, hãy cúi xuống hái lấy một bông lúa mà xem. Hạt thóc nếp hoa vàng trông cũng giống hạt thóc nếp thường, nhưng nhỏ hơn một chút mà cũng tròn trặn hơn. Anh nhấm thử một hạt, sẽ thấy ở đầu lưỡi ngọt như sữa người.

Người làng Vòng đi ngắt lúa về và nội trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ phải bắt tay vào việc chế hoá hạt thóc ra thành cốm.

[...]

Lúa ngắt đem ở cánh đồng về, kì nhất là không được vò hay đập, nhưng phải tuốt để cho những hạt thóc vàng rơi ra. Người ta cho rằng bí quyết của cốm Vòng là lúc đem đảo ở trong những nồi rang.

Tất cả cái khéo tay, công với những kinh nghiệm lâu đời xui² cho người đàn bà làng Vòng đảo cốm trong những nồi rang vừa dẻo; lửa lúc nào cũng phải đều; nhất là cúi đun phải là thử cúi gỗ cháy âm, chứ không được dùng đến cúi rom hay cúi dóm.

Công việc xay, giã cũng cần phải gượng nhẹ, chu đáo như vậy: chày giã không được nặng quá, mà giã thì phải đều tay, không được chậm vì cốm sẽ nguội đi, thử nhất là phải đảo từ dưới lên, từ trên xuống cho đều, không lồi.

Những hạt thóc nào hái vừa vụn thì dẻo; hơi già, ăn cứng mình; mà non quá, hãy còn nhiều sữa thì quánh lại với nhau từng mảng. Thử cốm sau đó gọi là *cốm dót*.

Thóc giã xong rồi, người ta sàng. Trấu bay ra cùng với những hạt cốm nhẹ nhàng nhất: cốm đó là cốm đầu nia³. Còn các thứ cốm khác thì là cốm thường, nhưng tất cả ba thứ đó không phải sàng sảy xong là đã ăn được ngay đâu; còn phải qua một giai đoạn nữa là *hồ*.



Cốm (Nguồn: <https://vietadsgroup.vn/com-lang-vong-huong-vi-rieng-mua-thu-ha-noi.html>)

¹ “Thóc nếp hoa vàng”: tức nếp cái hoa vàng, một giống lúa quý.

² Xui: khiến. Ở đây “xui cho” nghĩa là “khiến cho”.

³ Cốm đầu nia: còn gọi là cốm giót/ cốm dót, là những hạt cốm rất non, khi giã thì tự quện vào với nhau tạo thành một khối nhỏ như hạt ngô, hạt lạc; khi sàng sảy thì tự lại trên đầu nia.

Người ta lấy mạ giã ra, hoà với nước, làm thành một thứ phẩm xanh màu lá cây rồi hồ cốm cho thật đều tay: cốm đương mộc mạc, nổi hẳn màu lên và duyên dáng như cô gái dậy thì bỗng tự nhiên đẹp trội lên trong một buổi sáng mùa xuân tươi tốt.³

Theo dõi

- 3 Để làm ra sản phẩm cốm, cần bao nhiêu công đoạn?

Bây giờ, chỉ còn việc trình bày nữa là xong: cốm được tãi ra thật mỏng trên những mảnh lá chuối hay những cái lá sen (người ta gọi thế là lá cốm hay mẻ cốm) rồi xếp vào thúng để gánh đi bán, tinh khiết và thơm tho lạ lùng. [...]

Đã có lúc ngồi nhìn người hàng cốm xẻ từng mẻ cốm sang chiếc lá sen to để gói lại cho khách hàng, tôi đã tần mẫn ngẫm nghĩ nhiều. Ở mà thật vậy, sao cứ phải là lá sen mới gói được cốm? Mà sao cứ phải là rơm tươi của cây lúa mới đem buộc được gói cốm? Có một khi tôi đã thử tương tượng người ta dùng giấy bóng kính tốt đẹp để gói cốm và dùng dây lụa để buộc gói cốm, nhưng mới thoáng nghĩ như thế, tôi đã thấy tất cả một sự lố lãng, tất cả một sự thô kệch, nói tóm lại là tất cả một sự... khó thương! Còn gì là cốm nữa! Làm vậy, cốm có còn là cốm đâu!

Cốm, một món quà trang nhã của Thần Nông¹ đem từ những đồng quê bát ngát của tổ tiên ta lại cho ta, không thể khứng chịu² được những cái gì phạm tục.

Vì thế, ăn miếng cốm cho ra miếng cốm, người ta cũng cần phải tỏ ra một chút gì thanh lịch, cao quý, phải biết tiếc từng hạt rơi, hạt vãi, và nhất là phải ăn từng chút một, lấy ngón tay nhón lấy từng chút một, chứ không được phũ phàng.

Ta vừa nhai nhỏ nhẹ, vừa ngẫm nghĩ đến tinh chất thơm của cốm thoang thoang mùi lúa đồng đồng³, tinh chất ngọt của cốm phiêu phiêu như khí trời trong sạch và ta sẽ thấy rằng ăn một miếng cốm vào miệng là ta nuốt cả hương thơm của những cánh đồng quê của ông cha ta vào lòng. Dịu dàng biết chừng nào! Mà cảm khái nhường bao!

[...]

(In trong *Miếng ngon Hà Nội*, NXB Lao động, 2009)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả trong các đoạn văn sau:

¹ *Thần Nông*: thường được biết đến với tên gọi Viêm Đế, là một vị thần huyền thoại của các dân tộc chịu ảnh hưởng của nền văn minh Bách Việt.

² *Khứng chịu*: chịu đựng.

³ *Lúa đồng đồng*: bông lúa non khi mới hình thành.

Vì thế, ăn miếng cơm cho ra miếng cơm, người ta cũng cần phải tỏ ra một chút gì thanh lịch, cao quý; phải biết tiếc từng hạt rơi, hạt vãi, và nhất là phải ăn từng chút một, lấy ngón tay thon lấy từng chút một, chứ không được phũ phàng.

Ta vừa nhai nhỏ nhẹ, vừa ngẫm nghĩ đến tinh chất thơm của cơm thoang thoang mùi lúa đồng đồng, tinh chất ngọt của cơm phiêu phiêu như khi trời trong sạch và ta sẽ thấy rằng ăn một miếng cơm vào miệng là ta nuốt cả hương thơm của những cánh đồng quê của ông cha ta vào lòng. Dịu dàng biết chừng nào! Mà cảm khái nhường bao!

Đó là tình cảm, cảm xúc như thế nào?

2. Tìm một số chi tiết thể hiện sự hoà quyện giữa cảm xúc, suy nghĩ của tác giả với vẻ đẹp của thiên nhiên, tạo vật trong văn bản và nêu tác dụng của chúng.
3. Đọc văn bản, em cảm nhận được điều gì về tâm hồn của nhà văn Vũ Bằng?
4. Xác định chủ đề của văn bản. Dựa vào đâu em xác định như vậy?
5. Em hãy chỉ ra một số đặc điểm của tuỳ bút được thể hiện qua văn bản.
6. “Ồ mà thật vậy, sao cứ phải là lá sen mới gói được cơm? Mà sao cứ phải là rơm tươi của cây lúa mới đem buộc được gói cơm?”. Hãy viết từ 3 đến 5 câu trình bày cách lí giải của em về câu hỏi trên.



Vũ Bằng (1913 – 1984) sinh tại Hà Nội. Sau năm 1954, ông vào Sài Gòn để viết báo và làm hoạt động tình báo. Sở trường của ông là viết truyện ngắn, tuỳ bút, bút kí. Ông nổi tiếng là một cây bút trữ tình, tinh tế và giàu chất thơ. Đặc biệt, ông có nhiều bài viết hay thể hiện những cảm xúc sâu lắng về quê hương, đất nước. Các tác phẩm tiêu biểu của ông: *Miếng ngon Hà Nội, Miếng lạ miền Nam, Thương nhớ mười hai* v.v,...

Cơm Vòng được trích từ tập *Miếng ngon Hà Nội* (xuất bản đầu năm 1960). Đây là tập tuỳ bút viết về những món ăn thường ngày, bình dị nhưng đậm đà hương vị đất nước, quê hương.

VĂN BẢN 2

MÙA THU VỀ TRÙNG KHÁNH¹ NGHE HẠT DẼ HÁT

Y Phương



Hạt dẻ Trùng Khánh (Nguồn: <https://6monngonmoingay.com/cach-lam-keo-hat-de-mem-bui-thom-lung.html>)

Chuẩn bị đọc

Em hãy chia sẻ trải nghiệm của mình về sản vật đặc trưng cho một vùng đất.

Trải nghiệm cùng văn bản

trời sáng tạo

Nhiều người nói với tôi, đã đi khắp trên đất nước ta, không đâu có giống mác lịch² ngon ngọt và thơm bùi như ở Trùng Khánh. Cái đó thì... vườn³. Giống hạt dẻ Trùng Khánh là số một La Mã chứ không chịu nhì. Vậy là vì sao?

Hạt dẻ Trùng Khánh nếu mang đi nơi khác trồng, sẽ cho mùi vị hoàn toàn khác lạ. Màu sắc cũng đại hơn. To nhỏ cũng khác. Nghĩa là nó phụ thuộc vào thổ nhưỡng và người trồng. Đất nào thì vật ấy. Đất nào thì người ấy.

Hạt dẻ Trùng Khánh thông thường mang hình tròn đều. Nhưng thỉnh thoảng cũng có hạt méo mó, dị dạng. Hạt nhỏ nhất cũng bằng ngón chân cái. Vào cứ⁴ cuối tháng Tám âm lịch, hạt dẻ bắt đầu chín. Khi chín, vỏ của nó lên màu hồng hạp, giữa nâu với tía.

¹ Trùng Khánh: tên một huyện ở tỉnh Cao Bằng.

² Mác lịch (tiếng Tây): hạt dẻ.

³ Vườn (khẩu ngữ): còn phải nói.

⁴ Cứ (khẩu ngữ): chỉ thời gian ước chừng, ở đây nghĩa là "vào khoảng".

Bọn trẻ nhà tôi bảo: Đó là biến thể sẫm của màu đỏ, chưa bị bão hoà. Khi hạt dẻ còn tươi, thịt của nó rắn chắc, giòn tan, vị ngọt thanh và có màu vàng hoàng yến. Ngày nay, thứ quả đặc sản có một không hai ấy không chỉ thấy bày bán ở phố huyện Co Xâu. Thương hiệu hạt dẻ Trùng Khánh tràn lan ra khắp cả nước. Thậm chí, sang Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) cũng có hạt dẻ Trùng Khánh bày bán.

Điều dễ nhận biết nhất là hạt dẻ nhái¹ có bán quanh năm. Mùa nào cũng có. Hạt dẻ ấy mang đi bao xa, đi bao lâu cũng không bao giờ sợ bị thâm thối. Còn hạt dẻ Trùng Khánh xịn, vỏ cứng, dày và có nhiều lông măng. Nếu đem luộc, hấp hoặc mang vào lò nướng chín, bạn sẽ thấy có hương thơm tự nhiên. Ngọt bùi tự nhiên. Chỉ cần ngậm một lúc, tự nó mềm ra như bột bánh khảo. Nó từ từ chín một lần nữa trong miệng.

Hãy nhớ một điều, hạt dẻ Trùng Khánh chỉ xuất hiện vào mùa thu. Mùa đẹp nhất trong năm. Cứ vào giữa thu là hạt dẻ xù lông rụng rón. Lượm về phải chế biến ngay, đừng để lâu. Nếu để lâu, hạt dẻ bị thâm thối, bốc mùi người không đứng gần được. Vì hạt dẻ chứa hàm lượng đạm rất cao. Đạm càng cao, khi bị hư càng nặng mùi.

Nếu không nhâm và chẳng hề thiên vị, cốm trộn hạt dẻ là một phát minh mới của người anh rể tôi. Hạt dẻ luộc chín, mang vào cối giã mịn. Cốm vừa làm xong hãy còn ấm nóng. Mang hai thứ ấy trộn lẫn với nhau. Để một lúc, chờ cho cốm ngấm hương hạt dẻ. Nhón mấy hạt thả vào miệng, chiêu² thêm ngụm nước trà gừng. Bạn sẽ thấy cốm có thêm vị cay vừa phải.

Cốm cọng hạt dẻ đang đảo qua đảo lại trên hũir ban. Đảo tới đâu thơm đến đó. Nếu đổ cốm trộn hạt dẻ vào khuôn ép, mấy tiếng sau sẽ cho một thứ bánh dẻo mềm như kẹo gôm. Ăn đến no mà chẳng sợ bị đầy bụng. Không lâu sau, người làng tôi học lóm được cách làm này. Họ đã nhanh chóng phổ biến rộng rãi cho cả mừng³ cả tổng⁴.

Cốm trộn hạt dẻ trở thành món ăn đặc sản, sang trọng. Khi trong nhà có khách, ông chủ bày cốm hạt dẻ mời trà. Còn con rể thì dâng cốm hạt dẻ lễ bố mẹ vợ nhân ngày Tết thương trăng. Học trò mang cốm trộn hạt dẻ biếu thầy cô. Tóm lại, cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân⁵.

Bạn hãy đến Trùng Khánh vào những ngày trời trong mây cao. Khói đốt đồng chiêm thẳng lên trời như cây sào. Không gian tứ bề yên ắng tĩnh mịch. Bạn sẽ được nghe hạt dẻ hát. Những cánh rừng dẻ râm ran đang vào vụ. Ban ngày thì dẻ lao xao, rì rào, tí tách rơi theo nhịp.

¹ Nhái: tức hàng nhái, hàng giả, giả mạo.

² Chiêu: uống chút ít để dễ nuốt trôi các thứ khác.

³ Mừng (Muang): một đơn vị hành chính (cũ) tương đương cấp huyện của người Thái phía Bắc.

⁴ Tổng (đơn vị hành chính cũ của Việt Nam): đơn vị hành chính địa phương trung gian giữa huyện và xã ở Việt Nam trước năm 1945.

⁵ Quý nhân: người cao sang, được kính trọng, hoặc người luôn che chở, giúp đỡ cho khi gặp khó khăn, hoạn nạn, như đã định trong số mệnh, theo mê tín.

Hạt dẻ rơi rơi rơi như mưa màu nâu. Đó là bản nhạc mùa thu ở quê tôi không thể nào quên. Lũ gà rừng đang đi hôi của¹, bống chúng gật đầu bảo nhau dừng lại. Một chân đứng làm trụ, còn một chân khều hạt. Chúng lấy mỏ mổ mổ toọc toọc liên tiếp lên thân hạt dẻ. Một phát trúng, mười một phát trượt. Bởi vỏ hạt dẻ vừa dày vừa cứng. **1**

Trường tượng

- 1** Em hình dung thế nào về cảnh được tả trong đoạn văn này?

Làm sự sống trên đời sao mà khó thế. Mổ mãi mổ mãi mà không được hạt nào. Còn lá rừng thì bật lên tiếng cười hu hú ha há về sự ngây thơ, ngốc nghếch của giống vật hai chân đi như người. Đêm đến, lũ chồn hương² đi rình³ trăng. Chúng trèo lên cây định hái, nhưng dẻ có gai. Nên chúng rụt tay lại và chỉ hít lấy hít để hương dẻ cho đỡ thèm.

Theo tôi, các quan chức ngành văn hoá du lịch địa phương, nên xem xét vùng rừng dẻ Trùng Khánh. Để biến nó trở thành một điểm tham quan thú vị. Rừng dẻ sẽ nằm trong tổng thể khu du lịch. Bắt đầu từ thác Bản Giốc⁴, lên động Ngườm Ngao⁵, qua làng Tày Khuổi Kí⁶. Sau đó tản ra rừng hạt dẻ. Đó là điểm du lịch mang màu sắc, hương vị của tình yêu.

Thật là tuyệt vời, khi được lang thang trong một khu rừng dẻ cực kì lãng mạn. Bạn trẻ đi với bạn trẻ. Bạn già đi với bạn già. Dưới bầu trời xanh, là tán rừng dẻ xanh. Dưới tán rừng dẻ xanh là mặt đất nhẵn và sạch lâu lâu.

Rừng dẻ khe khẽ hát như rang bởi đây đang là mùa lá nõ⁷. Ta ngồi đây để có được phút lặng yên. Hít vào thật sâu. Thở ra thật êm. Cặp mắt nhắm nghiền. Cuộc sống này thật là đáng sống.

Và tôi cũng xin mách bạn một điều, chớ có dại mà bước sâu vào khoảng sáng. Bởi nơi đó là cái rồn của rừng. Đi mãi. Đi miết theo hồn hoa mà không nhớ lối về. Khi nhận ra thì chiều lừ lừ sụp xuống. Nắng chiều quê tôi sáng vàng như mật bùa lấy rừng vàng. Đây là thời khắc ve ran như thác réo. Còn lá rừng thêm thiếp ngủ.

Ở rừng dẻ dù ngày không nắng, bạn cũng thấy bóng mình dài ra trên đất. Bóng trườn đi như vắt⁸. Bóng bắc qua sườn đồi. Bóng vắt đến khe nước trong. Đi ngược theo khe nước trong, bạn nghĩ rằng mình đã tới nơi trăng mọc. Trăng mọc từ một túp lều rơm ở đó có một mẹ già. Mẹ đang ngồi nướng hạt dẻ. Nướng hạt nào chín tới, mẹ liền bóc cho

¹ Hôi của: hành vi lấy đồ của người khác, do nhiều người thực hiện cùng lúc. Hành vi xấu này xảy ra khi chủ tài sản không đủ khả năng bảo vệ tài sản của mình trước nhiều người.

² Chồn hương: còn có tên gọi khác là cây hương (một số nơi gọi là chồn mướp, vòi hương, ngạn hương) là loài thuộc bộ thú ăn thịt (carnivora), họ cầy (viverridae).

³ Rình: núp trong bóng tối hoặc chỗ khuất để chờ theo dõi điều gì. Ví dụ: Thú hoang rình mồi.

⁴ Bản Giốc: thác nước nổi tiếng ở xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

⁵ Động Ngườm Ngao: nằm trong lòng một quả núi thuộc bản Gun (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, Cao Bằng), cách thác Bản Giốc gần 5 km.

⁶ Khuổi Kí: làng đá cổ của người Tày ở Trùng Khánh.

⁷ Nỏ: khô đến mức như không còn một chút chất nước nào cả.

⁸ Vắt: con vật gần giống như con đĩa hoặc con giun nhỏ, sống trên rừng và hút máu người, động vật.

thỏ và chồn hương ăn. Thỏ với chồn hương ăn bao nhiêu cho đủ. Mẹ cười. Mẹ bảo, tao nướng nổi buồn đấy chứ. Nổi buồn nấu quá rồi, mà sao tao chưa thấy chết. Mẹ chết làm sao được, trên đầu mẹ có cả một rừng dê đang độ ngọt bùi,...

Người quê tôi sống lâu. Thường cứ phải ngoài tám mươi, thậm chí chín mươi. Người sống lâu, một phần nhờ vào môi trường sinh thái của rừng cây dê. Nhìn về ngoài thì cây khô khốc. Vỏ nứt toác. Nhưng thịt cây vàng tươi, sần chắc. Chặt xuống một năm rỗng, mà lá vẫn mọc. Ai nói qua tai, đây là sự tương quan môi sinh tới con người.

Ở những vùng núi cao, không khí trong lành. Sống một đời người hồn nhiên như cây cỏ. Người miền núi sống không tính toán, bon chen, không thù hận ai, không si mê tiền bạc, chức tước. Lòng người như lòng suối, cứ trong veo, xanh ngắt hết đời. Đó là một cuộc sống sạch, một đời sống đẹp. Người quê tôi hiền hoà như mây nước. Người quanh năm cây cày mà thơm ngát như cỏ hoa. Cứ nhìn thấy mặt nhau là cười sung sướng. ²

Lí do là hạt dê Trùng Khánh ngọt thơm bởi tay người trồng và bón chăm.

(Trích *Tháng Giêng – tháng Giêng một vòng dao quắm*, NXB Phụ nữ, 2009)

Suy luận

² Đoạn văn gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên?

Suy ngẫm và phản hồi

1. Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả về hạt dê, rừng dê quê hương.
2. Đọc văn bản *Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dê hát*, em cảm nhận được điều gì về cái tôi của tác giả Y Phương?
3. Chủ đề của văn bản trên là gì? Dựa vào đâu để em xác định như vậy?
4. Hãy chỉ ra một số đặc điểm của tản văn được thể hiện trong văn bản trên.
5. Nêu cảm nhận của em khi đọc văn bản trên?



Y Phương tên thật là Hứa Vĩnh Sước, người dân tộc Tày, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Các tác phẩm của Y Phương thể hiện vẻ đẹp chân thật, trong sáng và mạnh mẽ; cách biểu đạt giàu hình ảnh theo cách nhìn, cách nghĩ của người miền núi. Văn xuôi Y Phương giàu hình ảnh và chất thơ.

Ông đã xuất bản một số tập thơ như *Người Núi Hoa* (1982), *Tiếng hát tháng Giêng* (1986), *Lửa hồng một góc* (1987), *Lời chúc* (1991), *Đàn Then* (1996), *Thơ Y Phương* (2002),... và các tập tản văn: *Tháng Giêng – tháng Giêng một vòng dao quắm* (2009), *Kungfu người Co Xàu* (2011).

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

Trải nghiệm cùng văn bản

THU SANG

Đỗ Trọng Khơi

Đã tràn ngân nỗi mong manh
Tiếng chim đầy khoảng ngày xanh sang mùa

Vàng như tự nắng tự mưa
Tự lòng đất, tự trời xưa nhuộm về

Xanh lên đã kiệt sức hè
Nắng nồng theo lối hồn ve lia ngàn

Vườn chiều rộn lá thu sang
Heo may ngậm mảnh trăng vàng rong chơi.

(In trong *Tuyển tập thơ Việt Nam 1975 – 2000*, NXB Văn học, 2001)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Nêu cảm nhận của em về những âm thanh, màu sắc được miêu tả trong bài thơ và cho biết những từ ngữ, hình ảnh nào đã mang lại cho em cảm nhận như vậy.
2. Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên và cách thể hiện tình cảm ấy trong bài thơ?
3. Xác định chủ đề của bài thơ.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Đọc lại văn bản *Cốm Vòng* và trả lời các câu hỏi sau:
 - a. Chủ đề xuyên suốt các đoạn, các câu trong văn bản là gì?
 - b. Trình tự sắp xếp các đoạn, các câu trong văn bản có giúp chủ đề được liên mạch, thông suốt hay không? Tại sao?
2. Theo em, nếu thay đổi trật tự các đoạn trong *Cốm Vòng* thì có ảnh hưởng gì đến nội dung văn bản? Hãy thử thay đổi trật tự theo các cách khác nhau và trao đổi với các bạn ý kiến của mình.
3. Văn bản *Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát* đề cập đến nhiều vấn đề như: hạt dẻ, cốm hạt dẻ, rừng cây mùa thu, du lịch Trùng Khánh, con người ở quê sống lâu và hiền hoà,... Như vậy có phải là văn bản thiếu mạch lạc không? Tại sao?

4. Xác định các từ ngữ địa phương theo bảng sau (làm vào vở):

Từ ngữ	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
ba má			
đĩa			
thức quà			
chè xanh			
răng rứa			
mô tê			

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

MÙA PHƠI SÂN TRƯỚC

Nguyễn Ngọc Tư

Hồi con nít thích đi xe đạp về nhà ngoại bằng con đường xóm cặp mé sông Rạch Rập. Đường đất dầm dãi suốt một mùa mưa, chừng¹ gió chướng² thổi về mới ráo tạnh bùn lầy. Đến Chạp³ thì những chân trâu cũng bị bôi xoa hết, có thể đạp xe thông dong mà đã đời⁴ nghiêng ngó.

Mùa Chạp đi bầy cây sỏ không nghe⁵ môi. Gió chướng khoác lên lảng mạt một vẻ mơ màng, đường uốn lượn theo sông, và dòng chảy đó thẩm suốt thoát ẩn thoát hiện sau những lùm cây hoang dại. Dọc đường thấy Tết lấp ló khắp nơi, trên sân nhà người, trên những giàn phơi.

Người nhà quê hồi⁶ mình con nít toàn người nghèo, sân nhà quê hồi ấy cũng rất⁷ sân đất, nên nhà nào cũng cặm⁸ cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa, sân chìm trong nước cũng có chỗ mà đem phơi củi, hay gỏi, chiếu. Những ngày hừng nắng trên giàn luôn có thứ gì đó nóng nằng, khi cặm mốc, khi thì mớ bột gạo thừa trong lúc làm bánh, khi thì

Khi đọc một văn bản tùy bút hoặc tản văn, em cần:

- Tìm hiểu chất trữ tình, cái tôi của nhà văn thể hiện qua văn bản.
- Tìm hiểu ngôn ngữ của văn bản.
- Xác định chủ đề mà văn bản muốn gửi đến người đọc.
- Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.

¹ *Chừng* (tiếng địa phương miền Nam): đến khi, đến lúc.

² *Gió chướng*: gió mùa Đông Bắc (theo cách gọi của người dân Nam Bộ). Khi gió chướng mạnh có thể làm cho độ mặn trong nước sông tăng đột biến, gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất.

³ *Chạp*: tháng Chạp.

⁴ *Đã đời*: thoả thuê.

⁵ *Nghe* (tiếng địa phương miền Nam): cảm thấy.

⁶ *Hồi* (tiếng địa phương miền Nam): lúc, khi.

⁷ *Rất* (tiếng địa phương miền Nam): đều là, hầu hết.

⁸ *Cặm* (tiếng địa phương miền Nam): dựng.

mớ com nguội hay mớ lá dứa khô dùng để nhen lửa, mấy trái đậu bắp già làm giống cho mùa sau, ... Phơi trên giàn mọi thứ khô mau, vì nắng ngun ngút trên mặt, gió lộng phía lung. Những nhà có sân rộng người ta còn phơi lúa trên giàn, lúa khô đem vò¹ bỏ được mấy hôm đã thấy trên mặt sân xâm xấp nước lửa rày² đã lấm tẩm xanh. Qua nhà nào có trẻ nhỏ gặp những tấm chiếu manh con con nằm uống nắng.

Càng gần về cuối năm giàn phơi càng bận rộn. Dầu dãi oằn mình suốt năm, giờ trên giàn bày ra những món ngon chuẩn bị cho cuộc hội hè. Bánh phồng vừa quét xong, củ kiệu³ mới trộn đường xong, mứt gừng mới ngào lửa, ... thứ nào cũng ưa nắng. Nhưng cá khô mới là ưa nắng nhứt hạng, mới cần thứ nắng rờn rờn như thấp lửa, thứ nắng như cháy trên đầu. Mùa Chạp cá làm đĩa⁴ người ta lóp⁵ rọng⁶ lóp làm mắm để ăn dần dần cho tới mùa lúa sau, mớ xé làm khô ăn Tết. Mùa đĩa kéo dài cả tháng nghĩa là lúc nào giàn phơi cũng đầy những con cá nằm nhuộm nắng cho đỏ au da thịt.

Mùa Chạp thế nào cũng gặp người ta ép chuối khô. Chuối xiêm chín cây sẵn ngoài vườn, lột vỏ phơi một nắng, rồi đem ép mỏng. Không như cá khô rừ rừ bọn ruồi nhặng đến mức phải đốt nham nhang cấm nơi đầu gió để xua đuổi chúng, mật chuối tươm ướt rượt chỉ mê dụ quyến rũ lũ ong. Kéo tới đập diu, lão đảo bay đậu như say, những con ong sa đà ở giàn phơi cho đến khi những miếng chuối ép mỏng bắt đầu khô quắt, vàng óng như vừa nướng trên than hồng. Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra Giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa top⁷ miếng trà, hoặc ngào qua vôi khóm⁸, me, ... đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời.

Vậy là nước miếng mình ứa ra, trên từng mét đường về nhà ngoại. Tâm hồn mệt mỏi với những món ăn cực kì mời gọi trong sân thiên hạ. Đang thèm tô com nguội chan nước dừa ăn với khô lóc nướng thì bỗng nghĩ giờ phải có thịt kho Tàu để ăn với dưa kiệu nhà kia, rồi cái hũ⁹ mắm tép dầm nắng sát hàng rào làm mình nhớ nhung chuối chát, khế chua cùng với gừng xắt mịn thì mâm mứt tặc¹⁰ đồ au đằng kia làm mình lịm chết một cách lịm đim như tị kiến.

Chân rõ ràng không mỏi, nhưng tâm rã rời, cứ chạy theo đeo đuổi miết trên những giàn phơi. Hụt hơi, chói với. Có lần về nhà kêu má Tết này làm những món này này, những món mà mình nhìn thấy mang theo trên suốt chặng đường từ nhà ngoại về. Má cười, người ta có đâu có nghĩa là mình phải có.

¹ Vò (tiếng địa phương miền Nam): vào.

² Rày (tiếng địa phương miền Nam): nay, lúc này.

³ Củ kiệu: một loại củ cùng nhóm họ hành, thường dùng muối dưa ngày Tết, làm thành dưa kiệu.

⁴ Đĩa (tiếng địa phương miền Nam): kênh, hồ; làm đĩa là thu hoạch cá lớn ở những kênh lâu năm; cuối năm người dân thường hút hết nước ở các kênh này lên để bắt cá.

⁵ Lóp (tiếng địa phương miền Nam): một phần.

⁶ Rọng: chưa ăn tới thì để trong nước bảo quản sống.

⁷ Top (tiếng địa phương miền Nam): hớp một ngụm.

⁸ Khóm (tiếng địa phương miền Nam): còn gọi là trái thơm, quả dứa.

⁹ Hũ (tiếng địa phương miền Nam): hũ.

¹⁰ Tặc (tiếng địa phương miền Nam): tức quả quất theo tiếng địa phương miền Bắc.

Minh đại hơn cả tuổi mười ba, không hiểu câu đó mấy, nên vẫn muốn má bày thật nhiều thứ trên giàn phơi nhà mình, chớ không phải còm nhom chút dưa kiệu, dưa hành, chút chuối khô,... Nên Chạp sau mình vẫn nhắc, má lại nói ta đâu cần phải có cái mà người ta có.

Cũng may qua mỗi Chạp mỗi mùa phơi mình mỗi lớn, bài học của người của ta mà không nhắc nữa, mình bỗng băng qơ nhớ. Nhận ra trên giàn cũng phơi những thân phận người. Ngó qua khoảng sân đã rợp những cây mồng gà, vạn thọ biết ai ăn Tết lớn ai chịu điu hiu, như ngó qua cái sào phơi quần áo biết nhà ai đông, nhà ai đơn chiếc, ai khá giả, ai nghèo. Năng gió khiến mọi niềm vui, nỗi buồn bày ra như một cuộc diễu hành, không che giấu khách qua đường. Căn chòi của bà già chèo đò hay chở mình qua sông trồng mãi, cho đến ngày cuối Chạp bỗng trên đồng cùi có phơi vài tàu lá chuối, biết tối nay trên sân nhỏ bà sẽ ngồi canh nồi bánh tét đến giao thừa. Mình bỗng nghe nhẹ nhõm khi nhìn theo bóng nhỏ đưa chiếc đò về bên kia sông.

Chật vật mấy, cuối Chạp cũng có cái đem phơi, đem nhuộm nắng, cũng có bụi bông vạn thọ, và bông trang, bông lồng đèn nở rực rỡ trên rào...

(In trong *Bánh trái mùa xưa*, NXB Hội Nhà văn, 2015)

Hướng dẫn đọc

1. Tìm một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả khi nhớ lại những kỉ niệm về “mùa phơi sân trước”. Đó là tình cảm, cảm xúc gì?
2. Nhận xét về chất trữ tình trong văn bản trên.
3. Em cảm nhận được điều gì về cái “tôi” của tác giả đã thể hiện trong văn bản?
4. Xác định chủ đề của văn bản và cho biết dựa vào đâu để em xác định như vậy.
5. Chỉ ra những đặc điểm của tản văn thể hiện trong văn bản trên.



VIẾT

VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI, SỰ VIỆC

Trong cuộc sống, có những sự việc em đã trải qua hoặc chứng kiến để lại nhiều ấn tượng sâu sắc, có những người em đã từng gặp gỡ, gắn bó và yêu thương. Làm thế nào để viết bài văn trình bày tình cảm, cảm xúc về con người hay sự việc? Viết thế nào để khơi gợi được sự đồng cảm của người đọc về những tình cảm em gìn giữ? Phần bài học này sẽ giúp em trả lời những câu hỏi ấy.

Tri thức về kiểu bài

Bài văn biểu cảm về con người, sự việc là kiểu văn bản có mục đích trình bày cảm xúc của người viết về một đối tượng (có thể là con người, sự việc,...).

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Tình cảm trong bài văn phải chân thực, trong sáng.
- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.
- Kết hợp với miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc.
- Bố cục bài viết gồm ba phần:

Mở bài: giới thiệu đối tượng biểu cảm, biểu đạt cảm xúc chung về đối tượng.

Thân bài: biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng. Đối với bài văn biểu cảm về con người, người viết cần biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm gắn với người đó. Đối với bài văn biểu cảm về sự việc, người viết có thể biểu lộ cảm xúc theo trình tự diễn tiến của sự việc.

Kết bài: khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng; rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Cảm nhận về lễ đón giao thừa quê tôi

"Nhấn ai đi về miền đất phương Nam
Trời xanh mây trắng, soi dòng Cửu Long Giang".

**Mở
bài**

Thành phố phố hoa biết mấy, thế mà tôi lại nặng tình tha thiết với quê hương. Lời ca như cơn gió ngang qua đưa tâm trí tôi mơn man trở về tháng ngày của cõi nhớ. Thời gian làm nhòa nhiều thứ, nhưng không sao xoá đi mảnh kí ức đặc biệt trong tôi, về một lần cách đây nhiều năm trước, tôi đã đón cái Tết ở Cần Thơ – mảnh đất cha tôi sinh ra, cũng là nơi gieo cho tôi bao nhớ thương.⁽¹⁾

(1) Giới thiệu và biểu lộ cảm xúc chung của người viết về đối tượng (sự việc).

**Thân
bài**

Những kỉ ức miên man trong tôi theo điệu nhạc du dương, gợi nên bao xúc động bồi hồi.^(2a) Năm ấy, gia đình tôi kịp bắt chuyến xe về trong chiếc ba mươi để không lỡ mất giây phút giao thừa.^(3a) Tâm hồn tôi đã được đón chào bởi thiên nhiên nơi đây, bởi dòng sông trôi đầy thơ mộng, xa xa là những cánh đồng xanh bát ngát, để lại trong tôi một cảm giác yên bình. Tôi yêu biết bao những đoá hoa toả sắc hương, song yêu nhất vẫn là những nhành mai khoác lên mình sắc vàng rực rỡ, như những thiếu nữ kiều sa của mùa xuân. Thanh âm chợ nổi trên

(2a), (2b), (2c)
Trình bày các cảm xúc về đối tượng (sự việc).

sông thưa thớt dần, nhưng lại giúp tôi nhận ra rằng: đã đến lúc tạm gác đi mọi bận bịu cuộc sống, để hoà mình đón xuân sang. ^(4a)

Nhớ lại kỉ ức gia đình sum vầy, đoàn tụ chuẩn bị đón giao thừa, lòng tôi lại xao xuyến, ấm áp. ^(2b) Về đến nhà bà, tôi đã cảm thấy nao nao một cảm giác thân thuộc. Từ xa đã thấy bà chờ ở cửa đón chúng tôi về nhà. ^(3b) Nhìn mái tóc bà bạc phơ, nụ cười móm mém, tôi thấy xiết bao thương nhớ. ^(4b) Tôi nhớ trước phút giao thừa độ hai tiếng, cả nhà cứ xôn xao cả lên. Bụng trên tay đĩa gà luộc nóng hổi đặt lên bàn thờ, tôi mong sao mọi thứ được chuẩn bị tươm tất, để tổ tiên về sum họp cùng con cháu. ^(3c) Mâm cúng của người Việt Nam bao giờ cũng mang ý nghĩa đặc biệt, vì đó là tình cảm mà con cháu đời sau dâng lên tỏ lòng thành với ông bà tổ tiên. Ở miền Nam, mâm cúng thường được bày bốn thứ trái: măng cầu, dưa, đu đủ, xoài, song người dân hay đọc thành "cầu dưa đu xà" ngụ ý mong một năm sung túc. Nhìn mẹ cùng các cô thay nhau trở tài nấu nướng, nào các loại mứt, chè trôi nước, đặc biệt là món thịt kho hột vịt đậm đà, chợt tôi thấy lòng ấm áp lạ thường. ^(3d) Có lẽ, chỉ có ngày Tết mới khiến con người ta gần nhau đến thế, cùng nhau chuẩn bị cho thời khắc giao thừa thiêng liêng.

Thế rồi giao thừa cũng đã đến. Phút giây ấy thời gian như ngừng trôi để lòng người lắng lại. ^(2c) Sắc mai vàng thắm, hương thơm của nôi thịt kho hay chiếc bánh chưng được gói vuông vắn, tất cả quyện vào nhau như một hợp âm làm xao xuyến tâm hồn. ^(4c) Một năm nữa đã trôi qua để lại trong tôi bao xúc cảm: tóc bà tôi thêm bạc trắng, còn tôi vẫn là đứa trẻ và dòng sông ngoài kia vẫn êm đềm trôi. Khoảnh khắc đầu tiên của năm mới, chúng tôi trao cho nhau những lời chúc tốt lành rồi ngồi quây quần, râm râm những tiếng nói cười. ^(3d) Tôi yêu con người Cần Thơ cũng bởi nét duyên dáng mà chân chất, hiền hậu. Ngày ấy tôi mong Tết sẽ kéo dài mãi...

Năm nay, vì nhiều lí do, gia đình tôi không thể về quê ăn Tết được. Lòng tôi cứ mãi thương nhớ kỉ niệm đón giao thừa ở Cần Thơ quê hương. Tôi nhớ bà, nhớ các cô, nhớ hương vị Tết quê dịu dàng, ấm áp mà chan chứa tình người. Thành phố lộng lẫy với biết bao toà nhà tráng lệ, nhưng sao cháu thấy Tết quê mình vẫn là đẹp nhất, bà ơi! ⁽⁵⁾

(3a), (3b), (3c), (3d)
Kết hợp với các yếu tố tự sự để lí giải cho cảm xúc.

(4a), (4b), (4c),
Kết hợp với các yếu tố miêu tả để lí giải cho cảm xúc.

(5) Khẳng định lại cảm xúc, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.

Kết bài

(Nhóm biên soạn)

Đọc bài viết trên và xác định các đặc điểm của kiểu bài văn biểu cảm về sự việc bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết trên được viết để bộc lộ cảm xúc về điều gì?

2. Tìm trong đoạn mở bài câu giới thiệu về sự việc, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết đối với sự việc.
3. Ở phần thân bài, người viết đã biểu lộ cảm xúc như thế nào về sự việc? Để làm rõ những cảm xúc ấy, người viết đã sử dụng những yếu tố hỗ trợ nào?
4. Ở đoạn kết bài, người viết đã trình bày nội dung ra sao?
5. Từ bài viết trên, em rút ra được những lưu ý gì về cách viết bài văn biểu cảm về sự việc?

Hướng dẫn quy trình viết

Để bài:

Viết bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Trước tiên, em hãy trả lời câu hỏi: Yêu cầu của đề bài là gì?

Với đề bài nêu trên, em có thể chọn một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc, chẳng hạn như:

- Ngày khai giảng.
- Lễ đón giao thừa quê em.
- Một lầm lỗi của bản thân.
- Một kỉ niệm đáng nhớ với người thân yêu.
- Lần bản thân đạt được một thành tích đáng nhớ.
- ...

Thu thập tư liệu

Tư liệu liên quan đến sự việc có thể được thu thập từ những nguồn như: quan sát thực tế của em về sự việc, nghe người khác kể về sự việc. Em có thể đọc thêm tư liệu về sự việc trong các sách, báo, trang mạng uy tín. Khi đọc tư liệu, ghi lại những thông tin gợi cho em cảm xúc, ấn tượng sâu sắc về sự việc.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Để có ý tưởng cho bài viết, em cần:

- Ghi những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm của mình về sự việc em muốn viết và phác thảo một vài chi tiết lí giải vì sao mình có tình cảm, cảm xúc đó. Khi viết, em hãy hình dung mình đang trải nghiệm sự việc ấy và ghi lại những ấn tượng, cảm nhận, tình cảm về sự việc.

Trước khi viết, em hãy xác định:

Mục đích viết bài này là gì?

Người đọc bài viết này có thể là ai?

Với mục đích và người đọc đó, em sẽ lựa chọn **nội dung** và **cách viết** như thế nào?

- Xác định một số yếu tố miêu tả, tự sự để làm rõ các tình cảm, cảm xúc bằng cách đặt câu hỏi: *Những kỉ niệm nào khiến em ấn tượng sâu sắc? Khung cảnh diễn ra sự việc có gì đặc biệt? Chú ý các yếu tố gợi ra những cảm nhận về các giác quan.*

Lập dàn ý

Từ những ý đã tìm, lập dàn ý bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.

- Mở bài: giới thiệu sự việc và biểu lộ cảm xúc sâu sắc của người viết về sự việc.
- Thân bài: lần lượt thể hiện những tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thực của người viết thông qua việc miêu tả, kể lại các kỉ niệm ấn tượng, đáng nhớ về sự việc.

– Biểu lộ cảm xúc, lí giải vì sao có cảm xúc đó.

– ...

- Kết bài: khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho sự việc, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.

Bước 3: Viết bài

- Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài. Đối với thân bài, em cần đảm bảo kết hợp yếu tố miêu tả và tự sự để việc bộc lộ cảm xúc được tự nhiên, giúp người đọc hiểu vì sao em có cảm xúc đó.

- Để cảm xúc được bộc lộ một cách chân thật, sâu sắc em có thể sử dụng các từ ngữ miêu tả các trạng thái cảm xúc như *hạnh phúc, bàng hoàng, gấn bó, biết ơn, ...*; các từ ngữ bộc lộ cảm xúc trực tiếp như *ôi chao, trời ơi, xiết bao, ...*; sử dụng những hình ảnh so sánh, ẩn dụ, liên tưởng để giúp cho bài văn thêm gợi cảm, dễ dàng truyền tải được cảm xúc.

- Để đảm bảo các yếu tố miêu tả, tự sự gắn với mục đích bày tỏ tình cảm, cảm xúc, không bị lạc sang văn miêu tả hay kể chuyện, khi viết, em hãy tự trả lời các câu hỏi: *Yếu tố miêu tả, tự sự này nhằm thể hiện cảm xúc nào? Cảm xúc muốn bày tỏ đã được thể hiện trọn vẹn qua các yếu tố miêu tả, tự sự hay chưa?*

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa

Tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh những chi tiết liên quan đến nội dung và cấu trúc của bài viết dựa vào những gợi ý trong bảng sau:

Bảng kiểm bài văn biểu cảm về sự việc

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được đối tượng mà người viết muốn biểu lộ cảm xúc.		
	Giới thiệu được cảm xúc chung của người viết về đối tượng.		

Thân bài	Biểu lộ được ít nhất hai tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thành của người viết.		
	Kết hợp với yếu tố miêu tả để lí giải cho tình cảm, cảm xúc của người viết.		
	Kết hợp với yếu tố tự sự để lí giải cho tình cảm, cảm xúc của người viết.		
Kết bài	Khẳng định được tình cảm, cảm xúc về đối tượng.		
	Rút ra được điều đáng nhớ đối với bản thân.		

Tiếp theo, hãy đọc lại bài viết của mình một lần nữa, bổ sung những nội dung còn thiếu và sửa các lỗi chính tả, dùng từ ngữ, viết câu.

Rút kinh nghiệm

Hãy sử dụng những câu hỏi sau để tự đánh giá những gì mình đã học được sau khi thực hiện bài viết này:

- Việc viết bài văn này giúp em có thêm kinh nghiệm gì trong cách viết bài văn biểu cảm (về sự việc)?
- Nếu được thực hiện lại bài viết này, em sẽ điều chỉnh thế nào để bài viết tốt hơn? Sau khi điều chỉnh bài viết, em có thể chia sẻ với bạn bè, người thân.



NÓI VÀ NGHE

TÓM TẮT Ý CHÍNH DO NGƯỜI KHÁC TRÌNH BÀY

Em đã được học kĩ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày (về đoạn văn) ở bài *Lời cô cây*. Trong bài học này, em hãy vận dụng kĩ năng đó để tóm tắt được ý chính bài văn biểu cảm do bạn mình trình bày.

Sau khi hoàn thành bản tóm tắt, em có thể sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá bài tóm tắt của mình:

Bảng kiểm kĩ năng tóm tắt ý chính bài văn biểu cảm do người khác trình bày

Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Bài tóm tắt đảm bảo thể hiện đầy đủ, chính xác phần trình bày của bạn.		
Ghi được ngắn gọn các thông tin chính mà người khác trình bày bằng các từ khoá, sơ đồ.		
Các ý được tóm tắt rõ ràng, mạch lạc.		

Tiếp theo, em hãy nêu ít nhất hai bài học kinh nghiệm về kỹ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày để có thể sử dụng trong cuộc sống.

ÔN TẬP

1. Tóm tắt các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút mà em đã học.
2. Đọc lại các văn bản trong bài và điền vào phiếu sau (làm vào vở):

Văn bản	Chủ đề	Dấu hiệu nhận biết cái tôi của người viết	Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản
<i>Cốm Vòng</i>			
<i>Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát</i>			
<i>Mùa phơi sân trước</i>			

3. Ghi lại cảm nhận của em về cái tôi của người viết trong văn bản *Cốm Vòng* và *Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát* theo mẫu bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Cảm nhận về cái tôi của người viết
<i>Cốm Vòng</i>	
<i>Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát</i>	

4. Sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền có ý nghĩa như thế nào? Nêu một vài ví dụ thể hiện sự khác biệt ấy.
5. Khi viết bài văn biểu cảm về sự việc và tóm tắt ý chính do người khác trình bày, em cần lưu ý những gì?
6. Ghi lại những món quà mà thiên nhiên đã ban tặng cho em mỗi ngày và những việc em có thể làm để giúp thiên nhiên tươi đẹp hơn (làm vào vở).

Quà tặng của thiên nhiên	Việc em có thể làm để thiên nhiên tươi đẹp hơn
Cây và hoa	...
Các loài động vật	...
Bãi biển đẹp	...
...	...

7. Từ những gì đã học trong bài học này, em hãy trả lời câu hỏi: quà tặng của thiên nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN BẢN THÂN

(Văn bản thông tin)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- Nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thuật ngữ.
- Bước đầu biết viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Giải thích về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Có ý thức tôn trọng luật lệ, quy tắc; yêu thích các hoạt động, trò chơi lành mạnh, giúp phát triển thể chất và tinh thần.

Trong cuộc sống, cũng như trong học tập, việc tìm kiếm, ứng dụng được các giải pháp thiết thực để tiến tới thành công là hết sức quan trọng. Chẳng hạn: Bằng cách nào để rèn luyện, phát triển các kỹ năng cốt yếu như đọc, viết, nói và nghe của bản thân? Đó là những câu hỏi cần được trả lời thoả đáng, nhằm phát triển bản thân đúng cách, hiệu quả hơn.

Qua việc đọc một số văn bản thông tin, bài học này giúp em hiểu thêm một số giải pháp rèn luyện các kỹ năng trong học tập, sinh hoạt, đồng thời biết cách phát huy những thế mạnh vốn có về thể chất và trí tuệ của bản thân.

? Chúng ta có thể khám phá và hoàn thiện bản thân theo cách nào?



TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động

Giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động là một trong các kiểu văn bản thông tin. Trò chơi được giới thiệu có thể là trò chơi truyền thống hay trò chơi hiện đại. Hoạt động được giới thiệu có thể là hoạt động trong sinh hoạt, học tập hay lao động,...

Nhằm giúp cho người đọc hiểu được mục đích ý nghĩa, quy cách thực hiện, kiểu văn bản này thường phải có bố cục rõ ràng, các đề mục kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.

Thông tin cơ bản là thông tin chính, quan trọng, toát ra từ toàn bộ văn bản.

Chi tiết trong văn bản thông tin là đơn vị nhỏ làm cơ sở và góp phần làm sáng tỏ thông tin chính. Trong văn bản thông tin, thông tin cơ bản thường được tóm lược khái quát trong nhan đề, sa-pô. Thông tin chi tiết thường được triển khai qua các đề mục, tiểu mục hoặc các phần, các đoạn trong văn bản, bao gồm cả chi tiết biểu đạt bằng ngôn ngữ lẫn phi ngôn ngữ (số liệu sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu,...). Khái niệm “chi tiết” được hiểu linh hoạt theo nhiều cấp độ. Có thể sơ đồ hoá cấp độ như sau:

[Thông tin cơ bản ⇒ Thông tin chi tiết bậc 1 ⇒ Thông tin chi tiết bậc 2 ⇒ v.v.]

Cước chú là lời giải thích liên quan đến từ ngữ, chi tiết, nguồn trích dẫn,... được dùng trong từng trang văn bản, đặt ở chân trang. Ví dụ: chú thích 1, tr.101, giúp phân biệt “đọc bằng mắt” với “đọc thầm”.

Tài liệu tham khảo là danh mục các tài liệu (sách, công trình, bài báo,...) được tác giả văn bản trích dẫn, tham khảo và được trình bày theo một quy cách nhất định.

Thuật ngữ, đặc điểm và chức năng

Thuật ngữ là từ, ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản thông tin thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và văn bản nghị luận.

Đặc điểm của thuật ngữ: Thuật ngữ có hai đặc điểm chính. *Thứ nhất*, trong một lĩnh vực khoa học, công nghệ, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ. *Thứ hai*, thuật ngữ không có tính biểu cảm. Ví dụ: *Muối* là một thuật ngữ Khoa học Tự nhiên, không có sắc thái biểu cảm: “*Muối là một hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xit*”.

Chức năng của thuật ngữ: Thuật ngữ được dùng để biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ.

CHÚNG TA CÓ THỂ ĐỌC NHANH HƠN?¹

A-đam Khu (Adam Khoo)

A-đam Khu là một doanh nhân thành đạt ở Sin-ga-po (Singapore).

Cuốn sách *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế!* của ông chia sẻ những phương pháp, kĩ năng mà tác giả đã áp dụng trong nhiều năm để có được những thành công trong học vấn và cuộc sống. Sách gồm bốn phần, 18 chương. Văn bản trên trích từ chương 6. *Phương pháp đọc để nắm bắt thông tin*, thuộc Phần II. *Những phương pháp học siêu đẳng*.

Chuẩn bị đọc

1. Theo em, trong các hoạt động như đọc sách, ghi chép,... có cần đến quy tắc, luật lệ không? Vì sao?
2. Khi đọc một văn bản, em thường đọc thành tiếng hay đọc thầm và em đã bằng lòng với khả năng đọc hiểu văn bản của mình chưa? Hãy chia sẻ với các bạn cùng nhóm.

Trải nghiệm cùng văn bản

Học xong cấp Tiểu học, em đã biết cách đọc văn bản nhưng có thể tốc độ đọc còn chậm, nắm bắt thông tin chưa hiệu quả. Để thực hiện hoạt động này tốt hơn, em hãy làm theo lời khuyên và hướng dẫn dưới đây của tác giả A-đam Khu.

1. Sử dụng một cây bút chì làm vật dẫn đường

Khi không có vật gì đi trước dẫn đường, mắt bạn có khuynh hướng nhảy nhót khắp trang giấy làm chậm việc đọc sách của bạn. Do đó, bất kì khi nào bạn đọc sách, hãy dùng một cây bút chì làm vật dẫn mắt bạn qua từng câu văn.

Cách này giúp bạn tập trung hơn vào việc đọc. Một lí do khác của việc dùng bút chì là để điều khiển tốc độ đọc của mắt bạn. Điều này tương tự như việc bạn cần một người khác chỉ đạo tốc độ trong môn đua thuyền vậy. Dịch chuyển bút chì nhanh hơn tốc độ đọc bình thường của bạn một chút giúp rèn luyện mắt bạn đuổi theo bút và quen dần với tốc độ đọc nhanh hơn. ¹

Theo dõi

- 1 Xem hình minh hoạ 1 và 2: đối chiếu các đường nét, chi tiết trong hình với lời văn trong mục 2.

¹ Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.



Hình minh hoạ 1



Hình minh hoạ 2

2. Tìm kiếm những ý chính và các từ khoá

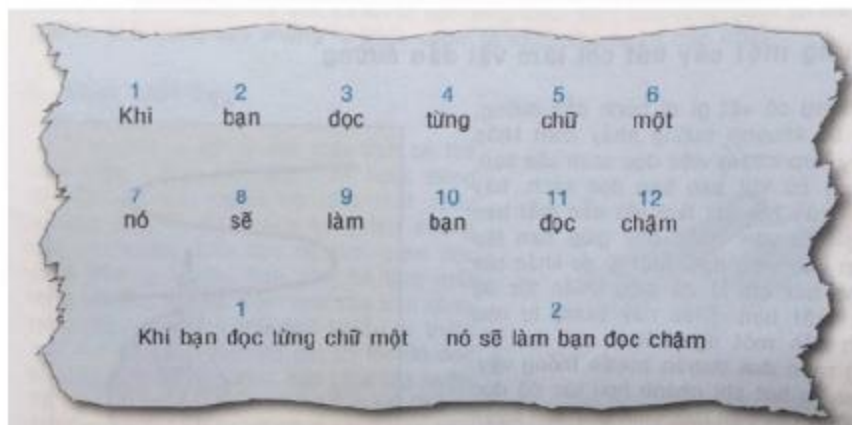
Khi đọc sách, bạn cần lướt qua những từ không chính yếu và tìm kiếm những từ khoá quan trọng. Cùng lúc đó, tìm kiếm các ý chính trong mỗi đoạn văn bản. Thông thường, mỗi đoạn văn đều có một ý chính duy nhất được hỗ trợ bởi nhiều ý phụ. Hiểu được điều này sẽ giúp ích cho tiến trình nắm bắt thông tin của bạn.

3. Mở rộng tầm mắt để đọc được một cụm 5 – 7 chữ một lúc

Khi đọc sách, muốn đọc nhanh bạn không nên để mắt đọc dò từng chữ. Trái lại hãy cố gắng mở rộng tầm mắt đọc như “chụp” đồng thời cả một nhóm 5 – 7 chữ. Thường xuyên luyện tập điều này, tầm mắt của bạn sẽ mở rộng dần. Nhờ thế, tốc độ đọc sẽ nhanh hơn và việc nắm thông tin hiệu quả hơn. ²

Theo dõi

- ² Xem hình minh hoạ 3: đối chiếu các tầm mắt đọc “chụp” từng chữ một với tầm mắt đọc “chụp” đồng thời 5 – 7 chữ.



Hình minh hoạ 3: Dòng 1, 2: mắt “chụp” từng chữ, dòng 3: mắt “chụp” cùng lúc 6 chữ.

4. Tập nghe nhạc nhịp độ nhanh trong lúc đọc khi bạn có một không gian riêng

Khi đọc sách, bạn có thể nghe nhạc không lời có nhịp độ nhanh để rèn luyện cho não và mắt¹ bạn đọc nhanh hơn. Tuy nhiên, bạn nên sử dụng tai nghe nếu bạn muốn vừa nghe nhạc vừa đọc sách ở những nơi cần giữ yên tĩnh cho người xung quanh như trong thư viện chẳng hạn. Chúng ta có khuynh hướng đọc sách nhanh để bắt kịp tốc độ nhạc đang nghe. Sau vài lần luyện tập, bạn sẽ phát hiện rằng bạn đọc nhanh hơn mà không cần bật nhạc. Sự yên lặng không phải lúc nào cũng làm tăng sự tập trung của bạn, trái lại có lúc khiến não bạn đi lơ đãng ở những nơi khác. Một lý do khác của việc đọc sách trong tiếng nhạc dồn dập là nhằm mục đích lấp đi các tiếng động làm xao nhãng khác (như tiếng người nói chuyện, tiếng ti-vi vọng vào từ phòng khách,...), và đập tắt giọng đọc thầm bên trong đang kìm hãm tốc độ đọc bằng mắt của bạn.

5. Đọc phần tóm tắt cuối chương trước

Một kỹ năng đọc sách khác mà đa số học sinh không nhận ra đó là bao giờ cũng nên đọc phần tóm tắt cuối chương trước khi quay lại đọc từ đầu chương. Tại sao? Bởi vì ở cuối chương lúc nào cũng có vài đoạn văn tóm lại ý chính, hoặc trong nhiều trường hợp là có cả các câu hỏi kiểm tra về chương đó. Khi bạn đọc phần cuối chương trước, bạn sẽ có một khái niệm chung về nội dung chính của chương. Đồng thời, não của bạn cũng biết được những thông tin cần thiết nào mà bạn cần tìm hiểu trong chương sách. Và bạn sẽ đọc sách một cách hết sức hiệu quả để nắm bắt những thông tin ấy.

Hơn nữa, bạn nên luôn luôn đọc lướt qua những đề mục chính và phụ trong chương sách trước khi bắt đầu đọc từng chữ chi tiết. Việc đọc lướt này sẽ giúp bạn chuẩn bị tâm trí và đọc hiệu quả hơn.

6. Liên tục thúc đẩy và thử thách khả năng của bạn

Bạn đã từng thấy các vận động viên chạy đua tập luyện như thế nào chưa? Họ buộc các vật nặng vào chân trong lúc chạy. Đây là cách rèn luyện cơ bắp thêm mạnh mẽ, nhưng nó tạo ra cảm giác cực kì nặng nề khó chịu khi luyện tập. Tuy nhiên, khi họ tháo bỏ những vật nặng đó ra, họ bỗng cảm thấy nhẹ nhàng bay bổng và có thể chạy rất nhanh.

Bạn có thể dùng một kỹ thuật tương tự để rèn luyện việc đọc hiệu quả. Khi bạn tập đọc hiệu quả, di chuyển bút chì nhanh để thúc đẩy mắt bạn phải đọc ở một tốc độ mà bạn thấy khó chịu. Ví dụ, nếu bạn chỉ đang đọc được 100 chữ/ phút, bạn phải ép mình đọc được 300 – 400 chữ/ phút. Nếu bạn cảm thấy không nắm kịp thông tin hoặc không thoải mái, không sao cả. Mục đích của việc này là làm bạn quá tải và làm căng hệ thống thần kinh của bạn. Sau nhiều lần thử thách như thế, năng lực não bộ của bạn sẽ được nâng cao rõ rệt. Xin nhắc lại rằng bạn phải thực hành việc này thật nhiều lần để đạt kết quả tốt nhất.

(In trong *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế!* Người dịch: Trần Đăng Khoa – Lương Xuân Vy, NXB Phụ nữ, TGM BOOKS, 2012)

¹ Cần phân biệt: "đọc bằng mắt" và "đọc thắm". *Đọc thắm* là nhìn vào văn bản, miệng vẫn lẩm bẩm theo từng chữ; *đọc bằng mắt* là "đọc bằng giọng đọc bên trong" tức "đọc bằng não".

Tài liệu tham khảo (trích)¹:

1. Ban-lơ (Bandler), R., *Cấu trúc của ma thuật II (The structure of magic II)*, California: Meta Publication, 1975.
2. Ban-lơ (Bandler), R., *Thời gian cho một thay đổi (Time for a change)*, California: Meta Publication, 1993.
3. Bu-gian (Buzan), T., *Sử dụng trí nhớ của bạn (Use your memory)*, London: BBC, 1989.
4. Bu-gian (Buzan), T., *Sách bản đồ tư duy (The mind map book)*, London: BBC, 1993.
5. Rô-sơ (Rose), C., and Nicoll, M. J., *Tăng tốc học hỏi cho thế kỉ XXI (Accelerated learning for the 21st century)*, New York: Dell Publishing, 1984.
6. Sôn (Shone), S., *Hình dung sáng tạo (Creative visualisation)*, London: The Aquarian Press, 1984.

Suy ngẫm và phản hồi

1. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên là một văn bản giới thiệu về một quy tắc trong hoạt động?
2. Xác định thông tin cơ bản của văn bản trên. Nhận xét về mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích viết của văn bản.
3. Với các đoạn 1, 2, 3, nếu không có hình minh họa thì có thể việc đọc hiểu sẽ gặp khó khăn. Vì sao?
Với các đoạn 4, 5, 6, nếu không có hình minh họa thì có thể việc đọc hiểu vẫn thuận lợi. Vì sao?
4. Chỉ ra cước chú trên văn bản và tài liệu tham khảo. Mục *Tài liệu tham khảo* (trích) ở cuối văn bản gồm mấy đơn vị tài liệu, mỗi đơn vị tài liệu có những loại thông tin nào? Việc trình bày tài liệu tham khảo cho văn bản có tác dụng gì?
5. Sau khi đọc văn bản trên, em thấy bản thân có thể luyện tập để đạt tốc độ đọc nhanh hơn hay không?

¹ Trong sách *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế!*, ở mục Tham khảo, trang 276, tác giả A-đam Khu đưa ra một danh mục gồm 22 tài liệu tham khảo. Người biên soạn chỉ trích ra 6 trong số 22 tài liệu ấy.

VĂN BẢN 2

CÁCH GHI CHÉP ĐỂ NẮM CHẮC NỘI DUNG BÀI HỌC

Du Gia Huy (You Jia Hui)

Kĩ năng vàng cho teen thế kỉ XXI do một số giáo sư thuộc Đại học Đài Loan biên soạn và giới thiệu. Bộ sách tập trung vào các loại kĩ năng quan trọng và các vấn đề thiết thực, trong đó có vấn đề cách ghi chép, cách diễn đạt,...

Bí kíp ghi chép hiệu quả của tác giả Du Gia Huy, NXB Kim Đồng, 2020, được biên soạn nhằm hướng dẫn bạn đọc cách ghi chép hiệu quả. Sách gồm 3 chương. Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học là một trong 8 vấn đề của chương 2.

Chuẩn bị đọc

Mỗi khi đọc lại phần ghi chép bài học trong các trang vở của mình, em có thấy nội dung ghi chép của em dễ hiểu, dễ nhớ hay không?

Trải nghiệm cùng văn bản

Ghi chép và chỉnh sửa ghi chép là một quá trình học hỏi kiến thức, biến kiến thức trong sách vở thành kiến thức của bản thân. Quá trình ghi chép không chỉ thể hiện khả năng tìm hiểu vấn đề, mà còn rèn luyện tư duy.

Dự đoán

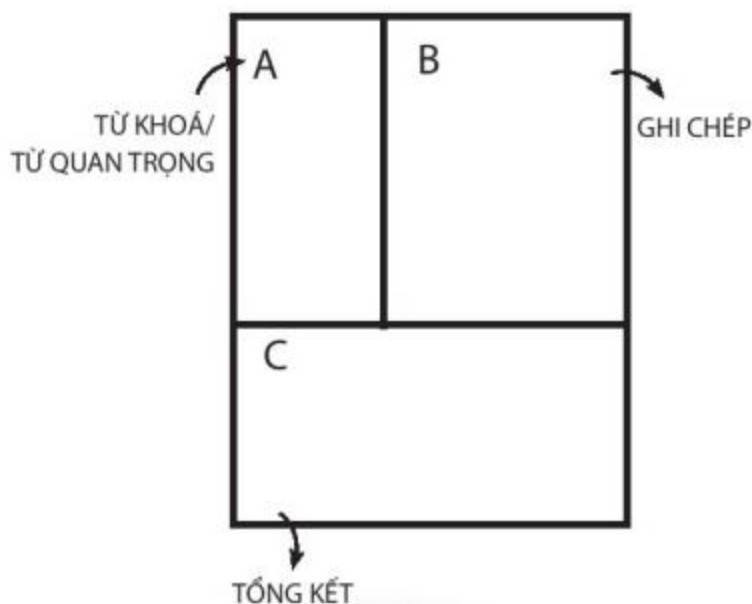
1 Đoạn văn in nghiêng có vai trò thế nào trong văn bản?

Muốn ghi chép sao cho chỉ nhìn một lần là biết trọng tâm nằm ở đâu, bạn có thể sử dụng một trong các cách sau đây.

A. LẬP RA QUY TẮC GHI CHÉP: CHIA RÕ CÁC PHẦN

1. Phân vùng

Dùng phần lề trái trong chỗ được phân vùng, cũng chính là phần A trong ảnh dưới đây để ghi lại sơ lược trọng tâm nội dung bài học.



Hình 1. Phân vùng A, B, C trên trang ghi chép

2. Chia theo màu sắc

Dùng bút màu để ghi chép những nội dung có ý nghĩa khác nhau, như vậy chỉ cần nhìn một lần là biết trọng tâm nằm ở đâu. Ví dụ: dùng bút đen để ghi kiến thức trên bảng, bút xanh để ghi lại lời giảng của thầy cô giáo, bút đỏ để ghi trọng tâm mà thầy cô giáo nhấn mạnh.²

Liên hệ

- 2** Có phải em đôi khi cũng từng sử dụng các “mẹo nhớ” được nêu trong mục này?

3. Khoanh vùng “trọng tâm”

Dù chỉnh sửa trong giờ hay sau khi tan học, nếu bạn thấy nội dung nào quan trọng, có thể dùng bút màu gạch chân hoặc dùng các kí hiệu đặc biệt như mở ngoặc,... để đánh dấu. Sau khi đã hiểu rõ mọi kiến thức trọng tâm trong vở ghi, bạn lại tiếp tục khoanh vùng một lần nữa để làm nổi bật phần trọng tâm nhất của bài học, tự nhắc bản thân phải nhớ kĩ. Như vậy, kể cả khi bạn không đủ thời gian chuẩn bị hoặc khó có thể nhớ hết mọi trọng tâm bài học, thì ít nhất cũng biết chắc được rằng phần nào là phần bắt buộc phải nhớ, không được phép quên.

*** Mẹo nhỏ giúp ghi chép để khi đọc là hiểu ngay:** Trong quá trình sửa lại ghi chép, việc đánh dấu những phần trọng tâm sẽ giúp cho việc ôn lại bài sau này thuận lợi hơn. Bạn có thể tham khảo những cách đánh dấu¹ như:

– Gạch chân các câu, đoạn quan trọng trong một đoạn ghi chép dài.

¹ Một số đoạn diễn giải về những “cách đánh dấu” này được người biên soạn lược bớt.

– Trong đoạn văn đã gạch chân, chọn những từ ngữ cần nhấn mạnh bằng cách gạch chân thêm một đường hoặc tô màu bằng bút dạ quang.

– Có thể dùng kí hiệu phù hợp (dấu ngoặc kép chẳng hạn) đánh dấu phần trọng tâm.

– Dùng bút đỏ hoặc bút dạ quang khoanh lại điểm trọng tâm nhất (chỉ khoanh một chỗ).

B. HỌC CÁCH TÌM NỘI DUNG CHÍNH

Trước khi nghĩ đến chuyện đánh dấu trọng tâm, bạn cần biết cách làm thế nào để tìm ra các trọng tâm. Đối với nhiều người, vấn đề hóc búa nhất trong quá trình học là không thể tìm ra trọng tâm. Đọc xong một đoạn dài, họ vẫn không biết trọng tâm nằm ở đâu.

Thông thường trong một nội dung bài học hoàn chỉnh, một chủ đề lớn có thể phân thành nhiều chủ đề nhỏ, giống như từ một thân cây mọc ra rất nhiều cành lớn nhỏ, giữa các cành cây cũng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Từ rễ cây, nước có thể chuyển tới từng tán lá, ngược lại, dưỡng chất mà lá cây tạo ra cũng có thể quay lại nuôi dưỡng thân cây. Việc tìm kiếm trọng tâm cũng hết như quá trình đó, từng bước mày mò, tìm kiếm.

Dưới đây là một số cách đơn giản giúp bạn dễ dàng nắm bắt nội dung chính của bài học:

1. Tìm từ khoá và câu chủ đề. Thông thường những câu được tô đậm, được viết in hoa; những câu mở đầu, câu kết thúc, ... chính là những câu mang từ khoá quan trọng hoặc là câu chủ đề có thể tổng kết khái quát nội dung toàn văn bản.

2. Đánh dấu những nội dung mà thầy, cô giáo nhấn mạnh tâm “quan trọng” hay giảng đi giảng lại nhiều lần, sau đó, đọc lại sách giáo khoa, tìm cách thảo luận với bạn bè, hỏi thầy cô để hiểu vấn đề cần kỹ hơn.

3. Tự đặt câu hỏi và trả lời. Trong quá trình soạn và ôn lại bài, muốn biết mình đã thật sự nắm được trọng tâm bài học hay chưa, bạn có thể sắm nhiều vai vừa là thầy, cô giáo vừa là học trò, tự đặt ra câu hỏi và tự mình trả lời.

4. Dùng sơ đồ tóm tắt lại những kiến thức đã học: Trước khi thực hiện phương pháp này cần nắm chắc từng nội dung chính, phụ và mối liên hệ giữa chúng sau đó sử dụng sơ đồ để tóm tắt. Thông qua sơ đồ đó, bạn có thể dễ dàng nhìn ra được mối quan hệ giữa các nội dung.

C. PHÂN TÍCH VÀ ĐÓI CHIẾU: THIẾT LẬP MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC TRỌNG TÂM BÀI HỌC

Chú ý những đề mục được in đậm hay viết in hoa trong sách giáo khoa, hoặc tự mình khái quát một đoạn nội dung thành vài chữ hoặc một câu, sau đó ghi chú lên phía trên bản ghi chép. Như vậy, chỉ cần đọc lướt qua đề mục là bạn có thể nắm bắt được nội dung mấu chốt của văn bản.

Bởi vì sách giáo khoa được thiết kế có hệ thống, kết cấu rõ ràng, nên mỗi lần chọn xong đề mục, chắc chắn bạn sẽ nhận ra các đề mục có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Một số chủ đề là trọng tâm của một chủ đề lớn quan trọng nào đó, nhưng một số chủ đề chỉ có mối liên hệ nguyên nhân – kết quả hoặc quan hệ đối chiếu. Trong vở ghi, bạn có thể dùng đường kẻ nối để thể hiện mối quan hệ giữa chúng, hoặc sử dụng nhất quán loại bút màu chuyên dùng cho từng loại nội dung, để phân biệt cấp độ quan trọng của vấn đề, giúp chúng ta dễ dàng hiểu bài hơn.

(In trong *Bí kíp ghi chép hiệu quả*, Di Huân minh hoạ, Thiện Minh dịch, NXB Kim Đồng, 2020)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Những dấu hiệu nào trong văn bản trên giúp em nhận ra đây là văn bản giải thích về một quy tắc hay luật lệ, cách thức trong hoạt động? Mục đích của văn bản này là gì?
2. Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Nhận xét về mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản trên.
3. Hình minh hoạ trong mục A (*Phương pháp phân vịnh*) đã hỗ trợ như thế nào cho phần lời trong việc thể hiện thông tin cơ bản ở mục này?
4. Việc tách riêng mỗi “mèo nhỏ” trong ghi chép thành một đoạn riêng và đánh dấu bằng gạch đầu dòng trong mục *Mèo nhỏ giúp ghi chép để khi đọc là hiểu ngay* có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin chi tiết của văn bản?
5. Theo em, các từ ngữ, câu văn được in đậm và được đánh dấu bằng các chữ số 1, 2, 3, 4 ở một số dòng trong mục B (*Học cách tìm nội dung chính*) có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản?
6. Văn bản đã mang lại những điều gì có ích cho việc ghi chép trong học tập của em?

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

BÀI HỌC TỪ CÂY CAU

Nguyễn Văn Học

Trải nghiệm cùng văn bản

Trước và sau ngôi nhà tổ của tôi đều có cau. Phía trước nhà, cau được trồng khi ông bà mới sinh bố tôi. Hàng cau sau nhà được trồng cùng năm bố tôi lập gia đình. Ông tôi rất yêu những nét đẹp bình dị. Ông luôn chăm chút cho không gian quanh nhà. Nhà phải năm gian, hai chái, lợp ngói mũi hài cổ. Ông bảo, ngôi nhà nông thôn chỉ đẹp khi có sự hài hoà bởi khoảng xanh. Hàng cau trước và sau nhà, hoa trong khuôn viên chính là những khoảng trữ tình mượt mát để làm nên sự hài hoà ấy.

Sau này, ông tôi dựng nhà riêng cho bố tôi ở mé phải ngôi nhà chính. Ông cũng bố trí những khoảng có thể trồng được cây xanh, vừa lấy bóng mát, vừa tạo kiến trúc cho ngôi nhà thi vị. Bây giờ thì cả hai ngôi nhà với những hàng cau cùng thân cau các gia đình hàng xóm trở thành nơi neo giữ hồn quê. Điều đó làm tôi thấy tự hào.

Mỗi người trong gia đình tôi đều gắn bó với cây cau một cách tự nhiên. Tự nhiên và thân thuộc như tình thân. Thân thuộc bởi vì ngày nào cau cũng hiện diện trước nhà, là thực thể trong đời sống và trong nhiều sinh hoạt văn hoá. Vì yêu cau nên yêu cả dáng thẳng của cau, yêu những tàu lá, chiếc mo, yêu hương hoa thơm ngát, yêu những tổ chim trú ngụ bình yên ở đó. Ông tôi chính là người đã gieo vào lòng bố tôi và các chú, rồi lại gieo vào lòng tôi tình yêu quê nhà, yêu những ngõ cau mộc mạc, những sân phơi có bóng cau nghiêm trang. Có lần ông nội hỏi bố: “Nhìn lên cây cau con thấy điều gì?”. Bố tôi trả lời: “Con thấy bầu trời xanh”. Ông lại hỏi tôi: “Nhìn lên cây cau cháu thấy gì?”. Tôi thưa: “Cháu thấy bài học làm người ngay thẳng. Đó là triết lí của ông phải không ạ?”. Ông tôi gật đầu, cười. Tôi liền hỏi lại ông: “Vậy nhìn lên cây cau, ông đã thấy gì ạ?”. Ông điềm nhiên trả lời: “Ông thấy tương lai tươi đẹp của dòng họ ta”.

Theo dõi

- 1 Có bao nhiêu cuộc hỏi - đáp giữa các nhân vật với nhau trong đoạn này?

Thế đó, mỗi người một cách nghĩ, một “sự thấy” khác nhau. Điều đó làm nên sự đa tính cách, khác biệt trong mỗi thành viên, để người này không lặp lại người trước. Mỗi người đều có một cách sáng tạo, cách sống và làm việc, dù là nhỏ cỏ, bắt sâu hay chỉ là dất trâu ra đồng cây ruộng.



Một ngày bình an, tôi ngược lên hàng cau và hỏi: “Ồ trên đó cau có gì vui?”. Tức thì từ trên những tàu cau một đàn chim xoè cánh bay ra. Tôi lại hỏi: “Cau có thấy bầu trời

cao rộng?”. Những tàu cau đung đưa, tạo ra âm thanh xạc xào. Vậy cau có gì cho tuổi thơ tôi? Phần hoa cau rụng xuống. Chiếc mo cau rơi như thả một nốt nhạc. Tôi chợt nhớ tới trò kéo xe bằng mo cau. Ngày xưa, mỗi khi có chiếc mo cau là cái tàu lá khô rụng, hai chị em tôi thường dùng chơi cùng nhau. Tôi và chị thay nhau ngồi ở phần bẹ, rồi lại thay nhau cầm phần đầu của lá để kéo, rồi reo hò cười nói giòn tan.

(Trích Trò chuyện với hàng cau, Báo Quân đội nhân dân, 09/04/2020)

Suy ngẫm và phản hồi

- Hãy điền vào bảng sau những lời hỏi – đáp giữa các nhân vật với nhau và với hàng cau (làm vào vở):

Các cuộc hỏi – đáp	Hỏi	Đáp
Giữa “ông” với “bố”	“Nhìn lên cây cau con thấy điều gì?”	
...

- Theo em, những cây cau có gì đặc biệt mà có thể khơi gợi ở mỗi người trong gia đình của nhân vật “tôi” “một cách nghĩ”, “một cách sáng tạo, cách sống và làm việc, ...”?
- Trong đoạn văn cuối, từ câu “Một ngày bình an, tôi ngược lên hàng cau và hỏi: “Ở trên đó cau có gì vui?”, đến hết văn bản, nhân vật xưng “tôi” trò chuyện với hàng cau, hay trò chuyện với chính mình? Vì sao em kết luận như vậy?
- Tại sao có thể nói: trò chuyện về cây cau, với cây cau cũng là cách giúp các nhân vật tự hoàn thiện bản thân?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

- “Quy tắc”, “luật lệ” có phải là thuật ngữ không? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?
- Trong mục 2 của văn bản *Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học*, “từ khóa”, “câu chủ đề” có phải là thuật ngữ không? Vì sao?
- Điền vào bảng dưới đây một số thuật ngữ được sử dụng trong các phần 1, 2 của văn bản *Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học* (làm vào vở):

Phần văn bản	Thuật ngữ được sử dụng
1. Lập ra quy tắc ghi chép: chia rõ các phần	
2. Học cách tìm nội dung chính	

Dựa vào đâu để em nhận biết các từ ngữ mình liệt kê trong bảng trên là các thuật ngữ?

4. Điền vào bảng dưới đây một số thuật ngữ được sử dụng trong các phần của văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn* (làm vào vở):

Phần văn bản	Thuật ngữ được sử dụng
1.	Ví dụ: tốc độ đọc ...
2.	...
3.	...
4.	...
5.	...
6.	...

Dựa vào đâu để em nhận biết các từ ngữ được liệt kê trong bảng trên là các thuật ngữ?

5. Vận dụng kiến thức đã học từ các môn học Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Toán học, Khoa học Tự nhiên, ... để tìm thuật ngữ và ngành khoa học thích hợp, sau đó hoàn chỉnh bảng tổng hợp dưới đây (làm vào vở):

Thuật ngữ	Giải thích	Ngành khoa học
muối	<i>là một hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít.</i>	Khoa học Tự nhiên
	<i>là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác.</i>	
	<i>là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái.</i>	
	<i>là thiên thể có thể tự phát ra ánh sáng.</i>	
	<i>là lực hút của Trái Đất.</i>	

	là góc có số đo bằng 90° .	
	là đường nối liền các điểm có cùng độ cao trên lược đồ địa hình.	
	là thể loại văn học viết cho thiếu nhi, nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá.	
	là một thời kì tiền sử kéo dài mà trong giai đoạn này đá đã được sử dụng rộng rãi để tạo ra các công cụ có cạnh sắc, đầu nhọn.	

6. Chỉ ra một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn?* và *Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học.*

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC¹

Theo Nguyễn Trọng An



Hình 1. Làm hàng rào, biển báo để phòng tránh đuối nước

¹ Nhan đề văn bản và các đề mục chính do nhóm biên soạn đặt.

Nếu em không chạm vào nước thì sẽ không thể biết bơi. Nhưng ngay cả khi đã biết bơi thành thạo thì em vẫn phải tuân thủ những quy tắc an toàn về bơi lội để phòng tránh đuối nước. Dưới đây là một số quy tắc phòng tránh cần tuân thủ.

1. Bảo đảm an toàn ở những nơi có nước sâu, nguy hiểm

Em hãy nhắc nhở người lớn và nếu có thể, hãy tham gia cùng bố mẹ các việc làm sau nhằm phòng tránh đuối nước:

- Rào quanh ao, hồ nước, rãnh nước xung quanh nhà hoặc nơi công cộng.
- Làm nắp đậy an toàn, khoá cẩn thận các dụng cụ chứa nước trong gia đình như: giếng, bể, lu chứa,...
- Cảnh báo những nơi nước sâu, nguy hiểm.

Khi đọc văn bản giải thích về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động, em nên:

- Xác định mục đích viết, đặc điểm của văn bản và mối quan hệ giữa mục đích viết với các đặc điểm ấy.
- Xác định đúng thông tin cơ bản, thông tin chi tiết và mối quan hệ giữa hai loại thông tin này trong văn bản.
- Chỉ ra tác dụng của việc kết hợp giữa lời giải thích và hình ảnh, sơ đồ minh hoạ.

2. Học bơi

Nếu không chạm vào nước, em sẽ không bao giờ biết bơi. Điều đó đồng nghĩa với việc em sẽ phải bỏ qua rất nhiều trò chơi thú vị dưới nước, như thi bơi, bóng chuyền dưới nước hay đơn giản là nghịch nước. Hãy thuyết phục bố mẹ để được đi học bơi và bắt đầu làm quen với nước trong các điều kiện sau:

- Chọn chỗ nước nông.
- Xuồng nước cùng với người lớn biết bơi.
- Mặc áo phao hoặc mang theo phao bơi.
- Có người cứu hộ giám sát trên bờ.

3. Kiểm tra an toàn trước khi xuống nước trong các môi trường nước cụ thể

a. Tại hồ bơi công cộng

Cần quan sát để biết chắc chắn rằng bể bơi có đầy đủ người cứu hộ và những người này ở khoảng cách đủ gần để có thể cứu hộ ngay lập tức.

b. Tại bãi biển

Luôn tuân thủ các cảnh báo và kí hiệu của đội cứu hộ; luôn bơi gần với người giám hộ và đứng ở vị trí nông hơn người giám hộ.

c. Tại hồ bơi gia đình

Nếu nhà em có hồ bơi, cần phải trang bị đầy đủ các phương tiện cứu hộ; làm hàng rào bảo vệ cao ít nhất 1,2 m quanh hồ bơi. Em không được tự bơi, trừ khi có sự theo dõi của người lớn.

4. Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội

Khi bơi lội, em cần tuân thủ các quy tắc sau:

- Chỉ bơi khi có sự đồng ý và giám sát của người lớn, ngay cả ở những hồ bơi rất nông dành cho trẻ em. Trước khi xuống nước, em nên kiểm tra lại độ sâu. Hầu hết những tổn thương ở vùng cổ và lưng thường do những cú nhảy bổ nhào hoặc lặn dưới hồ có mực nước cạn.

- Chỉ bơi ở những nơi an toàn, cho phép bơi lội. Chúng ta khó mà biết được dưới mặt nước hiện hoá kia ẩn chứa những hiểm hoạ gì, cho nên, trước khi xuống nước, em hãy quan sát xem có biển cấm bơi không, hoặc hỏi những người xung quanh xem vùng nước đó có được phép bơi lội hay không.

- Không bơi lội một mình nơi vắng vẻ, ngay cả khi em là người bơi lội giỏi, vì sẽ không có ai cứu em khi gặp tình huống nguy hiểm.

- Không bơi sau khi ăn, bởi như thế rất hại cho dạ dày.

- Không bơi khi quá nóng hoặc mệt. Em cần phải bảo đảm rằng cơ thể mình khoẻ mạnh trước khi xuống nước, vì môi trường nước có thể làm thân nhiệt hạ xuống đột ngột hoặc khiến em mất sức nhiều hơn.

- Không nên bơi lội trong vùng nước dơ bẩn hay bùn lầy. Vì em sẽ không thể nhìn thấy được đáy nước và có thể bị mắc các bệnh ngoài da, ngứa ngáy khắp người. Em không nên bơi lội ở những nơi có nước chảy quá nhanh, cho dù việc bơi lội xuôi dòng có thể dễ dàng với em hơn.

- Không vừa ăn, vừa bơi để tránh sặc nước. Em cần phải khởi động thật kỹ trước khi xuống nước.

- Không bơi khi người em có nhiều mồ hôi hoặc vừa đi ngoài nắng về, bởi làm như vậy rất dễ bị cảm.

- Lên bờ ngay khi trời tối, có sấm chớp và mưa.

(In trong Cẩm nang phòng tránh đuối nước, Thạc sĩ – Bác sĩ Nguyễn Trọng An (Chủ biên), NXB Kim Đồng, 2019)

Hướng dẫn đọc hiểu

1. Văn bản trên thuyết minh về vấn đề gì? Gồm những đề mục nào?
2. Các điều khoản phòng tránh đuối nước trong mục 4 (*Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội*) thường được trình bày thành hai vế (một vế nêu tên hoặc tóm tắt điều khoản, một vế giải thích điều khoản ấy) như trong bảng dưới đây:

Điều khoản	Phần nêu tên hay tóm tắt điều khoản	Giải thích điều khoản
•	Không bơi sau khi ăn	bởi như thế rất có hại cho dạ dày
•

Hãy tìm trong mục 4 một số điều khoản có cách trình bày tương tự và bổ sung vào bảng (làm vào vở).

3. Theo em, văn bản trên có nên đưa thêm hình minh hoạ hay không? Nếu có, nên đưa hình minh hoạ cho nội dung đề mục nào? Nếu không, hãy giải thích lí do.
4. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên thuộc kiểu văn bản giới thiệu, thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động?



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT QUY TẮC HAY LUẬT LỆ TRONG HOẠT ĐỘNG

Cuộc sống của chúng ta luôn có nhiều hoạt động học tập, vui chơi. Có hoạt động cá nhân, có hoạt động tập thể, nhưng dù hoạt động nào, muốn đạt được hiệu quả mong muốn, chúng ta đều phải hiểu biết và tuân thủ các quy tắc, quy trình hay luật lệ của nó. Ở phần viết trong bài học này, em sẽ được luyện tập kĩ năng viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động.

Thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động là kiểu bài người viết dùng phương tiện giao tiếp ngôn ngữ, hoặc kết hợp với phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ, thuyết minh để người đọc hiểu rõ quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động. Đó chính là những mục mà người tham gia cần tuân thủ, nhằm đảm bảo sự an toàn và hiệu quả cho hoạt động.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nhan đề nêu được tên quy tắc/ luật lệ của hoạt động.
 - Nội dung bài viết cần đảm bảo những phần sau:
 - Giới thiệu ngắn gọn về thời gian, không gian thực hiện hoạt động, mục đích, ý nghĩa của hoạt động.
 - Liệt kê một số phương tiện cần chuẩn bị cho hoạt động (nếu có).
 - Lần lượt thuyết minh về quy tắc/ luật lệ của hoạt động: những điều khoản, quy ước nhằm đảm bảo cho hoạt động thực hiện an toàn, hiệu quả.
- Cấu trúc bài gồm các phần: *mở đầu, phần chính, kết thúc* (xem Sơ đồ ở phần dưới). Riêng với phần chính của bài viết, cần tập trung thuyết minh về các nội dung/ điều khoản trong quy tắc, luật lệ của hoạt động giúp người tham gia hiểu rõ và tuân thủ.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Thuyết minh về một quy tắc trong hoạt động dã ngoại (có cắm trại) ở địa bàn rừng núi

Mở đầu

Các bạn thân mến, chỉ vài ngày nữa thôi là chuyến đi dã ngoại cuối tuần nhằm tìm hiểu phong cảnh, thiên nhiên ở địa phương của lớp chúng ta sẽ bắt đầu. Được sự phân công của ban tổ chức và nhằm góp một tiếng nói vào thành công của chuyến đi, tôi xin được giới thiệu với các bạn một số lưu ý cũng là những quy tắc mà ban tổ chức và mọi thành viên chúng ta cần tuân thủ.⁽¹⁾

(1) Nêu tên hoạt động, lí do giới thiệu quy tắc hoạt động.

Thiên nhiên nơi chúng ta sắp đến hẳn là rất tươi đẹp, nhưng sự hoang dã cũng luôn ẩn chứa nguy hiểm bất ngờ. Hãy hình dung: đầu đó một con rắn lục cuộn mình ẩn trong màu xanh của cây lá bất ngờ tấn công ta; rồi vắt, bọ chét, ong rừng và lũ muỗi nữa. Nếu không cẩn thận, lũ côn trùng ong, muỗi này sẽ được dịp bu lấy, quấy rầy chúng ta! Lúc ấy khó mà có niềm vui trọn vẹn. Vì thế, xin tóm lược mấy lưu ý như sau để mọi người cùng thực hiện.⁽²⁾

(2) Nêu bối cảnh cụ thể cần áp dụng quy tắc hoạt động.

Thứ nhất: cần lựa chọn trang phục và chuẩn bị phương tiện lều trại phù hợp. Khi cắm trại trong rừng, ta nên mặc áo dài tay, quần dài, đi giày cao cổ quá mắt cá để tránh bị vắt, bọ chét cắn. Và nguyên tắc là ưu tiên màu sắc trung tính, không nên chọn trang phục, vật dụng có màu sắc sặc sỡ. Càng nổi bật sẽ càng thu hút lũ côn trùng quan tâm đến chúng ta nhiều hơn.^(3a)

(3a) Nêu và thuyết minh điều khoản thứ nhất trong quy tắc hoạt động.

Phần chính

Thứ hai: cần chuẩn bị túi thuốc y tế dự phòng. Đó là hành trang không thể thiếu. Túi thuốc của đoàn phải có các loại thuốc thông dụng như: thuốc cảm, tiêu thực, thuốc chống say,... bông băng tiện lợi. Trong ba lô nên có: kem chống muỗi, thuốc chống vắt; một chai nước muối loãng để sát trùng vết thương khi bị côn trùng cắn; một ít nhánh sả, lá lười hổ, nén, hoa lan tòi để đuổi rắn,...^(3b)

(3b) Nêu và thuyết minh điều khoản thứ hai trong quy tắc hoạt động.

Thứ ba: phải cẩn thận phòng tránh sự tấn công của rắn rết, các loại côn trùng và muỗi. Có như thế mới tránh được những nguy hiểm, rùi ro đáng tiếc.^(3c)

(3c) Nêu và thuyết minh điều khoản thứ ba trong quy tắc hoạt động.

Chẳng hạn, hãy tránh các lùm cây, bụi rậm khả nghi, nơi lủ rắn, nhất là rắn lục có thể đang ẩn nấp ở đâu đó^(*). Lũ bọ chét thì thường ở lẫn trong cỏ, ta có thể dùng một mảnh vải trắng quệt qua đám cỏ (khu vực bạn cho là có bọ chét), nếu có thì chúng sẽ bám vào vải. Phải làm như vậy trước khi ngồi xuống cỏ^(*). Liên quan đến việc phòng tránh ong, có một điều

(*) Thuyết minh cụ thể hơn về cách thực hiện quy tắc hoạt động.

cần ghi nhớ: Không được dùng loại nước hoa có mùi thơm thu hút ong^(*). Muối nhiều thì sao? Có thể dùng túi ngủ chống cả muối, lẫn côn trùng^(*), v.v... Vài lát vỏ dưa chuột cũng sẽ giúp đuổi được lù kiến đến gần^(*). Việc phòng tránh thực ra không khó, chỉ cần ta chú ý và cẩn trọng thôi.

Cuối cùng: phải chọn vị trí thoáng đãng, cao ráo để cắm trại. Cần đặc biệt lưu ý tránh những nơi ẩm ướt, có cây gỗ và lá mục. Bởi vì, những khu vực đó là môi trường sinh sống ưa thích của các loại côn trùng như rắn rết, vắt, bọ chét và muỗi,...^(3d)

Kết thúc

Mình xin tạm gọi những điểm nói trên là quy tắc an toàn cho hoạt động dã ngoại. Các quy tắc này không do mình nghĩ ra mà chính là kinh nghiệm của các cô chú hướng dẫn viên du lịch và anh chị các lớp trước đúc kết, mình chỉ tiếp thu và truyền đạt lại. Hi vọng là có ích cho việc tổ chức chuyến đi này của chúng ta.⁽⁴⁾

(3d) Nêu và thuyết minh điều khoản thứ tư (cuối cùng) trong quy tắc hoạt động.

(4) Khẳng định lại quy tắc, nhận định về độ tin cậy, ý nghĩa thực tế của quy tắc hoạt động.

(Nhóm biên soạn)

Từ bài viết trên, xác định các đặc điểm của kiểu văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Phần mở đầu có nêu rõ được quy tắc, luật lệ của hoạt động mà người viết cần thuyết minh hay chưa?
2. Phần chính của văn bản có tập trung thuyết minh làm rõ các quy tắc hay luật lệ của hoạt động theo yêu cầu của kiến bài này hay không?
3. Các điều khoản hay nội dung cụ thể của quy tắc/ luật lệ có được sắp xếp hợp lý và văn bản có sử dụng được từ ngữ thích hợp để thể hiện trình tự ấy không?
4. Khi một điều khoản cần được nhấn mạnh, hoặc cụ thể hoá với nhiều chi tiết thì văn bản đã được thể hiện theo cách nào?
5. Phần kết thúc của văn bản đã đáp ứng được yêu cầu chưa?

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động mà em và các bạn trong lớp quan tâm.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Trước tiên, em hãy trả lời câu hỏi: Yêu cầu của đề bài là gì?

Đề tài là hoạt động cần thuyết minh về quy tắc hay luật lệ. Các hoạt động thì rất đa dạng. Chẳng hạn, đề tài có thể là:

– Một hoạt động học tập: hoạt động đọc sách hiệu quả.

– Một hoạt động thể thao như thi đấu bóng đá, bóng chuyền và quy tắc luật lệ của hoạt động này.

– Một hoạt động tập thể như dã ngoại, cắm trại đòi hỏi tuân thủ quy tắc, luật lệ nhằm bảo đảm sự an toàn.

– Một hoạt động đòi hỏi sự khéo tay hay dùng mẹo: gấp đồ chơi bằng giấy, làm túi đựng quà bằng một loại vật liệu thông dụng, chặt dừa lấy nước hay chế biến sinh tố, tẩy sạch vết bẩn, mở chai lọ bị kẹt nắp,...

Điều quan trọng là em cần cân nhắc kĩ và chọn thuyết minh về hoạt động mà mình thật sự hiểu biết về quy tắc hay luật lệ của nó.

Thu thập tư liệu

Tư liệu liên quan đến hoạt động có thể thu thập từ những nguồn khác nhau, bao gồm tài liệu thực tế và tài liệu lưu trữ.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Để có ý tưởng cho bài viết, em cần:

– Xác định một số định hướng chung như: quy tắc, luật lệ gồm có những điểm chính nào? Nên triển khai phân tích bằng mấy ý/ mấy đoạn? Bài thuyết minh nên sử dụng các phương tiện nào (sử dụng ngôn ngữ hay kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ,...)?

– Ghi lại bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong quá trình thu thập tài liệu và tìm ý cho bài viết.

Đọc lại các văn bản *Phòng tránh đuối nước; Thuyết minh về một quy tắc trong hoạt động dã ngoại (có cắm trại) ở địa bàn rừng núi* để có thêm những gợi ý trong khâu này.

Lập dàn ý

Từ những ý đã tìm, em có thể lập dàn ý bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý theo sơ đồ dưới đây.

Trước khi viết, em hãy xác định:

Mục đích viết bài này là gì?

Người đọc bài viết này có thể là ai?

Để đáp ứng mục đích và người đọc đó, **nội dung** và **cách viết** sẽ như thế nào?

Mở đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu tên quy tắc, luật lệ của hoạt động. - Nêu lí do của việc thuyết minh về quy tắc, luật lệ.
Phần chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu vắn tắt mục đích, bối cảnh, thời gian không gian diễn ra hoạt động và sự cần thiết thực hiện hoạt động theo quy tắc 2. Trình bày các điều khoản/ nội dung của quy tắc hay luật lệ <ul style="list-style-type: none"> - Điều khoản/ nội dung 1 - Điều khoản/ nội dung 2 - Điều khoản/ nội dung 3 - ... 3. Một vài lưu ý đặc biệt (nếu có)
Kết thúc	<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa của việc tuân thủ quy tắc, luật lệ. - Đưa ra khuyến nghị đối với người đọc (nếu có).

Bước 3: Viết bài

Lần lượt viết mở đầu, phần chính, kết thúc. Riêng với phần chính, em dựa vào số ý trong quy tắc luật lệ hoạt động để tổ chức số đoạn tương ứng (mỗi ý về quy tắc hay luật lệ nên tổ chức riêng thành một đoạn). Giữa các đoạn nên dùng các từ chuyển tiếp phù hợp để thể hiện sự thay đổi nội dung trong quy tắc, luật lệ. Trong khi viết có thể liên hệ với kinh nghiệm thực hiện hoạt động của bản thân, nhắc người đọc lưu ý, tránh sai lầm thường vấp phải.

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa

Tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh những chi tiết liên quan đến nội dung và cấu trúc của bài viết dựa vào những gợi ý trong bảng sau:

Bảng kiểm bài viết thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ của hoạt động

Các phần	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Nhan đề, Mở đầu	Nhan đề nêu được quy tắc, luật lệ của hoạt động cần thuyết minh.		
	Lí do thuyết minh quy tắc, luật lệ của hoạt động.		

Phần chính	Giới thiệu mục đích bối cảnh, thời gian, không gian diễn ra hoạt động và sự cần thiết thực hiện hoạt động theo quy tắc.		
	Trình bày các điều khoản/ nội dung của quy tắc, luật lệ.		
	Sắp xếp các điều khoản/ nội dung của quy tắc, luật lệ theo trình tự hợp lí.		
	Sử dụng từ ngữ thể hiện được trình tự các điều khoản nội dung thuyết minh.		
	Hướng đến việc tác động hay thuyết phục người đọc tuân thủ quy tắc hay luật lệ.		
Kết thúc	Khẳng định ý nghĩa của việc tuân thủ quy tắc hay luật lệ.		
	Đưa ra khuyến nghị, động viên đối với người đọc/ người nghe (nếu có).		

Tiếp theo, hãy đọc chậm bài viết của mình một lần nữa, bổ sung những nội dung còn thiếu và sửa các lỗi chính tả, dùng từ ngữ, viết câu.

Rút kinh nghiệm

Hãy sử dụng những câu hỏi sau để tự đánh giá lại những gì mình đã học được sau khi thực hiện bài viết này:

– Việc viết bài văn này giúp em có thêm kinh nghiệm gì trong việc viết một văn bản thuyết minh theo yêu cầu của đề bài?

– Nếu được thực hiện lại bài viết này, em sẽ điều chỉnh thế nào để bài viết tốt hơn? Sau khi hoàn thành bài viết có điều chỉnh, em có thể chia sẻ với bạn bè, người thân.



NÓI VÀ NGHE

Em được yêu cầu dựa vào bài viết đã thực hiện về quy tắc an toàn của hoạt động dã ngoại có cắm trại ở địa bàn rừng núi để xây dựng thành bài nói giải thích với các bạn trong lớp. Từ những gì đã viết, để có được bài nói phù hợp, em cần thực hiện như thế nào? Bài học này sẽ hướng dẫn em thực hiện điều đó.

GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Em có thể sử dụng lại đề tài đã thực hiện trong phần viết.

Với đề tài đã có, em cần xác định rõ đối tượng người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Em sử dụng lại các ý chính đã tìm trong bài viết thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Khi luyện tập, em chú ý:

- Lựa chọn từ ngữ sao cho phù hợp với văn nói; cố gắng sử dụng những từ ngữ chỉ thứ tự trình bày các bước, các thao tác của hoạt động để giúp người nghe dễ hình dung; dùng ngữ điệu nhấn mạnh vào những điểm cần lưu ý của hoạt động.

- Dùng những câu phù hợp với văn nói để khích lệ người nghe thực hiện trò chơi hay hoạt động được giới thiệu, ví dụ: *Tôi tin rằng, (các) bạn sẽ dễ dàng thực hiện hoạt động này vì..., Để hoạt động diễn ra an toàn, hiệu quả, (các) bạn nên lưu ý những điểm sau: thứ nhất là... thứ hai là... cuối cùng,...*

- Chuẩn bị phần mở đầu và kết thúc sao cho hấp dẫn. Ví dụ: trình chiếu hình ảnh, clip liên quan đến hoạt động rồi nêu câu hỏi để dẫn dắt vào nội dung trình bày của mình. Để kết thúc bài nói, em có thể nhấn mạnh rằng quy tắc hoạt động không phải do mình tự nghĩ ra mà là sự đúc kết từ kinh nghiệm thực tế của nhiều người; chia sẻ ngắn gọn những cảm xúc hào hứng của mình về chuyện đã ngoại, nhấn mạnh ý nghĩa của việc thực hiện đúng quy tắc của hoạt động,...

Khi trình bày, em nên:

- Chào người nghe và giới thiệu tên em.
- Dùng ngôi thứ nhất để giải thích hoạt động và các quy cách thực hiện; cần sử dụng cách xưng hô phù hợp với đối tượng người nghe.

- Trình bày rõ ràng, mạch lạc và có điểm nhấn những nội dung liên quan đến quy tắc/ luật lệ của hoạt động.

- Sử dụng ngữ điệu linh hoạt và đặc biệt là các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ để mô tả những hành động, thao tác liên quan đến trò chơi hay hoạt động được giới thiệu.

Trước khi nói, em hãy xác định:

Mục đích nói là gì?

Người nghe có thể là ai?

Với mục đích nói và người nghe đó, **nội dung** và **cách nói** sẽ như thế nào?

- Trong quá trình nói, tương tác với người nghe bằng cách nhìn vào mắt họ, mời họ nêu câu hỏi hoặc trả lời câu hỏi của họ.

- Sử dụng kết hợp các phương tiện trực quan như hình ảnh, phim ngắn, sơ đồ,... để minh họa cho một số nội dung của bài nói.

- Khi kết thúc bài nói, em cần cảm ơn sự chăm chú theo dõi của người nghe.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Khi trao đổi với người nghe, em nên:

- Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe.
- Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.
- Tiếp tục trao đổi với người nghe về những điều còn thắc mắc qua những kênh liên lạc cá nhân khác nếu không có thời gian trao đổi trực tiếp.

Khi đánh giá bài nói, em sẽ lần lượt đóng hai vai: người nói và người nghe. Trong cả hai vai, em có thể dựa vào bảng kiểm dưới đây để tự kiểm soát bài nói của mình và góp ý cho bạn.

Khi góp ý, em hãy nêu những điểm thú vị trong bài trình bày của bạn, nêu câu hỏi về những điều em chưa rõ, dùng giọng điệu nhẹ nhàng để giúp bạn nhận ra những điểm cần điều chỉnh trong bài nói của bạn.

Bảng kiểm kỹ năng giải thích về một quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động

Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Người nói giới thiệu tên mình.		
Phần mở đầu ấn tượng, tạo được sự thu hút.		
Phần kết thúc ngắn gọn, lịch sự và tạo được sự khích lệ với người nghe.		
Giới thiệu sơ lược về hoạt động.		
Trình bày ngắn gọn, rõ ràng những nội dung cần chuẩn bị cho hoạt động.		
Giải thích rõ ràng, dễ hiểu quy tắc/ luật lệ của hoạt động (cách thức) thực hiện, những điều cần lưu ý (nếu có).		

Sử dụng từ ngữ phù hợp để làm rõ nội dung, thứ tự sắp xếp các nội dung của quy tắc/ luật lệ.		
Sử dụng cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt và ngữ điệu phù hợp với nội dung.		
Kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan để làm rõ nội dung trình bày.		
Tương tác với người nghe.		
Chào và cảm ơn người nghe.		

ÔN TẬP

1. Điền các thông tin thích hợp từ các văn bản thông tin đã học trong bài vào các ô, cột để hoàn thành bảng dưới đây (làm vào vở):

Tên văn bản thông tin	Mục đích viết	Thông tin cơ bản	Thông tin chi tiết (ví dụ)
<i>Chúng ta có thể đọc nhanh hơn?</i>			
<i>Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học</i>			
<i>Phòng tránh đuối nước</i>			

- Khi đọc hiểu một văn bản giới thiệu về một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động, em cần nắm vững những đặc điểm nào của kiểu văn bản này?
- Khi viết một bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ của hoạt động, em cần lưu ý đến những điều gì?
- Tóm tắt nội dung chính của các bước chuẩn bị và trình bày bài nói giải thích một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động.
- Hãy chia sẻ với bạn học cùng nhóm cảm xúc hay niềm hứng thú của em khi đọc một cuốn sách, trong khi nói, có sử dụng một số thuật ngữ.
- Theo em, việc khám phá và hoàn thiện bản thân có ý nghĩa như thế nào và có thể thực hiện bằng cách nào?

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

ĐỌC VÀ TIẾNG VIỆT

1. Trình bày ngắn gọn đặc điểm các thể loại đã được học ở học kì I bằng cách hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Thể loại	Đặc điểm
Thơ bốn chữ	
Thơ năm chữ	
Truyện ngụ ngôn	
Tuỳ bút	
Tản văn	
Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.	
Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	

2. Đọc văn bản *Ve và kiến* và thực hiện các yêu cầu phía dưới:

Ve và kiến

Ve sầu kêu ve ve
Suốt mùa hè
Đến kì gió bắc thổi
Nguồn cơn thật bồi rối
Một miếng cũng chẳng còn
Ruồi bọ không một con
Vác miệng chịu khúm núm
Sang chị kiến hàng xóm
Xin cùng chị cho vay
Dăm ba hạt qua ngày
Từ nay sang tháng hạ

Em lại xin đem trả
 Trước thu, thề đất trời!
 Xin đủ cả vốn lời
 Tính kiến ghét vay cậy
 Thói ấy chẳng hề chi
 Nắng ráo chú làm gì?
 Kiến hỏi ve như vậy
 Ve rằng: Luôn đêm ngày
 Tôi hát, thiệt gì bác!
 Kiến rằng: Xưa chú hát
 Nay thử múa coi đây.

(La Phong-ten, Nguyễn Văn Vĩnh dịch)

- a. Văn bản trên thuộc thể loại nào? Dựa vào những dấu hiệu nào trong văn bản để em xác định như vậy?
 - b. Tóm tắt văn bản trên bằng một đoạn văn ngắn.
 - c. Nêu nhận xét của em về hai nhân vật ve và kiến.
 - d. Xác định chủ đề hoặc thông điệp của văn bản.
3. Đọc diễn cảm một bài thơ hoặc đoạn thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em yêu thích. Nêu ấn tượng của em về bài thơ, đoạn thơ ấy.
 4. Nêu nhận xét về tác dụng của việc kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp ngôn ngữ với phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin qua văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn* (A-đam Khu) hoặc *Cách ghi chép để nắm nội dung bài học* (Du Gia Huy).
 5. Qua việc đọc các văn bản *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian* (Trần Thị An), *Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”* (Hoàng Tiểu Tụng), *Sức hấp dẫn của truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”* (Minh Khuê), em rút ra những lưu ý gì trong cách đọc hiểu văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?
 6. Hãy liệt kê tên các văn bản, đoạn trích ở phần *Đọc mở rộng theo thể loại* trong học kì I theo các thể loại sau (làm vào vở):

Bài học	Thể loại	Tên văn bản, đoạn trích đọc mở rộng
1	Thơ	
2	Truyện ngụ ngôn	

3	Tuỳ bút, tản văn	
4	Văn bản thông tin	
5	Văn bản nghị luận	

7. Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

(1) Người nhà quê hồi mình con nít toàn người nghèo, sân nhà quê hồi ấy cũng rất sân đất, nên nhà nào cũng chặm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa, sân chìm trong nước cũng có chỗ mà đem phơi củi, hay gối, chiếu. (2) Những ngày hừng nắng trên giàn luôn có thứ gì đỏ ngóng nắng, khi cảm mốc, khi thì mở bột gạo thừa trong lúc làm bánh, khi thì mở com nguội hay mở lá dứa khô dùng để nhen lửa, mấy trái đậu bắp già làm giống cho mùa sau,... (3) Phơi trên giàn mọi thứ khô mau, vì nắng ngun ngút trên mặt, gió lộng phía lưng. (4) Những nhà có sân rộng người ta còn phơi lúa trên giàn, lúa khô đem vô bồ được mấy hôm đã thấy trên mặt sân xấp nước lúa rày đã lấm tẩm xanh. (5) Qua nhà nào có trẻ nhỏ gặp những tấm chiếu manh con con nằm uống nắng.

(Nguyễn Ngọc Tú, Mùa phơi sân trước)

- Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong đoạn văn trên.
- Xác định và nêu chức năng của các phó từ có trong các câu (2), (4).
- Tim ít nhất ba từ địa phương Nam Bộ có trong đoạn văn trên.
- Chủ đề xuyên suốt đoạn văn trên là gì? Theo em, trình tự sắp xếp các câu trong đoạn văn trên có giúp chủ đề được liền mạch, thông suốt hay không? Vì sao?

8. Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Chi tiết trong văn bản thông tin là đơn vị nhỏ làm cơ sở và góp phần làm sáng tỏ thông tin chính. Trong văn bản thông tin, thông tin cơ bản thường được tóm lược khái quát trong nhan đề, sa-pô. Thông tin chi tiết thường được triển khai qua các đề mục, tiểu mục hoặc các phần, các đoạn lớn nhỏ trong văn bản, bao gồm cả chi tiết biểu đạt bằng ngôn ngữ lẫn phi ngôn ngữ (số liệu sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu,...). Khái niệm “chi tiết” được hiểu linh hoạt theo nhiều cấp độ. Có thể **sơ đồ hoá** các cấp độ như sau:

[Thông tin cơ bản \Rightarrow Thông tin chi tiết bậc 1 \Rightarrow Thông tin chi tiết bậc 2 \Rightarrow v.v.]

- Xác định các thuật ngữ có trong đoạn văn trên. Đây là các thuật ngữ của ngành khoa học nào?
- Giải thích ý nghĩa của từ ngữ được in đậm trong đoạn văn trên. Em hãy tìm thêm một số từ ngữ có chứa yếu tố Hán Việt “hoá”.

VIẾT, NÓI VÀ NGHE

9. Vẽ sơ đồ trình bày các bước trong quy trình viết.

10. Ghi lại những kinh nghiệm của em khi thực hiện quy trình viết các kiểu bài đã được học ở học kì I dựa vào bảng sau (làm vào vở):

Kiểu bài	Trước khi viết	Tìm ý và lập dàn ý	Viết bài/ viết đoạn	Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm
Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ				
Bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử				
Bài văn biểu cảm về sự việc				
Bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học				
Bài văn thuyết minh về quy tắc hay luật lệ của hoạt động				

11. Cần lưu ý điều gì khi sáng tác một bài thơ bốn hoặc năm chữ?

12. Nêu một số điểm lưu ý khi trình bày bài nói: Kể lại một truyện ngụ ngôn (có sử dụng cách nói thú vị, di dôm, hài hước).

13. Theo em, khi giải thích về một quy tắc hay luật lệ của hoạt động cần làm gì để người nghe có thể hiểu rõ các quy tắc hay luật lệ của hoạt động đó?

14. Trong khi trao đổi, tranh luận về một vấn đề, em cần có thái độ như thế nào trước các ý kiến khác biệt?

BẢNG HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG VIẾT

Viết là tiến trình nảy sinh ý tưởng, sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để thể hiện ý tưởng thành một văn bản nhằm giao tiếp với người khác.

Tiến trình viết gồm các bước: Chuẩn bị trước khi viết; Tìm ý, lập dàn ý; Viết; Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Các bước này không độc lập với nhau mà xuyên thấm vào nhau, ví dụ như trong quá trình tìm ý, lập dàn ý, ta nhận ra cần phải thu thập thêm tư liệu, trong quá trình lập dàn ý, ta đọc lại yêu cầu của đề bài và nhận ra cần điều chỉnh dàn ý,...

Để bài viết đủ ý, đạt hiệu quả giao tiếp, em cần thực hiện các hướng dẫn sau:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Trước khi viết, em hãy trả lời những câu hỏi sau:

Đề tài bài viết	Đề tài do tôi tự chọn hay được giao? Yêu cầu của đề tài là gì? Yêu cầu về thể loại bài viết là gì?
Mục đích	Tôi viết bài này nhằm mục đích gì?
Người đọc	Người đọc của tôi có thể là ai? Họ đã biết và chưa biết những gì về đề tài này?
Tư liệu	Tôi cần thu thập những thông tin gì cho bài viết? Thu thập ở đâu? Bằng cách nào?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Trong bước này, em nên:

- Liệt kê bất kì ý tưởng nào có trong đầu.
- Đọc lại và sắp xếp các ý tưởng thành các nhóm (có thể dùng sơ đồ).
- Đọc lại yêu cầu của đề bài để điều chỉnh, thêm, bớt các ý tưởng.

Bước 3: Viết

Để bài viết đủ ý, đạt hiệu quả giao tiếp, em nên:

- Triển khai, phát triển các ý tưởng trong dàn ý thành câu, đoạn, bài.
- Đảm bảo các yêu cầu về thể loại của bài viết.
- Tiếp tục nhìn lại yêu cầu của đề bài, của thể loại, người đọc, mục đích viết để điều chỉnh từng phần trong quá trình viết.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Đây là bước giúp em hoàn thiện bài viết, vì thế, em nên:

- Đọc lại toàn bộ bài viết trong sự đối chiếu với yêu cầu của đề bài, thể loại, người đọc, mục đích viết để đảm bảo mình đã triển khai bài viết đúng hướng.
- Đối chiếu với bảng kiểm của kiểu bài để chỉnh sửa nội dung, cấu trúc của bài viết.
- Chỉnh sửa ngữ pháp, chính tả.
- Rút ra bài học kinh nghiệm để lần sau viết tốt hơn.

BẢNG TRA CỤ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Adam Khoo	A-đam Khô	99
	Aesop	E-dốp	37
B	Bandler	Ban-lơ	102
	Behrman	Bơ-mơn	65
	Buzan	Bu-gian	102
C	Canada	Ca-na-đa	63
E	Ernest Hemingway	Ơ-ni-xơ-tơ Hê-minh-uây	63
	Johnsy	Giôn-xi	65
H	Hans Christian Andersen	Han-xơ Cri-xti-an An-đéc-xen	62
I	Italia	I-ta-li-a	65
J	You Jia Hui	Du Gia Huy	103
L	La Fontaine	La Phông-ten	37
	Lysbeth Daumont	Li-xơ-bớt Đao-mon-tơ	62
N	Naples	Na-pô-li	65
	Nobel	Nô-ben	63
O	O' Henry	Ô Hen-ri	65
R	Rose	Rô-sờ	102
	Romeo	Rô-mê-ô	63
S	Shakespeare	Sếch-xơ-pia	63
	Shone	Sôn	102
	Sue	Xu	65
T	Terry Fox	Tơ-ri Phóc	63

BẢNG TRA CỬU THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Trang
C	Chi tiết trong văn bản thông tin	97
	Cốt truyện của truyện ngụ ngôn	32
D	Dấu chấm lửng	31
Đ	Đề tài trong truyện ngụ ngôn	32
H	Hình ảnh	3
M	Mạch lạc trong văn bản	77
	Không gian trong truyện ngụ ngôn	32
N	Nhân vật trong truyện ngụ ngôn	32
	Nhịp thơ và vai trò của nhịp trong thơ	11
P	Phó từ	4
S	Sự kiện	8
T	Tản văn	3
	Thông điệp	4
	Thơ bốn chữ	4
	Thông tin cơ bản	96
	Thuật ngữ	9
	Tình huống truyện	32
	Truyện ngụ ngôn	3
	Tuỳ bút	3
V	Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	55
	Vấn chân/ cước vận	11
	Vấn lưng/ yêu vận	11

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: PHAN THỊ BÍCH VÂN – NGUYỄN VĂN THƯƠNG

Biên tập mỹ thuật: THÁI HỮU DƯƠNG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: THANH BÌNH – NGỌC HÀ – QUỐC HƯNG

Sửa bản in: PHAN THỊ BÍCH VÂN – NGUYỄN VĂN THƯƠNG

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2021) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng ký quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VĂN 7 – TẬP MỘT (Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB:

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20....

Mã số ISBN: Tập 1:

Tập 2:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
2. NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
3. TOÁN 7, TẬP MỘT
4. TOÁN 7, TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 7
Friends Plus - Student Book
6. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7
8. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
9. CÔNG NGHỆ 7
10. TIN HỌC 7
11. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 7
12. ÂM NHẠC 7
13. MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
14. MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
16. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhủ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.

